

BÀI HỌC

Ơi! Ơi! Ơi!



Lớp

3



nhóm lửa việt

Nhà Xuất - bản CÀNH - HỒNG

173, Cô Giang Saigon

SÁCH GIÁO-KHOA BẬC TIỂU-HỌC

NHÓM BIÊN SOẠN LỬA-VIỆT

TRẦN ĐOÀN ĐỨC
BÙI NGỌC TUYẾN

VŨ ĐỨC CỎ

NGUYỄN VĂN LONG

TRỊNH NGỌC NGUYỄN
ĐÀO HUY VINH

VŨ NGÔ MƯU

Sách đã in:

- VIỆT-NGŨ lớp Năm, Bốn, Ba, Hai.
- HỌC VĂN lớp Một
- BÀI HỌC GIÁN-YẾU lớp Năm, Bốn, Ba, Hai.
- TẬP VIẾT lớp Một, Hai, Ba, Bốn.

Sách đang in:

- VIỆT-NGŨ lớp Một.
- TOÁN-PHÁP lớp Năm, Bốn, Ba.
- LUYỆN THI VÀO LỚP SÁU Trung-học.
- LUẬN VĂN lớp Năm, Bốn
- TOÁN ĐÓ VÀ CẦU-HỎI luyện thi lớp Sáu.

6700

Nhà Xuất bản CÀNH HỒNG

Giá 100 đ.

Từ nhà kho sách xưa
của Quán Ven Đường

Đến như mái một học hội
và một hội giao du nhau
hải. Đến như một vị tướng
Tiểu h. Công đồng Andôn Tôn tạo
thần y cầu...

Sài gòn 8.12.2012

LỜI NÓI ĐẦU

M

Chúng tôi biên soạn cuốn **BÀI HỌC GIẢN YẾU** Lớp Ba, với những ước vọng thật khiêm nhường.

1— Cung cấp **một tài liệu chính xác** và **tạm đủ** để qui vị giáo chức **tiện dùng** trong việc soạn bài và giảng dạy.

2— Giúp ích tối đa cho các em học sinh trong việc học tập.
Nhằm hai mục đích ấy, chúng tôi đã cố gắng:

○ Soạn cho mỗi môn học một **số bài vừa đủ** dùng cho niên khóa, **đúng theo chương trình hiện hành của Bộ Giáo dục**.

● Bài soạn giản yếu, song vẫn đầy đủ chi tiết cần thiết.

● Nhiều hình ảnh đi liền ngay với bài để **cụ thể hóa** bài học. Riêng mỗi địa lý, các **bản đồ được vẽ với đường nét thật đơn giản** và theo ô giấy vở học sinh, để các em có thể vẽ lại một cách dễ dàng, nhanh chóng.

Ngoài ra, nhà xuất bản đã cố gắng vượt bậc để sách hoàn toàn in **«off-set»**, hầu đạt được một hình thức **ĐẸP, SÁNG SỬA, RÕ RÀNG**.

Dù cho đã cố gắng rất nhiều, chúng tôi cũng tự biết không tránh khỏi những thiếu sót. Ước mong được qui vị đồng nghiệp sẵn lòng chỉ giáo để khi tái bản được hoàn hảo hơn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn qui vị.

Nhóm Biên soạn và Nhà Xuất Bản.

MỤC-LỤC

Đức-dục

Chương I : RÈN LUYỆN TÍNH TỐT

- 1 — Sức khoẻ rất quý
- 2 — Tập thể dục
- 3 — Năng vận-động
- 4 — Bạo dạn
- 5 — Không thóc mách
- 6 — Biết theo lẽ phải
- 7 — Biết nhận lỗi
- 8 — Cố gắng
- 9 — Tiết kiệm
- 10 — Nhún nhường
- 11 — Phải tập tính nhún nhường
- 12 — Kiểm thảo

Chương II : BỒN PHẬN TRẺ TRONG GIA ĐÌNH

- 13 — Cách đối đãi với người giúp việc trong nhà
- 14 — Yêu mến họ-hàng
- 15 — Năng đi lại thăm hỏi họ hàng
- 16 — Giúp đỡ họ-hàng
- 17 — Bồn phận anh chị : thương yêu và săn-sóc các em
- 18 — Bồn phận anh chị : giúp đỡ và khuyên bảo các em
- 19 — Bồn phận anh chị : nuôi-nấng và gây dựng cho các em

20 — Bồn phận làm em

21 — Kiểm thảo

Chương III : BỒN PHẬN TRẺ Ở HỌC ĐƯỜNG

22 — Phải biết ơn thầy

23 — Bồn phận đối với thầy khi thời học

24 — Bạn bè phải thương yêu nhau

25 — Bạn bè phải giúp đỡ nhau

26 — Bồn phận đối với bạn bè khi thời học

27 — Kiểm thảo

Chương IV : BỒN PHẬN ĐỐI VỚI NGƯỜI NGOÀI

28 — Chào hỏi người trên

29 — Xưng hô với người trên

30 — Chào hỏi người ngang hàng

31 — Cách xưng hô với người ngang hàng

32 — Thăm viếng bạn-bè

33 — Gõ cửa trước khi vào nhà

34 — Biết tỏ lời cảm ơn

35 — Biết nói xin lỗi

36 — Trọng giờ nghỉ trưa và tối

37 — Cách ăn mặc

38 — Cử-chỉ, ngôn-ngữ trên xe, trên tàu

39 — Cử-chỉ, ngôn-ngữ ở ngoài đường

40 — Cử-chỉ, ngôn-ngữ ở rạp hát

41 — Cử-chỉ, ngôn-ngữ ở nhà ga

42 — Cử-chỉ, ngôn-ngữ ở nhà bưu-diện

43 — Cử-chỉ, ngôn-ngữ khi đến công-sở

44 — Cử-chỉ, ngôn-ngữ khi đi dự lễ

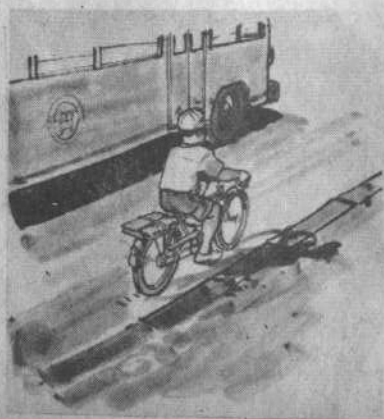
- 45 — Cử-chỉ, ngôn-ngữ khi gặp đám ma
- 46 — Cử-chỉ khi đi đưa đám ma
- 47 — Cử-chỉ khi nghe quốc ca
- 48 — Cử-chỉ khi chào quốc-kỳ
- 49 — Kiểm thảo

Chương V : KHI ĐI ĐƯỜNG

- 50 — Luật đi đường
- 51 — Đi bên lề mặt
- 52 — Hiệu đèn xanh, đèn đỏ
- 53 — Băng qua đường — đường dành riêng
- 54 — Kiểm thảo

Chương VI : TỔ-CHỨC HÀNH-CHÁNH

- 55 — Xã
- 56 — Ấp
- 57 — Liên gia-khóm
- 58 — Phường
- 59 — Kiểm thảo



Chương I

RÈN LUYỆN TÍNH TỐT

1.— SỨC KHOẺ RẤT QUÝ

Dàn bài

- 1— Sức-khoẻ rất quý.
- 2— Phải giữ-gìn sức-khoẻ.

Bài học

Sức-khoẻ quý nhất trên đời. Người có khoẻ-mạnh mới làm được mọi việc. Học-sinh có khoẻ-mạnh, học-hành dễ tấn tới.

Ta phải ăn ở theo phép vệ-sinh và năng tập thể dục để giữ-gìn và tăng thêm sức-khoẻ.

Quyết-định.— Em luôn luôn giữ-gìn sức-khoẻ.

Cách ngôn.— Sức khoẻ là vàng.

Câu hỏi

— Muốn làm được mọi việc, trong người phải thế nào? — Học-sinh khoẻ-mạnh học-hành ra sao? — Ta phải làm gì để giữ-gìn và tăng thêm sức-khoẻ?

Thực hành

Cho học-sinh rửa tay sạch, cắt móng tay cụt...



2. — TẬP THỂ-DỤC

Dàn bài :

- 1— Tập thể-dục cho người khoẻ-mạnh.
- 2— Tập thể-dục đều đặn và không quá sức.

Bài học

Tập thể-dục giúp ta giữ-gìn và tăng thêm sức-lực. Người tập thể-dục thân-thể nở-nang, nhanh-nhẹn, dai...

Ta nên tập thể-dục đều-dặn mỗi buổi sáng ở thoáng-khí, nhưng không nên tập quá sức.

Quyết định. — Em quyết tập thể-dục mỗi buổi sáng.

Câu hỏi

— Tập thể-dục có ích lợi gì? — Người tập thể-dục thay đổi ra sao? — Ta phải tập thể-dục như thế nào mới có lợi?

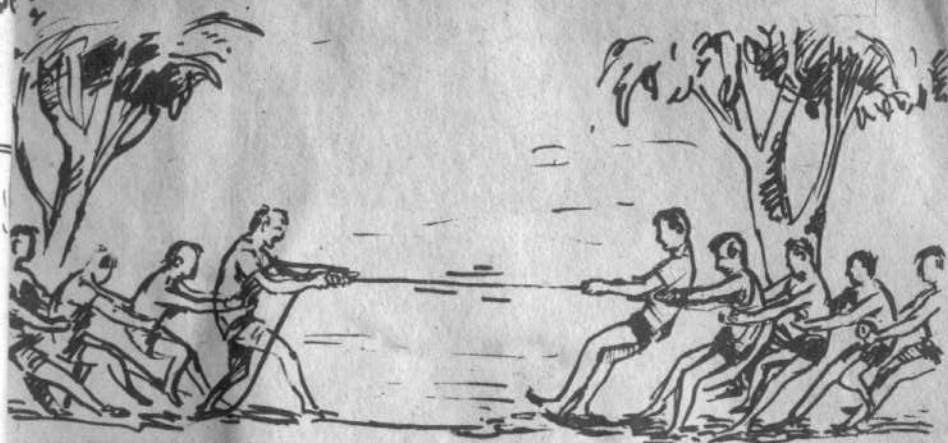
Thực hành :

Dạy học sinh tập thể-dục.

3. — NĂNG VẬN-ĐỘNG

Dàn bài :

- 1— Thế nào là người năng vận-động?
- 2— Ích-lợi của sự năng vận-động.



Bài học

Người năng vận-động thường làm việc luôn tay, không ưa ăn đứng ngồi rồi.

Năng vận-động làm cho thân-thể khoẻ-mạnh, tinh thần sáng-suốt và tâm-hồn lành-mạnh, vui-tươi.

Quyết định. — Em năng vận-động để thân-thể khoẻ mạnh.

Câu hỏi

Người năng vận-động thường làm việc ra sao? — Năng vận-động có ích lợi gì? — Em quyết-định thế nào?

Thực hành

Hướng dẫn học sinh chơi cướp cờ hay kéo co...

Dàn bài

4. — BẠO-DẠN

1— Bao-dạn là gì?

2— Nên tập tính bạo-dạn.

Bài học

Người bạo-dạn không rụt-rè, nhút-nhát và sợ-sệt một cách vô lý.

Học-sinh nên tập tính bạo-dạn. Trong lớp, ta nên luôn luôn giơ tay xin trả lời câu hỏi của thầy. Mỗi khi có việc gì, ta nên mạnh-dạn xin làm trước.

Quyết định. — Em quyết tập cho quen bạo-dạn.



Câu hỏi

— Thế nào là người bạo-dạn? — Trong lớp, mỗi khi hỏi người học-sinh bạo-dạn thường làm gì? — Mỗi khi việc gì người bạo-dạn thường thế nào?

Thực hành

Tập cho học-sinh đứng thẳng, tay buông thẳng, mắt vào thầy hoặc bạn, trả lời lớn các câu hỏi.

5. — KHÔNG THÓC-MÁCH

Dàn bài

- 1— Thốc-mách là thói xấu.
- 2— Ta không nên thốc-mách.

Bài học

Người học-trò ưa thốc-mách thường rình-mò, hễ bạn có lỗi gì thì mách thầy. Như thế là một thói xấu.

Người thốc-mách không ai ưa. Ta không nên mách.

✍ Quyết định. — Em quyết không bao giờ thốc-mách.

Câu hỏi

— Người học-trò thốc-mách thường làm gì? — Thốc-mách là một thói thế nào? — Tại sao ta không nên thốc-mách?

Thực hành

Khi gặp một học-sinh thóc-mách, phải sửa đổi tính-nết em đó cách nào? Cho thảo-luận.

6. — BIẾT THEO LẼ PHẢI

Dàn bài

1— Thế nào là người biết theo lẽ phải?

2— Nên nghe theo lời nói phải.

Bài học

Người biết theo lẽ phải, biết, phân-biệt điều phải, điều quấy.

Học-sinh nên nghe theo lời nói phải thì mới nên người. Khi phạm lỗi, học-sinh cần biết nhận lỗi của mình.

Quyết-định.— Em luôn luôn trọng lẽ phải.

Ca-dao : Con ơi muốn nên thân người,

Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha.

Câu hỏi

— Thế nào là người biết theo lẽ phải? — Tại sao học-sinh nên nghe theo lời nói phải? — Khi phạm lỗi, học-sinh cần phải biết điều gì? — Em quyết-định thế nào?

Thực hành

Tập cho học-sinh biết những lời thầy, cô hoặc cha mẹ răn dạy đều là những điều hay, lẽ phải, và khuyến-khích các em vâng theo những điều hay, lẽ phải đó.

7. — BIẾT NHẬN LỖI

Dàn bài

1— Biết nhận lỗi.

2— Phải biết ăn-năn sửa đổi khi phạm lỗi.

Bài học

Mỗi khi lỡ làm điều gì quấy, ta không được đổ cho người khác hay chối quanh. Ta phải can-
nhận lỗi của mình.

Khi phạm lỗi, phải biết ăn-năn sửa đổi đề lần
không phạm nữa.

Quyết-định. — Em can-đảm nhận lỗi của mình để sửa

Câu hỏi

— Mỗi khi phạm lỗi ta không được làm điều gì? —
phạm lỗi, ta phải làm thế nào? — Ta làm gì đề lần sau không
phạm lỗi nữa?

Thực hành

Tập cho học sinh mạnh-dạn nhận lỗi của mình khi đã
phạm phải.

8. — CỐ-GẮNG**Dàn bài**

1— Cố-gắng là gì?

2— Ích-lợi của sự cố-gắng.

Bài học

Cố-gắng là đem hết tâm-trí, sức-lực ra làm việc.
Học-sinh biết cố-gắng luôn luôn học thuộc bài và làm
bài đầy đủ.

Làm việc biết cố-gắng thì dễ thành-công. Học-sinh
cố-gắng học-hành thì mau tấn-tới.

Quyết-định. — Em quyết tâm cố-gắng học-hành.

Cách ngôn. — Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Câu hỏi

— Cố-gắng là gì? — Thế nào là người học-sinh biết cố-gắng? — Tại sao phải cố-gắng? — Muốn mau tấn-tới, học-sinh phải làm thế nào?

Thực hành

Khen những học-sinh cố-gắng học-tập.

9. — TIẾT-KIỆM

Dàn bài

- 1— Tiết-kiệm là gì?
- 2— Phải tập tính tiết-kiệm.

Bài học

Tiết-kiệm là không tiêu-xài hoang-phí, biết dành-dựm đề phòng khi đau ốm, hoạn-nạn.

Học-sinh cần phải tập tính tiết-kiệm. Sách vở, đồ dùng giữ-gìn cẩn-thận thì đỡ tốn tiền của cha mẹ.

Quyết-định. — Em phải tiết-kiệm đề đỡ tốn tiền của cha mẹ.

Tục ngữ. — Làm khi lành đề dành khi đau.

Câu hỏi

— Tiết-kiệm là gì? — Tại sao cần phải đề dành tiền? — Thế nào là người học-sinh biết tiết-kiệm?



Thực hành

Ngăn cấm học - sinh ăn quà vặt, bỏ phí hoặc xé giấy tờ làm hư hoặc để mất đồ dùng.

10. — NHÚN-NHƯỜNG**Dàn bài**

- 1— Nhún-nhường là gì ?
- 2— Phải nhún-nhường.

Bài học

Nhún-nhường là không khoe-khoang, không ki ngạo.

Học sinh phải biết nhún-nhường, không bao giờ c giỏi, khoe tài hay ý mình giàu có mà coi thường bạn

Quyết định. — Em luôn luôn nhún-nhường với bạn-

Câu hỏi

— Nhún-nhường là gì ? — Thế nào là người học-sinh nhún-nhường ? — Em quyết-định thế nào ?.

Thực hành

Tập cho học-sinh biết nhún-nhường với bạn

11. — PHẢI TẬP TÍNH NHÚN-NHƯỜNG**Dàn bài**

- 1— Nhún-nhường là một tính tốt.
- 2— Tập tính nhún-nhường.

Bài học

Nhún-nhường là một tính tốt. Người nhún-nhường được mọi người yêu mến.

Học-sinh phải tập tính nhún-nhường bằng cách n nắnng lễ-phép, nhường-nhịn bạn bè.

Quyết định. — Em luôn luôn nhường-nhịn bạn bè.

ang,

Câu hỏi

—Người nhún-nhường được mọi người đối xử thế nào? —
 Học-sinh tập tính nhún-nhường bằng cách nào? — Đối với bạn
 bè em luôn luôn thế nào?

Thực hành

Khen những học-sinh biết nhường-nhịn bạn-bè.

êu-

cây

bè.

bè.

giết

ng

ói

**12 - KIỂM THẢO**

Những trò nào đã :

- Tập thể-dục mỗi buổi sáng?
- Không sợ đêm tối?
- Không bao giờ thóc - mách?
- Biết vâng lời thầy và cha mẹ?
- Biết nhận lỗi của mình mỗi khi phạm lỗi?
- Giữ-gìn đồ dùng, sách-vở cẩn-thận để đỡ tốn tiền của cha mẹ?
- Nhường-nhịn bạn-bè?



Chương II

BỐN PHÂN TRẺ ĐỐI VỚI GIA-ĐÌNH

13. — CÁCH ĐỐI-ĐÃI VỚI NGƯỜI GIÚP VIỆC TRONG NHÀ

Dàn bài

- 1— Sự vất-vả của người giúp việc.
- 2— Đối-đãi tử-tế với người giúp việc.

Bài học

Người giúp việc trong nhà thường phải thức khuya dậy sớm, làm lụng vất-vả để giúp gia-đình ta.

Ta cần phải đối-đãi tử-tế với người làm như người trong gia-đình. Khi bảo họ làm việc gì, ta nên dùng lời lẽ dịu-dàng, tử-tế. Khi họ đau ốm, ta phải lo săn-sóc thuốc-men.

Quyết định. — Em luôn luôn đối-đãi tử-tế với người giúp việc trong nhà.

Câu hỏi

— Người giúp việc trong nhà thường phải làm việc thế nào?
— Ta phải đối-đãi với họ ra sao? — Mỗi khi bảo họ làm việc gì ta nên dùng lời lẽ thế nào? — Khi họ đau ốm, ta phải làm gì?

Thực hành

Cho học-sinh đóng kịch một người chủ đối-đãi tử-tế với người làm.

14. — YÊU MẾN HỌ-HÀNG

Dàn bài

1. — Họ-hàng là gì ?
2. — Yêu mến họ-hàng.

Bài học

Họ-hàng là những người cùng chung một ông tổ sinh ra, như chú bác, cô dì, cậu mợ...

Ta phải yêu mến họ-hàng. Đối với họ-hàng ta phải thành thật và ăn ở thuận-hoà. Khi gặp họ-hàng ta phải ân-cần hỏi-han.

Quyết định. — Em luôn luôn yêu mến họ-hàng.

Tục ngữ. — Một giọt máu đào hơn ao nước lã.

Câu hỏi :

— Thế nào là những người cùng trong họ-hàng ? — Cho thí dụ. — Ta phải làm gì để tỏ lòng yêu mến họ-hàng ? — Em quyết-định thế nào ?

Thực hành

Thuật chuyện về tình thân thiết họ-hàng để khuyên học-sinh biết yêu-mến họ-hàng.

15. — NĂNG ĐI LẠI THĂM HỎI HỌ-HÀNG

Dàn bài

1. — Đi lại thăm hỏi họ-hàng.
2. — Viết thư thăm hỏi họ-hàng ở xa.

Bài học :

Ta nên năng đi lại thăm hỏi các bà con trong họ. Có như vậy tình họ-hàng mới thân-thiết.

Nếu họ-hàng ở xa, ta nên năng viết thư đề hỏi thăm.

Quyết định. — Em năng đi lại thăm hỏi họ-hàng.

Câu hỏi

— Muốn cho tình họ-hàng được thân-thiết, ta nên làm gì?
 Khi họ-hàng ở xa, ta phải làm thế nào? — Em quyết định
 ra sao?

Thực hành

Em nào thường đi thăm họ-hàng? — Em nên đi thăm họ-hàng
 hàng hoặc viết thư thăm họ-hàng vào những dịp nào? — Có
 học-sinh thảo-luận.

16 — GIÚP ĐỠ HỌ-HÀNG

Dàn bài:

- 1 — Giúp đỡ họ-hàng.
- 2 — Bệnh-vực họ-hàng.

Bài học

Người trong họ có bổn phận phải giúp đỡ lẫn nhau.
 Khi trong họ, nhà nào có việc như làm nhà, cưới hỏi
 hay gặp tai nạn, ốm đau.... những bà con trong họ nên
 đến trông nom, giúp đỡ.

Nếu trong họ có người bị ức-hiếp, ta phải hết lòng
 bênh vực.

Quyết định. — Em luôn luôn giúp đỡ bà con trong họ.

Tục ngữ — Một con ngựa đau, cả tàu chê cỏ.

Câu hỏi

— Đối với họ-hàng, ta có bổn-phận gì? — Họ-hàng phải
 giúp đỡ nhau những khi nào? — Khi trong họ có người bị ức-
 hiếp ta phải làm gì?

Thực hành

Kể những việc gia đình trò thường làm để giúp đỡ họ-hàng.

17.— BỒN-PHẬN ANH CHỊ THƯƠNG YÊU VÀ SĂN-SÓC CÁC EM

Dàn bài

- 1— Thương yêu các em.
- 2— Săn-sóc các em.

Bài học

Anh chị em cùng cha mẹ sinh ra, khác nào như thể tay chân. Anh chị có bồn-phận phải thương yêu các em tha-thiết.

Cha mẹ thường bận rộn nhiều công việc, anh chị có bồn-phận giúp đỡ cha mẹ trông nom, săn sóc các em.

Quyết định.— Tôi luôn luôn thương yêu và săn-sóc các em.

Tục ngữ.— Anh em như thể tay chân.

Câu hỏi

— Anh chị em cùng cha mẹ được ví như gì? — Anh chị có những bồn-phận gì đối với các em? — Em quyết-định thế nào?

Thực hành

Kể những việc trò đã làm để săn-sóc các em ở nhà.

18.— BỒN-PHẬN ANH CHỊ : GIÚP ĐỠ VÀ KHUYÊN BẢO CÁC EM

Dàn bài

- 1— Giúp đỡ em.
- 2— Khuyên bảo em.



Bài học

Anh chị có bồn-phận giúp đỡ các em. Khi thấy em không hiểu bài thì giảng-giải cho hiểu. Nếu các gặp việc gì khó-khăn, anh chị nên sẵn-sàng giúp-đỡ.

Các em còn nhỏ dại thường làm điều sai quấy. Anh chị phải khuyên bảo các em.

Quyết-định.— Em sẵn-sàng giúp-đỡ và khuyên bảo em nhỏ.

Tục-ngữ.— Chị ngã em nâng.

Câu hỏi

— Anh chị có bồn-phận gì với các em? — Khi thấy các em không hiểu bài anh chị phải làm gì? — Nếu các em làm lỗi, anh chị phải thế nào?

Thực hành

Trò nào ở nhà thường chỉ bài cho các em? Trò còn có thể làm gì để giúp-đỡ các em?

19.— BỒN-PHẬN ANH CHỊ : NUÔI NẮNG VÀ GÂY-DỰNG CHO CÁC EM

Dàn bài

1— Khi cha mẹ già yếu.

2— Khi cha mẹ qua đời.

Bài học

Khi cha mẹ già yếu, anh chị lớn trong nhà phải đi làm kiếm tiền giúp cha mẹ nuôi-nấng các em.

Nếu cha mẹ qua đời, anh chị có bồn-phận nuôi-nấng các em nhỏ và gây-dựng cho nên người.

Quyết-định.— Sau này khôn lớn, tôi sẽ nuôi-nấng và gây-dựng cho các em.

Tục-ngữ.— Quyền huynh thế phụ.

ĐỨC DỤC

Câu hỏi

— Khi cha mẹ già yếu, anh chị có bồn-phận gì đối với các em? — Khi cha mẹ qua đời, anh chị đối với các em phải thế nào?

Thực hành

Kể chuyện một người anh lo lắng cho em để lấy đó làm gương.

Dàn bài

20. — BỒN-PHẬN LÀM EM

1— Lễ-phép với anh chị.

2— Vâng lời anh chị.

Bài học

Bồn-phận làm em phải lễ-phép với anh chị. Nói năng với anh chị phải thưa gửi từ-tốn mới là em ngoan.

Anh chị khôn lớn hơn ta, biết rõ điều hay, lẽ phải. Vậy anh chị khuyên-báo, ta phải vâng lời.

Quyết-dịnh. — Lúc nào em cũng vâng lời anh chị.

Câu hỏi

— Bồn-phận làm em phải thế nào? — Thế nào là một người em ngoan? — Tại sao ta phải vâng lời anh chị?

Thực hành

Dạy học sinh cách xưng-hô với anh chị.

21. — KIỂM THẢO

Những trò nào đã :

- Đối xử tử-tế với người giúp việc trong nhà?
- Thường đến thăm bà con trong họ?
- Trông-nom, săn-sóc các em ở nhà?
- Chỉ-bảo cho các em học bài, làm bài?
- Luôn luôn vâng lời anh chị?

Chương III

BỒN PHẬN TRẺ Ở HỌC-ĐƯỜNG



— PHẢI BIẾT ƠN THẦY

Dàn bài

- 1— Thầy có công dạy-dỗ ta.
- 2— Học-sinh phải biết ơn thầy.

Bài học

Thầy có công dạy dỗ ta nên người hữu ích. Công ơn của thầy không kém gì công ơn cha mẹ.

Đề tỏ lòng biết ơn, ta phải chăm-chỉ, ngoan-ngoãn, yêu-mến và tôn-kính thầy.

Quyết định.— Em quyết nhớ ơn thầy giáo em.

Tục ngữ.— Không thầy đồ mày làm nên.

Câu hỏi

— Thầy có công gì với ta? — Công ơn thầy thế nào? — Đề tỏ lòng biết ơn thầy ta phải làm gì?

Thực hành

Cho thảo-luận : học-sinh phải làm gì để tỏ lòng biết ơn thầy

23.— BỒN-PHẬN ĐỐI VỚI THẦY KHI THÔI HỌC

Dàn bài

- 1— Phải nhớ ơn thầy mãi mãi.
- 2— Phải năng lui tới thăm thầy và giúp- đỡ thầy.

Bài học

Lúc thôi học rồi, ta còn phải nhớ ơn thầy. Khi gặp thầy cũ, ta phải chào hỏi lễ-phép.

Ta nên năng lui tới thăm viếng thầy, nhất là những khi thầy đau yếu. Khi thầy gặp hoạn-nạn, ta phải hết lòng giúp- đỡ.

Quyết định.— Em nhớ ơn thầy mãi mãi.

Tục ngữ.— Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

Câu hỏi

Lúc thôi học rồi, ta có bồn phận gì đối với thầy? — Khi gặp thầy cũ, ta phải làm sao? — Ta nên lui tới thăm thầy, nhất là vào những dịp nào?

Thực hành

Học-sinh khi thôi học rồi, có thể giúp đỡ thầy vào những dịp nào? — Thăm viếng thầy vào những dịp nào? Cho thảo-luận

24.— BẠN BÈ PHẢI THƯƠNG YÊU NHAU

Dàn bài

- 1— Nên coi bạn-bè như anh em trong nhà.
- 2— Bạn bè phải thương yêu nhau.

Bài học

Bạn-bè trong lớp, học có nhau, chơi có nhau. Anh em bạn nên coi nhau như tình ruột thịt.

Bạn-bè phải thương yêu nhau, nhường-nhịn nhau, ch bao giờ gây sự xích-mích, làm tổn thương tới tình bạn hữu.

Quyết định. — Em quyết thương yêu bè-bạn như anh chị em trong nhà.

Câu hỏi:

— Bạn-bè trong lớp nên coi nhau như thế nào? — Vậy bạn-bè phải đối xử với nhau ra sao? — Tại sao ta không nên gây sự xích-mích với bè-bạn?

Thực hành

Cho học-sinh kể những việc có thể làm, để tỏ lòng thương yêu bạn-bè.

25 — BẠN BÈ PHẢI GIÚP ĐỠ NHAU**Dàn bài**

- 1— Bạn-bè phải giúp đỡ nhau.
- 2— Cách giúp đỡ bè-bạn.



ĐỨC DỤC

Bài học

Không những thương yêu nhau, bạn bè còn phải giúp đỡ lẫn nhau.

Thấy bạn thiếu đồ dùng, ta nên cho mượn; thấy bạn chưa hiểu bài, ta nên giảng giải thêm, thấy bạn gặp tai-nạn, ta phải an-ủi và tận tình giúp-đỡ.

Quyết định. — Em quyết giúp đỡ bạn-bè một cách sáng-suốt

Câu hỏi

— Bạn-bè còn có bổn phận gì đối với nhau? — Thấy bạn thiếu đồ dùng ta nên làm gì? — Thấy bạn chưa hiểu bài ta nên làm thế nào? — Khi bạn gặp tai-nạn, ta nên làm gì?

Thực hành

Em có thể giúp đỡ bạn-bè những việc gì? — Kể những việc em không nên làm, lấy cớ là giúp đỡ bạn? — Cho thảo luận.

26 — BỔN-PHẬN ĐỐI VỚI BẠN KHI THỜI HỌC

Dàn bài

- 1— Khi thời học, bạn-bè nên coi nhau như lúc còn đang học.
- 2— Các bổn phận chính đối với bạn khi thời học.



Bài học

Khi thôi học, ta không nên vì sự giàu, nghèo, sang hèn mà quên mất tình bè-bạn.

Gặp bạn cũ ta nên thăm hỏi. Thấy bạn gặp điều oan-ức ta nên bênh-vực. Khi bạn thiếu-thốn hay gặp tai-nạn ta nên hết lòng giúp-đỡ.

Quyết định.— Khi thôi học rồi, em quyết không quên tình bạn cũ.

Câu hỏi

— Khi thôi học rồi, ta có bồn phận gì đối với bạn ? — Gặp bạn cũ ta nên làm gì ? — Khi bạn gặp điều oan-ức, ta nên làm thế nào ? — Khi bạn thiếu-thốn hay gặp tai-nạn, ta nên làm gì ?

Thực hành

Kiểm điểm những học-sinh thường đến thăm viếng các bạn cũ



27. — KIỂM THẢO

Những trò nào đã :

- Chăm học và tôn kính thầy ?
- Chào hỏi lễ-phép mỗi khi gặp thầy ?
- Thương-yêu và nhường-nhịn bạn-bè ?
- Thương cho bạn mượn đồ dùng ?

Chương IV

BỒN PHẬN ĐỐI VỚI NGƯỜI NGOÀI



28.— CHÀO HỎI NGƯỜI TRÊN

Dàn bài

- 1— Chào hỏi người trên.
- 2— Thưa gửi cho lễ-độ.

Bài học

Khi gặp người trên, ta phải chào hỏi cung-kính. Nếu đội nón, mũ, ta phải bỏ ra cầm ở tay.

Khi được người trên hỏi-han điều gì, ta phải thưa gửi, nói-năng thông-thả và lễ-độ.

Quyết-định.— Gặp người trên, em chào hỏi lễ-phép.

Câu hỏi

— Những bậc trên ta là ai? — Khi gặp người trên, ta phải chào hỏi ra sao? — Nếu người trên hỏi, ta phải trả lời thế nào?

Thực hành

Dạy học-sinh cách chào hỏi thầy, cô.

29. — XƯNG-HÔ VỚI NGƯỜI TRÊN

Dàn bài

- 1— Người đáng tuổi ông bà, cha mẹ.
- 2— Người đáng tuổi anh chị.

Bài học

Học-sinh ngoan-ngoãn phải biết xưng-hô lễ-độ người trên.

Người nhiều tuổi, đáng bậc ông bà, cha mẹ, ta phải gọi là « cụ, bác » và xưng là « con, cháu ».

Người đáng tuổi anh chị, ta phải gọi là « anh, chị » và xưng là « em ».

Quyết-định.— Em xưng hô lễ-độ với người trên.

Câu hỏi

— Học-sinh ngoan-ngoãn xưng-hô với người trên như thế nào? — Người đáng tuổi ông bà, cha mẹ ta xưng-hô ra sao? Người đáng tuổi anh chị, ta phải xưng-hô thế nào?

Thực hành

Dạy học-sinh cách xưng hô với thầy, cô, với bạn lớn tuổi hơn.

30. — CHÀO HỎI NGƯỜI NGANG HÀNG

Dàn bài

- 1 — Thế nào là người ngang hàng với ta?
- 2— Cách chào hỏi.

Bài học

Bạn-bè hay người cùng lứa tuổi với mình là những người ngang hàng.

Khi gặp người ngang hàng quen thuộc, ta phải niềm-nở chào hỏi trước, không được phân-biệt giàu, nghèo. Có như vậy, ta mới được mọi người thương yêu và quý mến.

Quyết định.— Gặp bạn-bè, em luôn luôn niềm-nở chào hỏi trước.

Câu hỏi

— Thế nào là người ngang hàng với ta ? — Khi gặp người ngang hàng ta phải chào hỏi thế nào ? — Em có quyết-định thế nào ?

Thực hành

Dạy học-sinh cách chào hỏi bạn-bè.

31— CÁCH XUNG-HỒ VỚI NGƯỜI NGANG HÀNG

Dàn bài

1— Cách xưng-hô.

2— Điều nên tránh.

Bài học

Bạn-bè là người ngang hàng với ta, song ta phải biết cư-xử và xưng-hô cho phải phép. Ta phải gọi bạn-bè là «anh» hay «chị» và xưng là «tôi».

Ta không nên xưng hô «mày, tao» với bạn-bè.

Quyết-định. — Em luôn luôn gọi bạn-bè là «anh» hay «chị».

Câu hỏi

Đối với bạn-bè ta phải xưng-hô ra sao ? — Ta không được xưng-hô thế nào với bạn-bè ? — Em có quyết-định thế nào ?

Thực hành

Dạy học-sinh cách xưng-hô với bạn-bè trong lớp.

Dàn bài 30. — THĂM VIẾNG BẠN BÈ

1— Nên thăm viếng bạn luôn.

2— Khi vào nhà bạn.

Bài học

Đối với bạn-bè, ta nên thăm viếng nhau luôn để bạn thêm thắm-thiết.

Khi vào nhà bạn, ta phải gõ cửa, chào hỏi người thân của bạn cho lễ-độ. Nếu thấy bạn có việc bận không nên ở chơi lâu.

Quyết-định. — Em cố gắng tới thăm bạn-bè luôn.

Câu hỏi

— Vì sao ta phải luôn luôn thăm viếng bạn-bè? — Khi vào bạn, ta phải làm gì? — Gặp người thân của bạn, ta chào hỏi nào? — Nếu bạn mắc bận, ta phải làm sao?

Thực hành

Cho học-sinh đóng kịch: Bạn-bè đến thăm viếng nhau.

Dàn bài — GỖ CỬA KHI VÀO NHÀ

1— Gõ cửa khi vào nhà.

2— Cách gõ cửa.



Bài học

Ta phải gõ cửa trước khi vào nhà hay phòng riêng của bất cứ ai. Gõ cửa là đề báo trước cho chủ nhà có thời-giờ sửa-soạn tiếp mình.

Ta nên gõ cửa nhẹ-nhàng, không đập cửa rầm-rầm và liên-hồi.

Quyết-định.— Em gõ cửa trước khi vào bất cứ nhà ai.

Câu hỏi

— Trước khi vào nhà ai, ta phải làm gì? — Vì sao phải gõ cửa trước? — Gõ cửa thế nào mới đúng phép?

Thực hành

Tập cho học-sinh cách gõ cửa.

34. — BIẾT TỎ LỜI CẢM ƠN

Dan bài

1— Phải biết nói «cảm ơn».

2— Cử-chỉ khi nhận quà tặng.

Bài học

Người học-sinh ngoan-ngoãn, có lễ-phép phải biết ngỏ lời cảm-ơn, khi được ai giúp đỡ mình việc gì.

Nếu được ai tặng quà, ta phải đón nhận bằng hai tay và ngỏ lời cảm ơn.

Quyết-định.— Em luôn luôn ngỏ lời cảm ơn, khi được tặng quà hay giúp-đỡ.

Câu hỏi

— Khi nào ta ngỏ lời cảm ơn? — Khi được ai cho quà, ta phải làm thế nào? — Em có quyết-định gì?

Thực hành

Đạy học-sinh cách thức khi nhận một món quà.

35. — BIẾT NÓI XIN LỖI

Dàn bài

- 1— Khi nào phải xin lỗi ?
- 2— Người biết xin lỗi đáng trọng.

Bài học

Ta phải biết ngỏ lời xin lỗi, khi làm hay nói điều không phải, hoặc vô-ý đụng chạm phải người khác.

Học-sinh biết nhận lỗi và xin lỗi là người lễ-độ, điều, được mọi người quý trọng.

Quyết định.— Em biết nhận lỗi và xin lỗi khi làm điều lầm.

Câu hỏi

— Khi nào ta phải ngỏ lời xin lỗi ? — Người biết xin lỗi khi làm điều sai lầm là người thế nào ?

Thực hành

Tập cho học-sinh biết nhận lỗi và xin lỗi.

36. — TRỌNG GIỜ NGHỈ TRƯA VÀ TỐI

Dàn bài

- 1— Cần nghỉ trưa và tối.
- 2— Tôn-trọng giờ nghỉ-ngơi.

Bài học

Giờ nghỉ trưa và tối rất cần cho mọi người để lấy sức khoẻ, sau những giờ phút làm việc cực nhọc.

Trong giờ nghỉ trưa và tối, ta không được chơi đùa la hét to tiếng. Ta phải tôn trọng sự yên lặng, ng ngơi của mọi người.

Quyết-định.— Em không chơi đùa, la-hét trong giờ nghỉ trưa và tối.

DỤC DỤC**Câu hỏi**

— Giờ nghỉ trưa và tối cần thiết ra sao? — Trong giờ đó, ta không nên làm gì? — Em quyết định ra sao?

Thực hành

Tập cho học sinh có thói quen nghỉ trưa và tối đi ngủ sớm.

37.— CÁCH ĂN MẶC**Dàn bài**

- 1— Cách ăn mặc ở nhà, khi ra đường.
- 2— Lý-do.

Bài học

Ở nhà, ta ăn mặc giản-dị, gọn-gàng. Khi ra đường, ta phải mặc quần áo chỉnh-tề và sạch-sẽ.

Có như vậy, ta mới giữ được phẩm giá của mình và tỏ ra lễ-phép với mọi người. Học-sinh cần phải mặc quần áo sạch-sẽ, đứng-đắn và gọn-gàng.

Quyết định.— Khi ra đường, em mặc quần áo chỉnh tề và sạch-sẽ.

Câu hỏi

— Ở nhà, ta ăn-mặc ra sao? — Khi ra đường ta phải ăn mặc thế nào? — Vì sao ta phải ăn-mặc chỉnh-tề và sạch sẽ? — Học-sinh phải ăn-mặc thế nào?

Thực hành

Kiểm-soát quần-áo học-sinh, xem có lành-lặn và sạch-sẽ không?

38.— CỬ-CHI, NGÔN-NGỮ TRÊN XE, TRÊN TÀU**Dàn bài**

- 1— Khi đi xe, tàu.
- 2— Điều nên tránh.
- 3— Việc phải làm.



Bài học

Đi xe đò, xe buýt hay xe hỏa, ta phải giữ phép
sự với mọi người.

Khi lên xe, ta không được xô đẩy, chen-lấn ng
khác hoặc tranh-giành chỗ ngồi.

Ta phải nhường chỗ tốt cho người già yếu, tàn
hoặc người có bệnh ốm trẻ nhỏ.

Quyết định.— Trên xe, tàu, em quyết không chen lấn
đẩy để giành chỗ ngồi.

Câu hỏi

— Khi đi xe, tàu ta phải giữ điều gì? không làm việc

— Ta nên nhường chỗ tốt cho những ai?

Thực hành

Dạy học-sinh biết cách lên xuống xe «lam», xe buýt
đúng cách.

39— NGÔN-NGỮ, CỬ-CHỈ Ở NGOÀI ĐƯỜNG

Dàn bài

1— Giữ-gìn lời nói, cử-chỉ.

2— Điều phải làm.

Bài học

Ở ngoài đường, ta phải giữ-gìn lời nói, cử-chỉ cho đứng-đắn. Ta không nên dõn, la-hét, đánh lộn ở dọc đường.

Ta phải nhường bước và giúp-đỡ người già-yếu, tàn-tật. Gặp người trên quen thuộc, ta phải cúi đầu chào, nói năng thưa gửi cho lễ-độ.

Quyết định.— Khi đi đường, em luôn luôn nhường bước người già-yếu, tàn-tật.

Câu hỏi

— Ở ngoài đường, ta phải giữ-gìn cử-chỉ, lời nói ra sao ?
— Ta không nên làm những điều gì ở ngoài đường ? — Ta nên giúp-đỡ và nhường bước những hạng người nào ? — Gặp người trên quen thuộc ở ngoài đường, ta phải làm gì ?

Thực hành

Tập cho học-sinh cách chào thầy, cô khi gặp ở ngoài đường

40 — CỬ-CHỈ, NGÔN-NGỮ Ở RẠP HÁT

Dàn bài

- 1— Khi mua vé (giấy) coi hát.
- 2— Ở trong rạp hát.



Bài học

Đi coi hát, khi mua vé (giấy) ta phải giữ trật tự, tránh chen lấn, xô đẩy.

Trong rạp hát, ta ngồi nghiêm-chỉnh, bỏ mũ không nói chuyện ồn-ào, không ghéch chân lên ghế trước.

Tóm lại, ta phải tránh làm phiền người ngồi quanh mình.

Quyết định.— Đi coi hát, em quyết giữ trật-tự.

Câu hỏi

— Khi mua vé ở rạp hát ta phải giữ điều gì? tránh gì? — Trong rạp hát, ta phải có cử-chỉ thế nào? — Vì sao phải giữ trật-tự, yên-lặng trong rạp hát?

Thực hành

Tập cho học-sinh xếp hàng vô lớp có trật-tự và yên lặng.

41.— CỬ-CHỈ NGÔN-NGỮ Ở NHÀ GA**Dàn bài**

1— Đến sớm.

2— Giữ-gìn ngôn-ngữ, cử-chỉ.

Bài học

Khi đi xe lửa, ta phải đến nhà ga sớm, trước giờ chạy để lấy vé được dễ-dàng.

Nếu chỗ bán vé đông hành-khách, ta không chen-lấn. Ta phải xếp hàng cho có trật-tự trước sau. Khi mua hành-lý công-kênh, ta phải giữ ý-tử, tránh va chạm với mọi người.

Quyết định.— Khi cần đi xe lửa em xếp hàng trật-tự để chờ tới lượt lấy vé.

Câu hỏi

— Khi cần phải đi xe lửa, tại sao ta phải đến sớm? — Nếu chỗ bán vé đông người, ta phải giữ điều gì? — Khi có hành-lý cồng-kềnh, ta phải làm thế nào?

Thực hành

Cho học-sinh đóng một vở kịch nhỏ khi lấy vé ở nhà ga xe lửa.

42— CỬ-CHỈ, NGÔN-NGỮ Ở NHÀ BƯU-ĐIỆN

Dàn bài

1— Cử chỉ, ngôn ngữ ở nhà bưu-điện.

2— Điều nên tránh.

Bài học

Khi đến nhà bưu-điện gửi thư, mua tem, lãnh bưu-kiện v.v. ta phải giữ trật-tự và nhường người đến trước. Có điều gì không hiểu, ta phải nhã-nhận hỏi thăm nhân viên hướng dẫn.

Ta không được chen lấn, la hét, đùa nghịch trong nhà bưu-điện.

Quyết định.— Khi đến nhà bưu-điện, em quyết giữ trật-tự và nhường người đến trước.

Câu hỏi

— Khi đến nhà bưu-điện, em phải giữ những điều gì? — Có điều gì không hiểu em phải làm thế nào? — Em không nên làm những điều gì trong nhà bưu-điện?

Thực hành

Tập cho học-sinh biết cách giữ trật-tự ở nhà bưu-điện.

43 — CỬ-CHỈ, NGÔN-NGỮ KHI ĐẾN CÔNG-SỞ

Dàn bài

- 1— Cử-chỉ, ngôn-ngữ khi đến công-sở.
- 2— Điều nên tránh.

Bài học

Khi có việc tới công-sở, ta phải ăn mặc chỉnh-tề, chỉ nhả-nhận, ngôn-ngữ phải vắn-tắt, gãy-gọn. X việc, ta phải ngỏ lời cảm ơn người đã giúp mình.

Nếu công-sở có đông dân chúng, ta phải xếp h theo thứ-tự trước sau, không được chen-lấn, la-ó mất trật-tự.

Quyết định.— Em tôn-trọng trật-tự nơi công-sở.

Câu hỏi

Khi đến công-sở, cử chỉ, ngôn-ngữ của ta phải thế nào ? Khi nào ta ngỏ lời cảm ơn người giúp việc mình ? — Ta tránh làm điều gì ở nơi công-sở ?

Thực hành

Trường học là một công-sở. Tập cho học-sinh khi đến trường phải ăn mặc chỉnh-tề sạch sẽ ; Khi cần nói với thầy, cô hoặc hiệu-trưởng phải vắn-tắt, rõ-ràng.

44 — CỬ-CHỈ, NGÔN-NGỮ KHI ĐI DỰ LỄ

Dàn bài

- 1— Cử-chỉ ngôn-ngữ khi đi dự lễ.
- 2— Điều nên tránh.

Bài học

Khi đi dự lễ, ta phải ăn mặc chỉnh-tề, cử-chỉ, lời phải lễ-độ đề buổi lễ được trang-nghiêm.

Ta không được nô đùa, cười nói lớn tiếng. Ta không chen lấn người đi trước hoặc cản lối người đi sau.

Quyết-định.— Em giữ cử-chỉ trang-nghiêm khi đi dự lễ.

Câu hỏi

— Khi đi dự lễ ta phải ăn mặc thế nào? — Cử-chỉ, lời nói phải ra sao? — Ta phải tránh điều gì khi đến dự lễ?

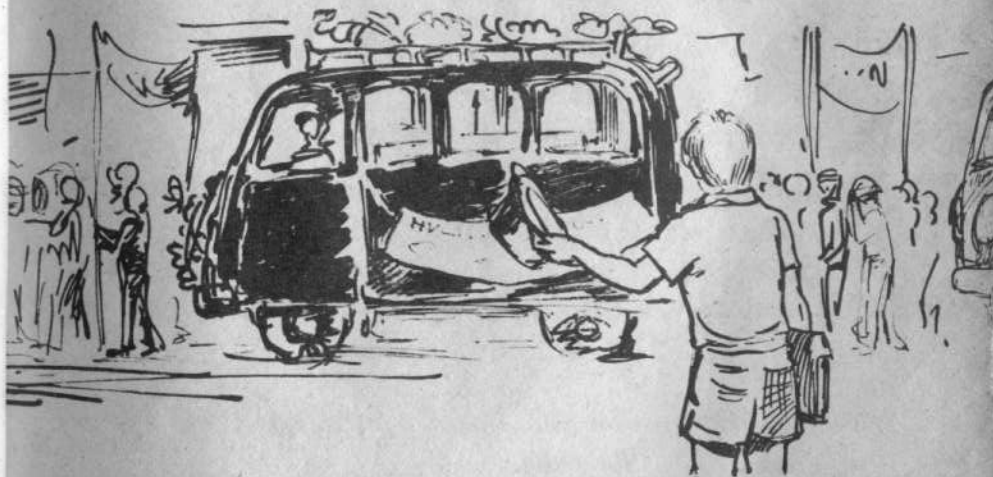
Thực hành

Tập cho học-sinh mặc đồng-phục và giữ trật-tự khi 'dự lễ chào cờ.

45 — CỬ-CHỈ, NGÔN-NGỮ KHI GẶP Đám MA

Dàn bài

- 1— Cử-chỉ, ngôn-ngữ khi gặp đám ma.
- 2— Điều phải tránh.



Bài học

Khi gặp đám ma (đám táng), ta phải đứng nghiêm-chỉnh, ngả mũ, nón chào người quá-cổ.

Ta không được chỉ trỏ, cười nói lớn tiếng khi đám ma đi qua.

Quyết-định.— Gặp đám ma, em luôn luôn ngả mũ, nón chào người quá-cổ.

Câu hỏi

— Khi gặp đám ma, ta phải làm thế nào? — Khi đám đi qua, ta không nên làm điều gì? — Em có quyết-định thế khi gặp đám ma?

Thực hành

Tập cho học-sinh biết đứng nghiêm-trang, ngả mũ, chào khi gặp đám ma.

46.— CỬ-CHỈ, KHI ĐI ĐƯA ĐÁM MA**Dàn bài**

- 1— Thăm hỏi và đi đưa đám tang.
- 2— Điều phải làm khi đi thăm hoặc đi đưa đám ma.

Bài học

Khi có người thân hay quen thuộc chết, ta có phận phải tới hỏi thăm và đi đưa đám.

Khi đi thăm nhà có đám tang, ta phải tỏ ra ưu b và nói-năng vắn-tắt. Khi đi đưa đám ma, ta phải trước giờ cất đám và chỉ nên mặc quần áo trắng h đen. Đi đường ta phải giữ cử-chỉ cho trang nghiêm không được nói chuyện hoặc cười đùa.

Quyết định.— Em giữ cử-chỉ nghiêm trang khi đi đám ma.

Câu hỏi

- Khi có người thân hay quen chết, ta có bốn phận
- Khi đi thăm nhà có đám tang ta phải giữ những điều
- Khi đi đưa đám, ta phải ăn mặc ra sao? giữ-gìn cử-ch nào?

Thực hành

Tập cho học-sinh biết cách thăm hỏi và đi đưa đám m

47.— CỬ CHỈ KHI NGHE QUỐC CA

Dàn bài

- 1— Quốc-ca là gì?
- 2— Cử-chỉ khi nghe quốc ca.

Bài học

Quốc ca là một bài hát chung cho một nước. Lời và nhạc nói lên tinh thần bất-khuất của dân tộc.

Khi nghe quốc-ca, ta phải ngả mũ, nón và đứng nghiêm trang.

Quyết định.— Em quyết giữ lễ phép khi nghe hát quốc ca.

Câu hỏi

— Quốc ca là gì? — Lời và nhạc của quốc ca nói lên tinh thần gì? — Khi nghe quốc ca ta phải có cử-chỉ thế nào?

Thực hành

Tập cho học-sinh hát đúng bài quốc-ca.

48.— CỬ-CHỈ KHI CHÀO QUỐC-KỲ

Dàn bài

- 1— Quốc-kỳ là gì?
- 2— Cử-chỉ lúc chào cờ.



Bài học

Quốc-kỳ là cờ riêng của một nước, tượng-trưng linh-hồn của một dân tộc. Quốc-kỳ nhắc-nhở ta đến công-lao của tổ-tiên đã hy-sinh để bảo-vệ đất nước.

Khi dự lễ chào quốc-kỳ, ta phải ăn mặc chỉnh-tề mũ, nón, đứng nghiêm, mặt hướng về quốc-kỳ.

Quyết định.— Em nghiêm trang khi chào quốc-kỳ.

Câu hỏi

— Quốc-kỳ là gì? — Quốc-kỳ nhắc nhở ta điều gì? — dự lễ chào cờ ta phải giữ cử-chỉ ra sao?

Thực hành

Tập cho học-sinh mặc đồng-phục và nghiêm-trang khi chào cờ.



49 — KIỂM THẢO

Những em nào đã:

- Biết chào hỏi cung kính người trên?
- Biết niềm nở chào hỏi trước người ngang hàng quen thuộc?
- Thường thăm viếng bạn bè luôn?
- Biết gõ cửa trước khi vào nhà bất cứ ai?
- Biết nói lời cảm ơn khi được ai giúp đỡ mình việc gì?
- Biết xin lỗi khi làm, nói điều gì không phải?
- Biết nhường chỗ tốt cho người già yếu, tàn tật khi đi tàu.
- Biết ngả nón và đứng nghiêm-trang khi nghe hát quốc ca.

Chương V

KHI ĐI ĐƯỜNG



50 — LUẬT ĐI ĐƯỜNG

Dàn bài

- 1— Sự nguy-hiêm khi đi đường.
- 2— Luật đi đường.

Bài học

Đường xá đông-đúc, xe-cộ qua lại nhiều, dễ gây ra tai-nạn.

Ta cần phải biết luật đi đường cho rành-rẽ để tránh tai nạn lưu-thông nguy-hiêm.

Quyết-định. — Em quyết giữ luật đi đường để tránh tai-nạn xe-cộ.

Câu hỏi

— Ở ngoài đường nguy-hiêm như thế nào? — Vì sao ta cần phải biết luật đi đường? — Kể vài điều luật khi đi đường?

Thực hành

Dạy học-sinh vài điều luật cần-thiết khi đi đường.



51.— ĐI BÊN LỀ MẶT (tay mặt)

Dàn bài

1— Đi bộ.

2— Đi xe đạp.

Bài học

Khi đi bộ, ta phải đi trên vỉa hè hoặc sát lề đường bên tay mặt. Ta không được chạy rớn hay xô đẩy người khác trên vỉa hè, ở lề đường.

Nếu đi xe đạp, ta phải đi bên tay mặt, đúng đường dành riêng cho xe hai bánh. Ta không được đi song đôi hoặc vừa đi vừa nắm tay nhau.

Quyết-định.— Đi bộ em luôn luôn đi trên vỉa hè hoặc sát lề đường tay mặt.

Câu hỏi

— Ta phải đi ra sao cho đúng luật khi đi bộ? — Khi đi xe đạp? — Vì sao khi đi xe đạp không được đi song đôi hoặc nắm tay nhau?

Thực hành

Tập cho học-sinh phân-biệt đâu là lề đường tay mặt, đâu là lề đường tay trái.

52. — HIỆU ĐÈN XANH, ĐÈN ĐỎ

Dàn bài

1— Nơi có đèn xanh, đèn đỏ.

2— Dấu hiệu đèn xanh, đèn đỏ.

Đèn xanh, đèn đỏ được đặt ở ngã ba, ngã tư đường để hướng dẫn xe-cộ và bộ-hành lưu-thông.

Khi đến đây, thấy đèn đỏ ta phải ngưng lại không được qua. Nếu thấy hiệu đèn xanh, ta hãy qua và phải đi vào làn sơn trắng dành cho người đi bộ.

Quyết-dịnh.— Ở ngã ba, ngã tư em chỉ qua đường khi thấy đèn xanh đã bật lên.

Câu hỏi

— Đèn xanh, đèn đỏ thường đặt ở đâu? — Hiệu đèn đỏ có nghĩa gì? — Hiệu đèn nào cho phép ta qua đường?

Thực hành

Tập cho học-sinh phân-biệt hiệu đèn xanh, đèn vàng, đèn đỏ.

53. — BĂNG QUA ĐƯỜNG — ĐƯỜNG DÀNH RIÊNG

Dàn bài

1— Nguy-hiểm khi băng qua đường.

2— Muốn băng qua đường ta phải làm sao?

Bài học

Băng qua đường không đúng cách, ta có thể bị xe đụng.

Muốn băng qua đường, ta phải ngó trái, nhìn phải cho cẩn thận. Nếu vắng xe ta hãy qua, không vội-vàng hấp-tấp. Ta lại phải nhớ đi vào lối có kẻ làn sơn trắng dành riêng cho người đi bộ.

Quyết-dịnh. — Em phải ngó trái nhìn phải và khi vắng xe mới băng qua đường.

Câu hỏi

— Băng qua đường không đúng cách có hại thế nào ?
 Khi nào ta mới băng qua đường ? — Lăn sơn trắng kẻ ở đường giúp ích gì cho người đi bộ ?

Thực hành

Tập cho học sinh biết đi vào lằn sơn trắng khi băng đường.

54 — KIỂM THẢO

Những em nào đã :

- Học rành-rẽ về luật đi đường ?
- Biết đi trên vỉa hè hoặc sát lề đường bên tay mặt ?
- Không đi xe đạp song đôi hoặc vừa đi vừa nắm tay ?
- Biết ngừng lại khi thấy đèn đỏ ở ngã ba, ngã tư ?
- Ngó trái, nhìn phải và khi vắng xe mới băng qua đường ?

Chương VI

TỔ-CHỨC HÀNH-CHÁNH



Dàn bài

- 1— Hội-đồng xã — Xã-trưởng.
- 2— Hội-đồng xã và xã-trưởng do dân bầu.

Bài học

Xã do hội-đồng xã quản-trị, đứng đầu xã là xã trưởng. Hội-đồng xã và xã-trưởng đều do dân bầu lên.

Quyết-định.— Em luôn luôn kính-trọng nhà cầm-quyền xã.

Câu hỏi

— Xã do cơ-quan nào quản-trị? — Đứng đầu xã là ai? — Hội-đồng xã và xã-trưởng đều do ai bầu ra?

56 — ẤP

Dàn bài

- 1— Ban trị-sự ấp — Trưởng ấp.
- 2— Ban trị-sự ấp và trưởng-ấp do dân bầu.

Bài học

Xã chia thành nhiều ấp. Mỗi ấp có một ban ấp, đứng đầu là trưởng ấp.

Ban trị-sự ấp và trưởng ấp đều do dân bầu lên.

Quyết-định. — Em luôn luôn kính-trọng nhà cầm quyền.

Câu hỏi

— Xã chia thành gì? — Ấp do cơ-quan nào quản-trị?
Đứng đầu ấp có ai?

57.— LIÊN-GIA — KHÓM**Dàn bài**

1— Liên gia.

2— Khóm.

3— Nhiệm-vụ liên-gia trưởng, khóm-trưởng.

Bài học

Nhiều nhà hợp thành một liên-gia, đứng đầu là liên-gia trưởng.

Nhiều liên-gia hợp thành một khóm do khóm trưởng trông coi.

Liên-gia trưởng và khóm trưởng giúp đỡ dân hiểu rõ đường lối cai-trị của chánh-phủ.

Quyết định. — Em tham-gia giữ-gìn vệ-sinh trong khóm.

Câu hỏi

— Nhiều nhà hợp thành gì? — Đứng đầu liên-gia là ai?
Nhiều liên-gia hợp thành gì? — Đứng đầu khóm có ai? — Khóm trưởng và liên-gia trưởng giúp đỡ gì cho dân chúng?

58.— PHƯỜNG

Đàn bài

1— Phường.

2— Nhiệm-vụ phường trưởng.

Bài học

Nhiều khóm họp thành phường. Đứng đầu có phường trưởng trông coi việc hành-chánh. Phường trưởng có một số ủy-viên giúp-việc.

Phường trưởng thay mặt quận-trưởng đề giải-quyết một số vấn đề trong phường.

Quyết định.— Em quyết tham-gia chương-trình phát-triển cộng đồng phường.

Câu hỏi

— Nhiều khóm họp thành gì ? — Đứng đầu phường có ai ? Phường trưởng có nhiệm-vụ gì ?

59.— KIỂM THẢO

Những em nào đã :

— Kính-trọng nhà cầm quyền xã, ấp ?

— Có dịp tham gia công-tác vệ-sinh, ở xã, ấp ?

— Biết mặt và tên những viên-chức xã, ấp ?

— Tham-gia giữ-gìn vệ-sinh trong khóm ?

— Tham-gia chương-trình phát triển cộng-đồng phường ?

MỤC LỤC

Sử - ký

Chương I : NHÀ TRẦN

- 1 — Nhà Trần
- 2 — Lòng quyết chiến : HỘI-NGHỊ DIỄN - HỒ
- 3 — Vì nước quên thù nhà : TRẦN-HUNG-B
- 4 — Trận Bạch-đăng : TRẦN-HUNG-ĐẠO
- 5 — Trận Bạch-đăng : TRẦN-HUNG-ĐẠO (t.t.)
- 5.B — Ngồi đang sốt mà lo việc nước. Phạm ng
- 6 — Anh-hùng tí-hon : TRẦN-QUỐC-TOẢN
- 7 — Thà làm quỷ nước Nam, còn hơn làm vương đất Bắc : TRẦN-BÌNH-TRỌNG
- 8 — Ông Trọng thanh-liêm : MẠC-ĐĨNH-CHI
- 9 — Ông Trọng thanh-liêm : MẠC-ĐĨNH-CHI (t.t.)
- 10 — Dâng sớ xin chém bảy nịnh thần :

CHU-VĂN-AN

- 11 — Dâng sớ xin chém bảy nịnh thần :

CHU-VĂN-AN (t.t.)

- 12 — Bài ôn chương I

Chương II : NHÀ HỒ — NHÀ HẬU LÊ

- 13 — Ngâm thơ nuốt hận : ĐẶNG-DUNG
- 14 — Ngâm thơ nuốt hận : ĐẶNG-DUNG (t.t.)
- 15 — Mười năm kháng-chiến chống quân Minh LÊ-LỢI
- 16 — Mười năm kháng-chiến chống quân Minh LÊ-LỢI (t.t.)
- 17 — Hy-sinh vì đại-nghĩa : LÊ-LAI
- 18 — Hy-sinh vì đại-nghĩa : LÊ-LAI CỨU CHÚA
- 19 — Trả thù cha, rửa hận nước : NGUYỄN-TRẦN

- 20— Trả thù cha, rửa hận nước :
NGUYỄN-TRÃI (t.t.)
- 21— Công-nghiệp của vua LÊ-THÁNH-TÔN
- 22— Công-nghiệp của vua LÊ-THÁNH-TÔN (t.t.),
(Khởi thảo Địa-lý và Sử-ký nước nhà)
- 23— Bài ôn chương II

Chương III : TRỊNH-NGUYỄN PHÂN-TRANH — NHÀ TÂY-SƠN

- 24 — Công-cuộc mở rộng miền Nam :
CHÚA NGUYỄN
- 25 — Công cuộc mở rộng miền Nam :
CHÚA NGUYỄN (t.t.)
- 26 — Công cuộc cai-trị miền Bắc : CHÚA TRỊNH
- 27 — Công cuộc cai-trị miền Bắc :
CHÚA TRỊNH (t.t.)
- 28 — Trận Đống-đa : VUA QUANG-TRUNG
- 29 — Gương trung-nghĩa :
VÕ-TÁNH VÀ NGÔ-TÙNG-CHÂU
- 30 — Gương trung-nghĩa :
VÕ-TÁNH VÀ NGÔ-TÙNG-CHÂU (t.t.)
- 31 — Bài ôn chương III

Chương IV NHÀ NGUYỄN

- 32 — NGUYỄN-CÔNG-TRỨ
- 33 — Doanh-diễn sử : NGUYỄN-CÔNG-TRỨ
- 34 — Một nhà nho sáng suốt :
NGUYỄN TRƯỜNG TỘ
- 35 — PHAN-THANH-GIẢN
- 36 — Chết để cứu dân : PHAN-THANH-GIẢN

37 — NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG

38 — Nhịn đói, chịu đau mà chết :
NGUYỄN TRI PHƯƠNG

39 — HOÀNG-DIỆU

40 — Thà chết chứ không bỏ thành : HOÀNG-D

41 — Bài ôn chương IV

Chương V : CÁC CUỘC KHỞI-NGHĨA CHỐNG PHÁP

42 — PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

43 — Các cuộc khởi-nghĩa của đảng Văn-thân
PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

44 — Phong-trào cách-mạng từ Bắc chí Nam :
Miền Nam : TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH

45 — Phong-trào cách-mạng từ Bắc chí Nam :
Miền Nam : TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH (t.t)

46 — Phong-trào cách-mạng từ Bắc chí Nam :
Miền Nam : NGUYỄN-TRUNG-TRỰC

47 — Phong-trào cách-mạng từ Bắc chí Nam :
Miền Trung : ĐÌNH-CÔNG-TRẮNG

48 — Phong-trào cách-mạng từ Bắc chí Nam :
Miền Trung : MAI-XUÂN-THƯỜNG

49 — Phong-trào cách-mạng từ Bắc chí Nam :
Miền Bắc : HOÀNG HOA-THẨM

50 — Phong-trào cách-mạng từ Bắc chí Nam :
Miền Bắc : HOÀNG-HOA-THẨM (t.t)

51 — Phong-trào cách-mạng từ Bắc chí Nam :
Miền Bắc : NGUYỄN-THIỆN-THUẬT

52 — Một học-giả uyên-thâm : TRƯƠNG-VĨNH

53 — Bài ôn chương V

Chương I

NHÀ TRẦN

1 — NHÀ TRẦN

Dàn bài

- 1— Nhà Trần trị vì nước ta.
- 2— Công-nghiệp nhà Trần.

Bài học

Sau nhà Lý là nhà Trần. Nhà Trần làm vua nước ta được 175 năm.

Nhà Trần đã ba lần phá giặc Nguyên. Thời kỳ này có nhiều danh-nhân như Trần hưng Đạo, Phạm ngũ Lão, Trần quốc Toãn, Chu văn An v.v...

Câu hỏi

— Sau đời nhà Lý, họ nào làm vua nước ta? — Nhà Trần làm vua được bao lâu? — Nhà Trần đã ba lần phá giặc nào? — Kể các bậc danh-nhân đời Trần?

2 — LÒNG QUYẾT CHIẾN

HỘI-NHỊ DIỄN-HỒNG

- 1— Quân Nguyên xâm-lăng nước ta.
- 2— Hội-nhị Diên-hồng.



Bài học

Vua Nguyên sai Thái-tử Thoát-Hoan đem 50 vạn quân sang đánh nước ta. X

Vua Trần nhân Tôn họp các bô lão ở điện Diên-hồ để hỏi ý-kiến nên đánh hay hòa. Tất cả đều một lòng quyết chiến.

Nhờ tinh-thần đoàn-kết của toàn dân, ta đã đánh tan quân Nguyên.

Câu hỏi

— Vua Nguyên sai ai đem quân đánh nước ta? — Vua Trần nhân Tôn họp các bô lão ở đâu? để làm gì? — Tất cả đều đồng ý thế nào? — Nhờ đâu ta đánh tan được quân Nguyên?

3 — VÌ NƯỚC QUÊN THÙ NHÀ TRẦN HƯNG ĐẠO



Dàn bài

- 1— Thù nhà.
- 2— Vì nước quên thù nhà.

Bài học

Thái-sư Trần thủ Độ ép vua Trần thái Tôn lấy vợ của anh ruột là Trần-Liễu. Vì thế trước khi chết, Trần-Liễu dặn con là Trần hưng Đạo phải báo thù.

Quân Nguyên xâm-lăng nước ta. Trần hưng Đạo quên thù nhà, một lòng giúp vua cứu nước.

Trần hưng Đạo là bậc anh-hùng đã biết đặt quyền-lợi Tò-quốc lên trên hết.

Câu hỏi

—Thái-sư Trần thủ Độ ép vua Trần thái Tôn làm việc gì? — Trước khi chết Trần-Liễu dặn ai báo thù nhà? — Khi quân Nguyên xâm-lăng nước ta, Trần hưng Đạo làm gì? — Trò nghĩ gì về Đức Trần hưng Đạo?

4 —TRẦN BẠCH-ĐẰNG TRẦN HƯNG ĐẠO

Dàn bài

- 1— Quân Nguyên xâm-lăng nước ta lần thứ ba.
- 2— Ta lui binh về Thanh-hóa.

Bài học

Thoát-Hoan đem 30 vạn quân sang đánh nước ta lần thứ ba. Thế mạnh, quân Nguyên chiếm được Thăng-long.

Trần hưng Đạo rước vua về Thanh-hóa. Ngài chia quân giữ các nơi hiểm yếu. Chặn được bước tiến của giặc rồi, Ngài sai Trần khánh Dư đánh cướp thuyền lương của giặc. Vì vậy, giặc phải rút quân theo ngã sông Bạch-đằng.

Câu hỏi

— Ai đem quân sang đánh nước ta lần thứ ba? —
 mạnh, quân Nguyên chiếm được nơi nào? — Trần hưng
 phải rước vua về đâu? — Ngải sai ai đánh cướp thuyền lư
 của giặc? — Giặc phải rút quân theo ngả nào?



5. — TRẦN BẠCH-ĐĂNG

TRẦN HƯNG ĐẠO (tiếp theo)

Dàn bài

3— Trận Bạch-đăng.

4— Kết-quả.

Bài học

Được tin Thoát-Hoan rút quân theo ngả sông Bạch
 đăng, Trần hưng Đạo sai đóng cọc nhọn dưới đáy sông.
 Ngải cho quân tiến đánh rồi giả thua bỏ chạy để dụ giặc
 Giặc đuổi theo.

Chờ cho nước rút, quân ta quay lại đánh. Giặc thua
 chạy, thuyền bị vướng cọc chìm gần hết.

Quân ta toàn thắng.

Câu hỏi

Thế
Đạo
ơng

- Được tin-Thoát-Hoan rút-quân, Trần hưng Đạo làm gì ?
— Ngài cho quân tiến đánh rồi giả thua bỏ chạy với dụng ý gì ?
— Chờ khi nào quân ta quay lại đánh ? — Tại sao thuyền giặc chìm gần hết ?

5 B— NGỒI ĐAN SỢT, LO VIỆC NƯỚC PHẠM NGŨ LÃO

Dàn bài

- 1— Thân thế.
- 2— Ngồi đan sợi mà lo việc nước.
- 3— Phạm ngũ Lão lập nhiều công lớn.

Bài học

Phạm ngũ Lão người tỉnh Hưng-yên. Ông là người văn võ kiêm toàn.

Một hôm, ông ngồi đan sợi bên đường. Ông mãi lo việc nước. Trần hưng Đạo đi qua cũng không hay. Quân lính lầy dáo dăm, ông cũng không biết.

Thấy ông là người tài, Hưng-Đạo vương đem ông về kinh. Ông theo Vương phá giặc Nguyên, lập được nhiều công lớn.



Câu hỏi

— Phạm ngũ Lão người tỉnh nào ? — Tại sao Trần Hưng Đạo đi qua ông cũng không hay ? — Quân lính làm gì ông không biết ? — Tại sao Hưng Đạo vương đem ông kinh ? — Ông theo Vương lập được công-trận gì ?

6 — ANH-HÙNG TÍ-HON**TRẦN QUỐC TOẢN****Dàn bài**

- 1— Anh hùng tí-hon Trần quốc Toản.
- 2— Chiến-công.

Bài học

Quân Nguyên xâm lăng nước ta. Vua Trần nhân họp các vương hầu ở Bình-than bàn kế chống giặc. Trần quốc Toản còn nhỏ không được phép dự bàn. Tức giận, Quốc Toản tự họp bạn-bè, xuất quân phá giặc. Về sau, Quốc Toản giúp Trần nhật Duật phá được quân Nguyên ở Hàm-tử, giúp Trần quang Khải thắng trận ở Chương-dương.

Câu hỏi

— Quân Nguyên xâm-lăng nước ta về đời vua nào ? — Vua họp các vương hầu để làm gì ? — Tại sao Trần quốc Toản không được dự bàn ? — Tức giận, Quốc Toản làm gì ? — Quốc Toản giúp ai phá quân Nguyên ở Hàm-tử ? ở Chương-dương.

7 — THÀ LÀM QUỶ NƯỚC NAM, CÒN HƠN LÀM VƯƠNG ĐẤT BẮC**TRẦN - BÌNH - TRỌNG****Dàn bài**

- 1— Thân-thế.
- 2— Thà làm quỷ nước Nam, còn hơn làm vương đất



Bài học

Trần bình Trọng dòng-dõi vua Lê đại Hành. Vì ông cha có công lớn nên ông được đổi sang họ Trần.

Khi quân Nguyên chiếm Thăng-long, ông được vua giao trấn-giữ Thiên-trường. Vì ít quân, ông bị giặc bắt và dụ hàng. Ông quát lớn : « Ta thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc ».

Ông đã thà chết vinh, chứ không chịu sống nhục.

Câu hỏi

— Trần bình Trọng thuộc dòng-dõi vua nào ? — Tại sao ông được đổi sang họ Trần ? — Khi quân Nguyên chiếm Thăng-long, ông được giao trấn-giữ nơi nào ? — Tại sao ông bị giặc bắt ? — Khi giặc dụ hàng, ông trả lời thế nào ? — Ông Trần bình Trọng là người thế nào ?

8 — ÔNG TRẠNG THANH-LIÊM

MẠC ĐỈNH CHI

Dàn bài

1— Thân thế.

2— Khoa-bảng.

Bài học

Mạc đĩnh Chi người làng Lũng-động, tỉnh Hải-dương. Ông là người thông-minh, ứng-đối giỏi.

Năm 20 tuổi ông thi Đình, đỗ Trạng-nguyên. Ông người xấu-xí, nhưng vì ông là bậc kỳ-tài nên nhà vua trọng - dụng.

Câu hỏi

— Mạc đĩnh Chi quê ở đâu? — Ông là người thế nào? Ông thi Đình đỗ gì? — Tại sao ông được nhà vua trọng-dụng?



9 — ÔNG TRẠNG THANH-LIỆM

MẠC - ĐĨNH - CHI (tiếp theo)

Dàn bài

3— Gương liêm-khiết.

4— Tài ăn nói.

Bài học

Mạc đĩnh Chi làm quan nổi tiếng thanh-liêm. Vua sùng bái ông người đang đem bỏ tiền vào nhà ông. Sáng ra, ông trình vua và xin nộp vào kho.

Khi đi sứ Tàu, ông đối-đáp giỏi. Ông ứng-khẩu được một bài văn-tế khiến cho người Tàu rất thán-phục.

Câu hỏi

— Mạc đĩnh Chi nổi tiếng về đức-tính gì? — Nhà vua thán-phục ông thế nào? — Khi đi sứ Tàu, ông đã làm gì khiến người Tàu thán-phục?



10 — DẶNG SỞ XIN CHÉM BÀY NINH-THẦN CHU - VĂN - AN

Dàn bài

- 1— Thân-thể.
- 2— Công-nghiệp.

Bài học

Chu văn An người làng Quang-liệt, tỉnh Hà-đông. Ông đỗ Tiến-sĩ đời nhà Trần. Ông là người cứng-rắn ngay-thẳng.

Ông mở trường, học-trò rất đông, có người làm quan tới chức Tề-tướng. Vua triệu ông vào kinh, phong chức-tước và giao Thái-tử cho ông dạy học.

Câu hỏi

— Chu văn An quê ở đâu? — Ông là người thế nào? — Học-trò của ông thành đạt ra sao? — Ông được nhà vua triệu vào kinh làm gì?

11 — DÂNG SỚ XIN CHÉM ĐẦU BẢY NỊNH-THẦN

CHU - VĂN - AN (tiếp theo)

Dền bài

3— Tình-thế nước nhà về đời vua Dụ-Tôn.

4— Chu văn An dâng sớ xin chém nịnh-thần.

Bài học

Vua Dụ-tôn ham-mê tửu-sắc, không chăm lo việc nước.
Các quan gần-gũi nhà vua lộng-hành.

Vốn tính cương-trực, ông Chu văn An dâng sớ xin chém đầu bảy nịnh-thần. Nhà vua không nghe. Ông từ chức về quê sống ẩn-dật.

Câu hỏi

— Vua Dụ-Tôn là người thế nào? — Các quan gần gũi vua ra sao? — Ông Chu văn An dâng sớ xin vua làm gì? — vua không nghe, ông làm gì?

12 — BÀI ÔN CHƯƠNG I

1— Nhà Trần làm vua nước ta được bao lâu?

2— Kể các bậc danh-nhân đời Trần?

3— Khi quân Nguyên sang đánh nước ta, vua Trần nhân họp các bô-lão ở đâu? để làm gì?

4— Tại sao trước khi chết, Trần-Liễu lại dặn con là Trần Đạo phải báo thù? — Trần hưng Đạo nghĩ sao?

5— Trần hưng Đạo dùng mưu gì phá quân Nguyên trên Bạch-đăng?

6— Trần-quốc-Toản giúp ai phá quân Nguyên ở Hàm-Chương-dương?

7— Khi giặc dụ-hàng, Trần bình Trọng trả lời thế nào?

8— Mạc đĩnh Chi nổi tiếng về đức-tính gì? Nhà vua thử ông thế nào?

9— Đời vua Dụ-Tôn, ai là người dâng-sớ xin chém bảy thần?

Chương II

NHÀ HỒ — NHÀ HẬU LÊ



13 — NGÂM THƠ NUỐT HẠN ĐẶNG-DUNG

Dàn bài

- 1— Nhà Minh đô-hộ nước ta.
- 2— Đặng-Dung quên thù nhà.

Bài học

Nhà Minh cai-trị nước ta rất hà-khắc. Anh-hùng khắp nơi nổi lên đánh quân cướp nước.

Đặng-Tất giúp vua đánh thắng giặc Minh nhiều trận. Sau vì lời dèm-pha, ông bị nhà vua giết đi. Con Đặng-Tất là Đặng-Dung, quên thù nhà, lo cứu nước.

Câu hỏi

— Nhà Minh cai trị nước ta ra sao? — Anh-hùng khắp nơi nổi lên làm gì? — Đặng-Tất giúp vua việc gì? — Tại sao ông bị vua giết đi? — Con Đặng-Tất là ai?

14 — NGÂM THƠ NUỐT HẬN

ĐẶNG - DUNG (tiếp theo)

Dàn bài

- 3— Đánh nhau với quân Minh.
- 4— Bỏ mình vì nước.

Bài học

Đặng-Dung theo giúp Trần-quý-Khoách chống giặc Minh. Ông đánh thắng nhiều trận, có lần suýt bắt được tướng Trương-Phụ.

Sau vì thế yếu, ông thua và phò vua chạy sang Lào. Người Lào phản-bội bắt cả vua lẫn tôi đem nộp cho quân Minh. Dọc đường, vua tôi nhảy xuống biển tự-tử.

Câu hỏi

— Đặng-Dung, theo giúp ai chống quân Minh? — Đã có lần ông suýt bắt được tướng Tàu nào? — Tại sao ông phải phò vua chạy sang Lào? — Vì lẽ gì vua tôi Đặng-Dung nhảy xuống biển tự-tử?

15 — MƯỜI NĂM KHÁNG-CHIẾN CHỐNG QUÂN MINH

LÊ-LỢI

Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Cuộc chuẩn bị khởi-nghĩa.



Bài học

Lê-Lợi người làng Lam-sơn, tỉnh Thanh-hóa. Ông nhà giàu, hay giúp đỡ kẻ nghèo, được nhiều người kính phục.

Nhà Minh cai-trị nước ta, có mời ông ra làm quan. Ông từ chối và ngấm-ngấm chiêu-mộ binh-sĩ, tích-trữ lương-thực, chờ dịp khởi-nghĩa.

Câu hỏi

— Lê-Lợi quê ở đâu? — Ông là người thế nào? — Khi cai-trị nước ta nhà Minh mời ông làm gì?

ĐI... MƯỜI NĂM KHÁNG-CHIẾN CHỐNG QUÂN MINH.

LÊ-LỢI (tiếp theo)

Dàn bài

- 3— Phất cờ khởi-nghĩa.
- 4— Mười năm chống quân Minh.
- 5— Lê-Lợi lên ngôi Vua.

Bài học

Năm 1418, Lê-Lợi khởi-nghĩa ở Lam-sơn. Ông quân Minh trong mười năm trời, rất khó-cực.

Lúc đầu, ông bị thua nhiều trận nhưng vẫn kiên lòng. Về sau, ông vây đánh Vương-Thông ở Đông-Liêu-Thăng ở Chi-lăng. Quân Minh phải thua chạy.

Ông lên ngôi, hiệu là Lê-thái-Tổ, lập ra nhà Lê.

Câu hỏi

— Lê-Lợi khởi-nghĩa năm nào? ở đâu? — Ông chống quân Minh trong bao lâu? — Lúc đầu ông đánh trận nào ra sao? — Ông vây đánh ai ở Đông-đô? — Ông chém đầu ai? — Khi lên ngôi vua, ông lấy hiệu là gì?

17. — HY-SINH VÌ ĐẠI-NGHĨA**LÊ - LAI****Dàn bài**

- 1— Thân-thể.
- 2— Sự-nghiệp.
- 3— Lê-Lợi nhớ ơn Lê-Lai.

Bài học

Lê-Lai tên thật là Nguyễn-Thân, người tỉnh Thanh.

Ông theo giúp Bình-định-Vương chống quân Minh, lập nhiều công lớn. Vì thế, Vương cho ông đòi họ Lê.

Ông đã liều mình cứu Chúa ở Chí-linh. Cho nên khi lên ngôi, Lê-Lợi truyền hàng năm làm giỗ để nhớ ơn ông.

Câu hỏi

— Lê-Lai tên thật là gì? người tỉnh nào? — Ông theo giúp ai lập được nhiều công lớn? — Ông đã liệu mình cứu Chúa ở đâu? — Khi lên ngôi, Lê-Lợi đã làm gì để nhớ ơn ông?



18 .— HY-SINH VÌ ĐẠI-NGHĨA LÊ-LAI CỨU-CHÚA

Dàn bài

- 1— Lê-Lợi bị vây ở Chí-linh.
- 2— Lê-Lai cứu chúa.

Bài học

Khi chống giặc Minh, có lần Lê-Lợi bị vây khốn ở rừng Chí-linh, tỉnh Thanh-hoá.

Lê-Lai xin được giả làm Lê-Lợi để cứu chúa. Ông mặc hoàng-bào, xông ra trận. Giặc tưởng ông là Bình định Vương đồ xô lại bắt. Nhờ đó, Vương thoát được vòng vây.

Câu hỏi

— Lê-Lợi bị vây khốn ở đâu? . Lê-Lai xin làm gì chúa? — Khi ra trận ông mặc áo gì? — Tại sao quân xô lại bắt ông?

19. — TRẢ THÙ CHA, RỬA HẬN NƯỚC

NGUYỄN-TRÃI

Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Lãnh lời cha dặn.

Bài học

Nguyễn-Trãi người làng Nhị-kê, tỉnh Hà-đông, đỗ tiến-sĩ nhưng không ham danh-lợi, lui về ở ẩn.

Khi quân Minh xâm-lăng nước ta, cha ông là Nguyễn-Khanh bị giặc bắt giải về Tàu. Trước phút chia tay, ông lãnh lời cha dặn: « Con hãy về lo trả thù cha rửa hận cho nước ».



Câu hỏi

— Nguyễn-Trãi quê ở đâu? — Ông là người thế nào? —
Cha ông tên là gì? — Khi quân Minh xâm-lãng nước ta, cha
ông bị làm sao? — Trước phút chia ly, cha ông dặn ông điều
gì?

20. — TRẢ THÙ NHÀ, RỬA HẬN NƯỚC NGUYỄN-TRÃI

Dàn bài

3— Theo Lê-Lợi chống quân Minh.

4— Lập-nghiệp lớn.

Bài học

Nguyễn-Trãi nhớ lời cha dạy, ngày đêm luyện-tập
võ-nghệ cùng nghĩ kế chống quân Minh.

Nghe tin Lê-Lợi khởi-nghĩa ở Lam-sơn, ông dăng kế
phá giặc.

Nhờ mưu-lược của ông, Lê-Lợi đã đánh đuổi được
quân Minh. Lê thái Tồ phong cho ông chức Tề - tướng.
Ông đã trả được thù nhà và nợ nước.

Câu hỏi:

— Nhớ lời cha dạy, Nguyễn-Trãi đã làm gì? — Nghe tin
Lê-Lợi khởi nghĩa, ông giúp việc gì? — Tại sao Lê-Lợi đánh
đuổi được quân Minh? — Lê-thái-Tồ phong cho ông chức gì?

21. — CÔNG-NHIỆP CỦA VUA LÊ-THÁNH-TÔN

Dàn bài

1— Vua Lê-thánh-Tôn là một bậc anh-quân.

2— Công-nghiệp của vua Lê-thánh-Tôn.

Bài học

Lê-thánh-Tôn là một vị vua tài-đức, rất chăm lo nước. Trong 37 năm cai-trị, ngài đã làm cho nước nhà cường-thịnh.

Ngài sửa đổi việc cai-trị, đặt luật-pháp nghiêm-minh, chỉnh đốn võ bị, mở-mang canh-nông. Ngài cho mở kho thi chọn người tài-đức; lập nhà tế-sinh nuôi người gầy yếu, tàn-tật v.v...

Câu hỏi

— Lê-thánh-Tôn là vị vua thế nào? — Trong 37 năm làm vua, ngài đã làm cho nước nhà ra sao? — Ngài sửa đổi việc cai-trị như thế nào? — Ngài lập nhà tế-sinh để giúp đỡ những ai?



22. — CÔNG NGHIỆP CỦA VUA LÊ THÁNH TÔN (tiếp theo) KHỞI THẢO ĐỊA-LÝ VÀ SỬ-KÝ NƯỚC NHÀ

Dàn bài

- 1— Việc soạn-thảo bộ địa-lý.
- 2— Việc soạn-thảo bộ sử-ký.

Bài học

Vua Lê-thánh-Tôn sai quan địa-phương xem xét địa-thế trong vùng để vẽ địa-đồ nộp về kinh. Rồi ngài giao cho bộ Hộ soạn thành sách địa-lý nước nhà.

Ngài còn sai Ngô sĩ Liên soạn bộ Đại-việt sử-ký, gồm 15 quyển, viết rất công phu.

Câu hỏi

— Vua Lê-thánh-Tôn sai quan địa phương làm gì ? — Ngài giao cho bộ nào soạn sách địa-lý ? — Ngài sai Ngô sĩ Liên làm việc gì ?

**23.— BÀI ÔN CHƯƠNG II**

- 1— Đặng-Dung theo giúp ai chống quân Minh ? Tại sao vua tôi Đặng-Dung nhả xuống biển tự tử ?
- 2— Lê-Lợi khởi-nghĩa ở đâu ?
- 3— Lê-Lợi thắng lớn quân Minh ở những đâu khiến giặc phải đầu hàng ?
- 4— Lê-Lai đã liều mình cứu chúa như thế nào ?
- 5— Cha của Nguyễn-Trãi tên là gì ? Khi chia tay con, ông dặn Nguyễn-Trãi điều gì ?
- 6— Lê-thánh-Tôn là vị vua thế nào ? Ngài cai trị nước ta được bao lâu ?
- 7— Công nghiệp to lớn nhất của vua Lê-thánh-Tôn là gì ?

Chương III

TRỊNH, NGUYỄN PHÂN-TRANH — NHÀ TÂY-SƠN

24 — CÔNG-CUỘC MỞ RỘNG MIỀN NAM CHÚA NGUYỄN

Dàn bài

- 1— Chúa Nguyễn dựng nghiệp.
- 2— Chúa Nguyễn chiếm Chiêm-thành.

Bài học

Cuối đời nhà Lê, chúa Trịnh nắm trọn quyền hành ngoài Bắc. Trong Nam, chúa Nguyễn lập-nghiệp để sức chống chúa Trịnh.

Các chúa Nguyễn lo mở rộng đất-đai, đã lần lần chiến trọn Chiêm-thành. Rồi Chúa di-dân đến khai-khản lập ra bốn tỉnh miền Nam Trung-phần ngày nay.

Câu hỏi

- Cuối đời nhà Lê, ai nắm trọn quyền hành ngoài Bắc?
— Trong Nam, chúa Nguyễn lo việc gì? — Chúa Nguyễn đã làm gì để mở rộng đất-đai?



25.— CÔNG-CUỘC MỞ RỘNG MIỀN NAM

CHÚA NGUYỄN (tiếp theo)

Dàn bài

3— Giao-thiệp với Chân-lạp.

4— Chiếm đất Chân-lạp.

Bài học

Sau khi chiếm được Chiêm-thành, chúa Nguyễn dùng đường lối ngoại-giao để chiếm Chân-lạp.

Chúa Nguyễn giúp Chân-lạp dẹp nội-loạn và chống quân Xiêm. Để trả ơn, Chân-lạp nhường cho ta đất Thủy-chân-lạp tức là Nam-phần ngày nay.

Nhà Nguyễn đã có công lớn mở rộng bờ-cõi nước ta về phương Nam.

Câu hỏi

— Lấy được đất Chiêm-thành, chúa Nguyễn làm gì? —
Chúa Nguyễn giúp Chân-lạp việc gì? — Chân-lạp trả ơn chúa Nguyễn ra sao? — Nhà Nguyễn đã có công gì với nước ta?

26.— CÔNG-CUỘC CAI-TRỊ MIỀN BẮC

CHÚA TRỊNH

Dàn bài

1— Tỏ-chức cai-trị.

2— Tỏ-chức võ-bị.

Bài học

Trong khi chúa Nguyễn chăm lo mở-mang miền Nam, thì ở miền Bắc chúa Trịnh cũng làm được nhiều việc ích lợi.

Về mặt cai-trị, Chúa sửa đổi luật-lệ, giảm bớt hình-phạt. Chúa lại bãi-trừ nạn tham-những.

Về mặt võ-bị, Chúa mở trường dạy võ để chọn nhân tài. Chúa cũng chăm lo tập-luyện quân-sĩ để đánh chúa Nguyễn.

Câu hỏi

— Chúa Trịnh cai-trị miền nào nước ta lúc bấy giờ ?
 Chúa đã làm được những việc gì về mặt cai-trị ? — Chúa
 trường dạy võ để làm gì ? — Tại sao chúa chăm lo tập-luyện
 quân-sĩ ?



27 .- CÔNG-CUỘC CẢI-TRỊ MIỀN BẮC

CHÚA TRỊNH (tiếp theo)

Dan bài

- 1— Mở-mang việc văn-học.
- 2— Mở-mang nền kinh-tế.

Bài học

Chúa Trịnh sửa đổi việc học-hành, thi-cử. Chúa sai người viết quốc-sử và khắc bản in để in sách.

Chúa đặt thêm thuế mới như thuế muối, thuế thò sản. Chúa khuyến-khích việc khai mỏ và cho đúc tiền. Người ngoại-quốc được phép vào buôn-bán ở Phố-Hiến. Vì vậy, việc thương-mại thời đó rất phát-đạt.

Câu hỏi

— Về văn-học, chúa Trịnh đã làm gì? — Chúa đặt thêm những thứ thuế nào? — Chúa khuyến-khích việc gì? — Người ngoại-quốc được phép vào buôn-bán ở đâu? — Thời chúa Trịnh việc thương mại ra sao?

28.— TRẦN ĐÓNG-ĐA**VUA QUANG-TRUNG****Dàn bài**

- 1— Quân Thanh xâm-lăng.
- 2— Vua Quang-Trung đại-thắng quân Thanh.

Bài học

Vua nhà Thanh sai Tôn sĩ Nghị đem 20 vạn quân sang đánh nước ta. Tôn sĩ Nghị chiếm đóng Thăng-long.

Được tin, Quang-Trung lên ngôi Hoàng-đế, rồi đem đại-binh ra Bắc. Chỉ trong 5 ngày, ngài đã phá tan quân giặc. Tôn sĩ Nghị bỏ cả ấn tín chạy về Tàu.

Câu hỏi

— Vua Thanh sai ai đem quân sang đánh nước ta? — Tôn sĩ Nghị chiếm đóng thành nào? — Được tin, vua Quang-Trung làm gì? — Ngài phá tan quân Thanh trong mấy ngày? — Tôn sĩ Nghị thua chạy ra sao?



29.— GƯƠNG TRUNG-NGHĨA VÕ-TÁNH VÀ NGÔ-TÙNG-CHÂU

Dàn bài

- 1— Giúp Nguyễn-Vương.
- 2— Giữ thành Qui-nhon.

Bài học

Võ-Tánh là quan võ tài giỏi, Ngô-tùng Châu là quan văn mưu-trí. Hai ông đều theo giúp Nguyễn-Vương đánh Tây-sơn.

Nguyễn-Vương chiếm được Qui-nhon. Ngài đòi thành là Bình-dịnh, giao cho hai ông trấn giữ.

Câu hỏi

— Võ-Tánh là vị quan võ thế nào? — Ngô-tùng Châu là vị quan văn thế nào? — Hai ông theo giúp ai? — Nguyễn-Vương chiếm được thành nào? — Ngài đòi tên thành là gì? — Giao thành cho ai trấn giữ?

30.— GƯƠNG TRUNG-NGHĨA VÕ-TÁNH VÀ NGÔ-TÙNG-CHÂU (tiếp theo)



Dàn bài

3— Thành bị vây, một lòng chống giữ.

4— Thành vỡ, nêu gương trung-nghĩa.

Sài học

Thành Qui-nhơn bị quân Tây-sơn vây hãm, Võ-Tánh và Ngô tùng Châu cố giữ thành.

Biết Nguyễn Vương giải vây không được, hai ông xin Vương đánh chiếm Phú-xuân. Nguyễn-Vương nghe theo. Trong khi đó thành Qui-nhơn vẫn bị vây chặt. Sau hết lương-thực, thành sắp vỡ, Võ Tánh tự thiêu ; Ngô tùng Châu uống thuốc độc tự-tử, nêu cao gương trung nghĩa.

Câu hỏi

— Khi Qui-nhơn bị Tây-sơn vây hãm thì tướng nào cố giữ thành ? — Thấy Nguyễn Vương giải vây không được, hai ông xin Vương làm gì ? — Đến khi hết lương-thực, thành sắp vỡ, hai ông làm thế nào ?

31.— BÀI ÔN CHƯƠNG III

- 1— Chúa Nguyễn đã làm gì để mở rộng đất đai ?
- 2— Bốn tỉnh miền Nam Trung-phần ngày nay, xưa kia thuộc đất của nước nào ?
- 3— Nam-phần ngày nay là miền đất-đai của nước nào khi xưa ?
- 4— Về cai trị, chúa Trịnh sửa-đổi những gì ?
- 5— Tại sao việc thương-mại thời chúa Trịnh rất phát đạt ?
- 6— Vị vua nào đánh tan quân nhà Thanh chỉ trong vòng 3 ngày ?
- 7— Kể tên hai vị tướng được Nguyễn-Vương cử trấn giữ thành Qui-nhơn.
- 8— Khi thành Qui-nhơn sắp vỡ, hai tướng trấn giữ thành làm thế nào ?

Chương IV

NHÀ NGUYỄN

32. — NGUYỄN CÔNG TRÚ

Dàn bài :

1— Thân-thế.

2— Công-trạng đẹp giặc.

Bài học :

Nguyễn công Trứ người làng Uy-viễn, tỉnh Hà-tĩnh. Năm 40 tuổi ông thi đậu Giải-nguyên. Ông được bổ làm quan ở nhiều nơi.

Ông có công phá giặc Phan bá Vành, Nùng văn Vân ở ngoài Bắc. Trong Nam ông dẹp tan quân Chân-lạp và quân Xiêm-la.

Câu hỏi

— Nguyễn công Trứ quê ở đâu ? — Ông thi đậu Giải-nguyên năm bao nhiêu tuổi ? — Ngoài Bắc ông có công phá giặc nào ? — Trong Nam, ông dẹp tan quân của những nước nào ?



33.— DOANH-ĐIỀN SƯ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

Dàn bài

- 1— Việc mở-mang điền-địa.
- Có công to với nước.

Bài học

Khi giữ chức Doanh-điền sứ, Nguyễn công Trứ đã có công lớn trong việc mở-mang ruộng đất nước nhà. Ông lập ra hai huyện Tiền-hải và Kim-sơn.

Ông khuyến-khích dân đắp đê ngăn nước mặn, đào sông lấy nước ngọt. Nhờ đó, hàng vạn mẫu đất đã biến thành đồng ruộng phì nhiêu.

Câu hỏi

— Khi giữ chức Doanh-điền sứ Nguyễn công Trứ đã có công gì? — Ông lập ra các huyện nào? — Ông khuyến-khích dân đắp đê để làm gì? — Đào sông để làm gì?

34.— MỘT NHÀ NHO SÁNG-SUỐT NGUYỄN TRƯỜNG TỘ



Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Việc xin canh-tân nước nhà.

Bài học

Nguyễn trường Tộ người làng Bùi-chu, tỉnh Ng
an. Ông tinh-thông nho học và may-mắn được du-ho
Âu-châu.

Về nước ông xin vua Tự-Đức sửa đổi việc học, m
mang việc buôn bán, cải tổ việc quân-sự, giao-thiệp
Tây-phương ... Nhưng tiếc thay ông không được tri
đình nghe theo.

Câu hỏi

- Nguyễn trường Tộ quê ở đâu? — Ông có may-mắn g
— Về nước, ông xin vua Tự-Đức làm gì?

35.— PHAN THANH GIẢN**Dàn bài**

- 1— Thân-thế.
- 2— Nhiệm-vụ đi sứ.

Bài học

Phan thanh Giản người làng Bảo-thạnh, tỉnh Kiến-hò
Ông đỗ đầu tiến-sĩ, làm quan trải ba triều vua.

Quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ. Vu
Tự-Đức cử ông qua Pháp xin chuộc lại, nhưng không k
quả.

Câu hỏi

- Phan thanh Giản quê ở đâu? — Ông thi đỗ gì? — Qu
Pháp chiếm ba tỉnh nào của nước ta? — Vua Tự-Đức cử ông
sang Pháp làm gì? — Kết quả việc ông đi sứ ra sao?



36. — CHẾT ĐỀ CỨU DÂN PHAN-THANH-GIẢN

Dàn bài

- 1— Trấn giữ ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ.
- 2— Chết đề cứu dân

Bài học

Khi đi sứ trở về, ông Phan thanh Giản được cử làm kinh-lược-sứ, trấn giữ ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ.

Quân Pháp tiến đánh. Ông tự biết thế chống không nổi. Ông ra lệnh giao thành đề tránh cho quân và dân khỏi bị giết hại rồi ông uống thuốc độc mà chết.

Câu hỏi

— Khi đi sứ trở về, ông Phan thanh Giản được cử giữ chức gì? — Tại sao ông giao thành cho Pháp? — Sau đó ông làm gì?

37. — NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Sự-nghiệp.

Bài học

Nguyễn tri Phương người tỉnh Thừa-thiên. Ông là một tướng tài trải ba triều vua.

Ở miền Nam ông đã từng phá Xiêm, bình Chân-lạp. Ông dẹp tan giặc Nùng, giặc Cai-tồng Vàng ở xứ Bắc.

Sau khi Pháp chiếm Nam-kỳ, triều-định cử ông làm Kinh-lược sứ ở Bắc-kỳ.

Câu hỏi

— Nguyễn tri Phương quê ở đâu ? — Ông là vị tướng thế nào ? — Ông đã từng đánh phá quân những nước nào ở miền Nam ? — Ông dẹp tan những giặc nào ở miền Bắc ? — Sau khi Pháp chiếm 6 tỉnh Nam-kỳ, ông giữ chức gì ?

38. — NHỊN ĐÓI, CHỊU ĐAU MÀ CHẾT NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Dàn bài

- 1— Pháp tấn-công thành Hà-nội.
- 2— Thành vỡ chết theo thành.

Bài học

Pháp đánh thành Hà-nội. Nguyễn tri Phương cùng con là Phò-mã Nguyễn-Lâm chống-cự thật hăng.

Thành vỡ, Nguyễn-Lâm trúng đạn chết, Nguyễn tri Phương bị thương nặng. Pháp băng bó và chăm sóc thuốc men cho ông. Nhưng ông đã xé băng, nhịn đói, chịu đau mà chết.

Câu hỏi

— Khi Pháp đánh Hà-nội. Nguyễn tri Phương cùng ai chống giữ thành? — Thành vỡ, Nguyễn-Lâm và Nguyễn tri Phương ra sao? — Pháp chăm sóc cho ông Nguyễn tri Phương như thế nào? — Nguyễn tri Phương có thái độ nào?

39 .— HOÀNG-DIỆU**Dàn bài**

- 1— Thân-thể.
- 2— Trấn giữ thành Hà-nội.

Bài học

Hoàng-Diệu người tỉnh Quảng-nam, thông-minh và chăm học. Năm 25 tuổi, ông thi đỗ Phó bảng. Khi làm quan, ông được tiếng là ngay-thẳng.

Sau khi ông Nguyễn tri Phương chết, vua Tự-Đức cử ông làm Tổng-đốc trấn giữ thành Hà-nội.

Câu hỏi

— Hoàng-Diệu quê ở đâu? — Năm 25 tuổi, ông thi đỗ gì? — Khi làm quan, ông nổi tiếng về đức tính gì? — Sau khi ông Nguyễn tri Phương chết, vua Tự-Đức cử ông giữ chức gì?

**40 .— THÀ CHẾT CHỨ KHÔNG BỎ THÀNH
HOÀNG - DIỆU (tiếp theo)****Dàn bài**

- 3— Hoàng-Diệu phòng-thủ thành Hà-nội.
- 4— Quân Pháp tấn-công thành Hà-nội.
- 5— Thành vỡ, Hoàng-Diệu tuần-tiết.

Bài học

Tổng-đốc Hoàng-Diệu ra lệnh đào hào, đắp lũy phòng quân Pháp đánh thành Hà-nội.

Pháp thỉnh-linh đem quân ra bắc, đòi ta phải thành. Ta không chịu, Pháp liền tấn-công dữ-dội.

Sau có kẻ làm phản nên thành bị vỡ. Ông Hoàng-Diệu thất cố chết theo thành.

Câu hỏi

— Tổng-đốc Hoàng-Diệu làm gì để phòng-thủ thành nội? — Pháp đem quân ra Bắc đòi-hỏi ta điều gì? — Chúng ta không chịu giao thành, Pháp làm thế nào? — Tại sao thành vỡ? — Khi thành vỡ, Hoàng-Diệu xử-tri ra sao?

41. — BÀI ÔN CHƯƠNG IV

- 1— Ai là người lập ra hai huyện Tiền-hải và Kim sơn?
- 2— Nhà nho sáng suốt nào đã dâng lên vua Tự-Đức những điều-trần xin cải cách mọi việc trong nước?
- 3— Pháp tiến-đánh ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ, tại sao Phan thanh Giản lại nộp thành cho Pháp? Rồi sau đó làm gì?
- 4— Khi Pháp tấn-công thành Hà-nội, ai là người trấn thành? Ông đã tỏ thái-độ nào với Pháp khi bị thương nặng?
- 5— Pháp tấn công thành Hà-nội lần thứ hai, ai là người giữ thành?



Chương V

CÁC CUỘC KHỞI-NGHĨA CHỐNG PHÁP

42. — PHAN ĐÌNH PHÙNG

Dàn bài

1— Thân-thế.

2— Lãnh đạo phong trào Văn-thân.

Bài học

Phan đình Phùng người tỉnh Hà-tĩnh. Ông thi đỗ Đình-nguyên, làm quan đến chức Ngự-sử.

Quân Pháp đánh chiếm kinh-thành Huế. Vua Hàm-Nghi chạy ra Quảng-bình kêu gọi sĩ-phu cứu nước. Hưởng-ứng lời kêu gọi, ông Phan đình Phùng cầm đầu đảng Văn-thân chống Pháp.

Câu hỏi

— Phan đình Phùng người tỉnh nào? — Ông thi đỗ gì? — Ông làm quan đến chức gì? — Khi Pháp chiếm kinh-thành Huế, vua Hàm-Nghi làm gì? — Ai cầm đầu đảng Văn-thân chống Pháp?



43. — CUỘC KHÔI-NGHĨA CỦA ĐẢNG VĂN-THÂN PHAN ĐÌNH PHÙNG (tiếp theo)

Dàn bài

3— Lập chiến-khu chống Pháp.

4— Đảng Văn-thân tan-rã.

Bài học

Phan đình Phùng lập chiến-khu chống Pháp tại
Ngàn-trươi. Ông tổ-chức quân-đội theo lối Âu-tây, chỉ
được súng đạn tinh-xảo.

Quân Pháp bị thiệt hại nặng nên đem đại-binh và
chiến-khu. Sau vì quá vất-vả, ông bị bệnh mà chết.
Phong-trào Văn-thân tan-rã từ đó.

Câu hỏi

— Ông Phan đình Phùng lập chiến-khu ở đâu? — Ông
tổ-chức chống Pháp như thế nào? — Quân Pháp bị thiệt hại
nặng nên đã làm gì? — Tại sao đảng Văn-thân tan-rã?

44. — PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG TỪ NAM CHÍ BẮC MIỀN NAM: TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH

Dàn bài

1— Phong-trào chống Pháp.

2— Trương công Định.

Bài học

Trong suốt 80 năm bị đô-hộ, dân ta luôn luôn nổi dậy
chống Pháp.

Miền Nam có Trương công Định cầm đầu phong-
trào đánh Pháp. Ông được dân chúng theo rất đông và
tôn ông là Bình-tây Đại-nguyên-soái.

Câu hỏi

— Trong suốt 80 bị Pháp đô-hộ, dân ta làm gì? — Miền Nam, ai là người cầm đầu phong-trào đánh Pháp? — Dân chúng tôn Trương công Định là gì?

45 — PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG TỪ NAM CHÍ BẮC

Miền Nam : TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH (tiếp theo)

Dàn bài

- 3— Cuộc kháng-chiến.
- 4— Trương công Định bị phản.

Bài học

Trương công Định đánh lối du-kích, gây thiệt hại nặng-nề cho Pháp, nhất là ở trận Cần-giуộc. Pháp dụ ông hàng, hứa cho làm quan to, nhưng ông không nghe.

Sau Huỳnh công Tấn làm phản, dẫn Pháp vây bắt ông. Ông chống-cự tới lúc bị thương, rồi rút gươm tự-tử.

Câu hỏi

— Trương công Định đánh Pháp ra sao? — Pháp hứa điều gì để dụ ông hàng? — Ai làm phản dẫn Pháp vây bắt ông? — Khi bị thương, ông làm thế nào?

46 — PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG TỪ NAM CHÍ BẮC

Miền Nam : NGUYỄN TRUNG TRỰC

Dàn bài

- 1— Thân-thể.
- 2— Chiến-công.
- 3— Vì mẹ chịu chết.

Bài học

Nguyễn trung Trực là một dân chài. Ông vào theo kháng-chiến chống Pháp.

Nhờ mưu-trí, ông thắng Pháp nhiều trận, n trận ở Nhật-tảo và thành Kiên-giang.

Sau Pháp vây ông ở Phú quốc. Huỳnh công Tấn phản bắt mẹ ông. Ông đã ra hàng để cứu mẹ n chém chết.

Câu hỏi

— Nguyễn trung Trực trước kia làm nghề gì? — Ông Nam làm gì? — Ông thắng Pháp những trận nào? — Ông ra hàng Pháp? — Ông bị chết như thế nào?

47 . PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG TỪ BẮC CHÍ NAM

Miền Trung : ĐÌNH CÔNG TRÁNG

Dàn bài

- 1— Chiến-lũy Ba-đình.
- 2— Pháp tấn-công chiến-lũy.
- 3— Đình công Tráng bị làm phản.



Bài học

Đinh công Tráng đắp chiến lũy Ba-đinh ở Thanh-hóa chống Pháp. Ông thường đánh cướp vũ khí, lương-thực, gây thiệt-hại nặng-nề cho địch.

Pháp đem đại-binh đánh, mãi mới hạ được chiến-lũy nhưng ông trốn thoát được.

Sau có người làm phản, ông bị Pháp vây bắn và trúng đạn chết.

Câu hỏi

— Đinh công Tráng đắp chiến-lũy ở đâu chống Pháp ? — Ông đánh Pháp như thế nào ? — Pháp đem đại-binh đánh ra sao ? — Tại sao ông bị trúng đạn chết ?

48. — PHONG-TRÀO CÁCH MẠNG TỪ BẮC CHÍ NAM

Miền Trung : MAI XUÂN THƯỜNG

Dàn bài

1. — Thân-thế.
2. — Cuộc khởi-nghĩa.
3. — Chịu chết để cứu dân.

Bài học

Mai xuân Thường người làng Phú-lạc, tỉnh Bình-định. Ông thông-minh, năm 25 tuổi thi đậu cử-nhân.

Ông khởi-nghĩa chống Pháp ở Bình-định. Ông đánh Pháp rất hăng. Pháp dẹp mãi không được.

Sau Pháp bắt dân làng và mẹ ông hành-hạ. Tuy vậy, ông đành chịu chết, chứ không chịu hàng giặc.

Câu hỏi

— Mai xuân Thuởng quê ở đâu? — Năm 25 tuổi, ông đã làm gì? — Ông khởi-nghĩa chống Pháp ở đâu? — Ông đánh Pháp ra sao? — Tại sao Pháp bắt dân làng và mẹ ông hành hạ? — Ông xử-trí ra sao?

49.— PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG TỪ BẮC CHÍ NAM

Miền Bắc : HOÀNG HOA THÁM

Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Chiến-khu Yên-thế.

Bài học

Hoàng hoa Thám người phủ Yên-thế, tỉnh Bắc-giang. Ông theo Cai-tổng Kinh chống Pháp được phong Đề-đốc, nên gọi là Đề-Thám.

Ông lập chiến-khu ở Yên-thế đề chống Pháp. Chiến-khu toàn là núi cao, rừng sâu rất hiểm trở. Ông tích-trữ lương-thực, mua sắm khí-giới đề đánh Pháp lâu dài.

Câu hỏi

— Hoàng hoa Thám quê ở đâu? — Tại sao lại gọi ông là Đề-Thám? — Ông lập chiến-khu ở đâu? — Chiến-khu hiểm-trở như thế nào? — Ông làm gì để có thể đánh Pháp được lâu dài?

50.— PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG TỪ BẮC CHÍ NAM

Miền Bắc : HOÀNG HOA THÁM (tiếp theo)

Dàn bài

- 3— Cuộc kháng-chiến chống Pháp.
- 5— Chết vì bị ám-sát.



Bài học

- Từ chiến-khu Yên-thế, Ông Đề-Thám thường dùng lối du-kích đem quân đánh Pháp. Có lần ông đột kích ngay tận Hà-nội, khiến Pháp rất hoảng sợ. Suốt 30 năm trời, ông gây cho Pháp nhiều thiệt-hại nặng-nề.

Sau Pháp thuê Lương tam Kỳ giết ông. Nghĩa - quân tan-rã từ đó.

Câu hỏi

- Từ chiến-khu, ông Đề-Thám thường dùng cách nào đánh Pháp? — Cuộc kháng-chiến của ông kéo dài bao lâu? — Ông gây thiệt-hại cho Pháp ra sao? — Pháp thuê ai giết ông?

51.— PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG TỪ BẮC CHÍ NAM

Miền Bắc: NGUYỄN THIỆN THUẬT

Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Chiến-khu Bãi-sậy.
- 3— Kết-cuộc.

Bài học

Nguyễn thiện Thuật người xã Xuân-dực, tỉnh Hưng yên. Ông làm Tán-tương Quân-vụ nên gọi ông là Tán Thuật.

Ông lập chiến-khu Bãi-sậy để chống Pháp. Ông chuyên đánh úp các đồn Pháp, khiến cho địch tổn-thất nặng-nề.

Pháp đánh nhiều lần mà không phá nổi chiến khu. Sau ông bị Hoàng cao Khải vây khốn, phải bỏ trốn sang Tàu và chết ở bên đó.

Câu hỏi

— Nguyễn thiện Thuật quê ở đâu? — Ông làm tới chức gì? — Ông lập chiến-khu ở đâu để chống Pháp? — Ông gây cho Pháp những tổn-thất như thế nào? — Tại sao ông phải bỏ trốn sang Tàu?

52 — MỘT HỌC-GIẢ UYÊN-THÂM**TRƯƠNG VĨNH KÝ****Dàn bài**

- 1— Thân-thế.
- 2— Sự-nghiệp văn-chương.



Bài học

Trương Vĩnh Ký, người làng Vĩnh-thạnh, tỉnh Kiến-hoà Ông thông-thạo quốc-ngữ, chữ Hán và chín thứ tiếng nước ngoài.

Ông mở tờ báo đầu tiên bằng quốc ngữ. Ông dịch sách Hán và sách Âu-tây sang tiếng Việt để truyền-bá những điều hay lạ.

Câu hỏi

— Trương Vĩnh Ký quê ở đâu? — Ông thông-thạo những thứ tiếng nào? — Về báo chí ông đã có công gì? — Ông dịch sách để làm gì?

53. — BÀI ÔN CHƯƠNG V

- 1— Ai là người lãnh-đạo phong-trào Văn-thân chống Pháp?
- 2— Chiến-khu Ngàn-trươi do ai lập ra?
- 3— Dân chúng tôn ai là Bình-tây Đại-Nguyên-soái?
- 4— Ai chỉ-huy đánh thắng Pháp ở trận Cần-giuộc?
- 5— Ông Nguyễn trung Trực đánh thắng Pháp ở những trận lớn nào? — Tại sao ông bị chém chết?
- 6— Ông Đinh công Tráng đắp chiến-lũy ở đâu chống Pháp?
- 7— Ai khởi-nghĩa chống Pháp ở Bình-định? — Tại sao ông đành chịu chết?
- 8— Hoàng hoa Thám quê ở đâu? — Tại sao gọi ông là Đề-Thám?
- 9— Cuộc kháng-chiến nào kéo dài suốt 30 năm, gây tổn hại nhiều cho Pháp?
- 10— Nguyễn thiện Thuật quê ở đâu? — Tại sao lại gọi ông là Tân-Thuật?
- 11— Nguyễn thiện Thuật lập chiến-khu ở đâu chống Pháp?
- 12— Ai là người mở tờ báo đầu tiên bằng quốc-ngữ?

MỤC-LỤC

Địa - lý

Chương I : DANH-TỪ ĐỊA-LÝ

- 1 — Mặt-trời
- 2 — Mặt-trăng
- 3 — Trái-đất
- 4 — Xích đạo
- 5 — Bắc-cực, Nam-cực
- 6 — Lục-địa
- 7 — Các đại châu
- 8 — Các đại-dương
- 9 — Bài ôn
- 10 — Thủy-triều
- 11 — Ngày, đêm
- 12 — Bốn mùa
- 13 — Âm-lich
- 14 — Dương-lich
- 15 — Bài ôn

Chương II : ĐỊA LÝ ĐỊA-PHƯƠNG

- 16 — Lớp học
- 17 — Lớp học (t.t.)
- 18 — Trường-học
- 19 — Trường-học (t.t.)
- 20 — Xã Phú-nhuận thiên nhiên
- 21 — Xã Phú-nhuận thiên nhiên (t.t.)

- 22 — Xã Phú-nhuận nhân-văn
- 23 — Xã Phú-nhuận kinh-tế
- 24 — Quận Tân-bình thiên-nhiên
- 25 — Quận Tân-bình thiên-nhiên (t.t.)
- 26 — Quận Tân-bình nhân-văn
- 27 — Quận Tân-bình kinh-tế
- 28 — Tỉnh Gia-định thiên-nhiên
- 29 — Tỉnh Gia-định thiên-nhiên (t.t.)
- 30 — Tỉnh Gia-định nhân-văn
- 31 — Tỉnh — Gia-định kinh-tế : Canh-nông —
Chăn-nuôi
- 32 — Tỉnh Gia-định kinh-tế : Kỹ-ngệ
- 33 — Tỉnh Gia-định kinh-tế : Giao-thông
- 34 — Tỉnh Gia-định kinh-tế : Thương-mại
- 35 — Phường Cư-xá đô-thành thiên-nhiên
- 36 — Phường Cư-xá đô-thành nhân-văn
- 37 — Phường Cư-xá đô-thành kinh-tế
- 38 — Quận Ba thiên-nhiên
- 39 — Quận Ba thiên-nhiên (t.t.)
- 40 — Quận Ba nhân-văn
- 41 — Quận Ba kinh-tế
- 42 — Đô thành Sài-gòn thiên-nhiên
- 43 — Đô-thành Sài-gòn thiên-nhiên (t.t.)
- 44 — Đô-thành Sài-gòn nhân-văn
- 45 — Đô-thành — Sài-gòn — kinh-tế : — Kỹ-ngệ
— Giao-thông
- 46 — Đô-thành Sài-gòn kinh-tế : Thương-mại

47 — Bài ôn

Chương III : VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG

48 — Việt-nam thiên-nhiên

49 — Việt-nam thiên-nhiên : Núi

40 — Việt-nam thiên-nhiên : Cao-nguyên

51 — Việt-nam thiên-nhiên : Đồng-bằng

52 — Việt-nam thiên-nhiên : Sông-ngòi

53 — Việt-nam thiên-nhiên : Khí-hậu

54 — Việt-nam thiên-nhiên : Biển và bờ biển

55 — Việt-nam nhân-văn : Người Việt

56 — Việt-nam nhân-văn : Đồng bào thiểu-số và
ngoại-kiểu

57 — Việt-nam nhân-văn : Tổ-chức hành-chánh

58 — Việt-nam nhân-văn : Tổ-chức hành-chánh (t.l)

59 — Bài ôn

60 — Việt-nam kinh-tế : Nông-nghiệp

61 — Việt-nam kinh-tế : Chăn-nuôi — Chài-lưới

62 — Việt-nam kinh-tế : Lâm-sản

63 — Việt-nam kinh-tế : Khoáng-sản

64 — Việt-nam kinh-tế : Tiểu-công-nghệ

65 — Việt-nam kinh-tế : Kỹ nghệ

66 — Việt-nam kinh-tế : Giao-thông

67 — Việt-nam kinh-tế : Thương-mại

CHƯƠNG IV : TẬP VẼ BẢN ĐỒ

BẢN ĐỒ LỚP — TRƯỜNG — XÃ — QUẬN — TỈNH — ĐÔ-
THÀNH VÀ BẢN ĐỒ VIỆT-NAM, VẼ LIỀN VỚI BÀI HỌC

Chương I

DANH TỪ ĐỊA - LÝ

1 - MẶT TRỜI

Dàn bài

- 1— Mặt trời là gì ?
- 2— Ích lợi của mặt trời.

Bài học

Mặt trời là một khối lửa khổng-lồ rất nóng. Mặt trời đứng yên một chỗ, ở rất xa ta và lớn hơn trái đất hàng triệu lần.

Mặt trời tỏa ra ánh sáng và hơi nóng. Nhờ vậy, ban ngày ta mới trông thấy rõ mọi vật. Các sinh-vật sống được cũng là nhờ có mặt trời sưởi ấm.

Câu hỏi

— Mặt trời là gì ? — Mặt trời lớn hơn trái đất bao nhiêu lần ? — Mặt trời tỏa ra gì ? — Tại sao ban ngày ta trông thấy rõ mọi vật ? — Các sinh-vật sống được là nhờ ở đâu ?

2 - MẶT TRĂNG

Dàn bài

- 1— Hình-thể mặt trăng.
- 2— Mặt trăng quay quanh trái đất.
- 3— Ích-lợi của mặt trăng.

Bài học

Mặt trăng là một hành - tinh hình tròn, nhỏ hơn đất, ở gần ta hơn mặt trời.

Mặt trăng quay quanh trái đất một vòng mất hai mươi chín ngày rưỡi.

Mặt trăng nhận ánh - sáng của mặt trời rồi phản chiếu xuống đất. Nhờ vậy những đêm có trăng, đất được soi sáng.

Câu hỏi

— Mặt trăng hình gì? — Lớn hay nhỏ hơn trái đất?
— Mặt trăng quay quanh mặt trời mất mấy ngày? — Mặt trăng nhận được ánh sáng của mặt trời, rồi phản- chiếu đi đâu?
Tại sao những đêm có trăng trái đất được soi sáng?

3 — TRÁI ĐẤT**Dàn bài**

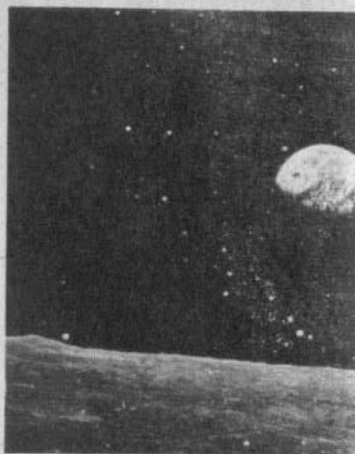
- 1— Hình. thẻ trái đất.
- 2— Vỏ trái đất — Mặt đất.
- 3— Trái đất quay tròn.

Bài học

Trái đất là một hành-tinh, quay quanh mặt trời giấp một vòng hết 365 ngày một phần tư. Trái đất hình tròn, hai đầu hơi giẹp.

Vỏ trái đất do các loại đất, đá tạo thành. Mặt đất có chỗ lồi, chỗ lõm. Chỗ nhô lên cao là núi, chỗ lõm sâu xuống là biển.

Trái đất quay quanh nó một vòng mất hai mươi bốn giờ.



Câu hỏi

— Trái đất là gì? — Hình thù trái đất thế nào? — Vỏ trái đất do những chất gì tạo thành? — Mặt đất như thế nào? — Chỗ mặt đất nhô lên cao gọi là gì? — Chỗ mặt đất lõm sâu xuống gọi là gì? — Trái đất quay quanh nó một vòng mất bao lâu?

4 XÍCH ĐẠO

Dàn bài

- 1— Xích-đạo chia trái đất làm hai phần.
- 2— Khí hậu ở miền xích đạo.

Bài học

Xích-đạo là đường chạy vòng quanh trái đất, và chia trái đất làm hai phần bằng nhau. Phần trên xích-đạo là Bắc-bán-cầu. Phần dưới là Nam-bán-cầu.

Khí-hậu miền xích-đạo rất nóng. Nam-phần Việt-nam có khí-hậu nóng vì ở gần đường xích-đạo.

Câu hỏi

— Xích-đạo chia trái đất làm mấy phần? — Phần trên xích-đạo gọi là gì? — Khí-hậu miền xích-đạo thế nào? — Vì sao khí-hậu Nam-phần Việt-nam lại nóng?



5 - BẮC-CỰC - NAM-CỰC

Dàn bài

- 1— Bắc-cực, Nam
- 2— Khí-hậu ở Bắc-cực, Nam-cực.

Bài học

Mỏm trên trái đất là Bắc-cực, mỏm dưới là Nam-cực.

Khí-hậu ở Bắc-cực và Nam-cực rất lạnh, có tuyết phủ quanh năm. Cả hai cực đều có sáu tháng liền là ngày và sáu tháng liền là đêm. Ở Bắc-cực có giống người Êt-ki-mô, Nam-cực không có người ở.

Câu hỏi

— Mỏm trên trái đất gọi là gì? — Mỏm dưới trái đất gọi là gì? — Khí-hậu ở Bắc-cực và Nam-cực thế nào? — Cả hai cực có mấy tháng liền là ngày? mấy tháng liền là đêm? — Ở Bắc-cực có giống người nào?

6 - LỤC-ĐỊA

Dàn bài

- 1— Lục-địa.
- 2— Trái đất có hai lục-địa.

Bài học

Lục-địa là dải đất rộng và cao hơn mặt biển. Diện-tích lục-địa chỉ bằng một phần tư diện-tích trái đất.

Trái đất có hai lục-địa là tân lục-địa và cựu lục-địa. Nước Việt-nam ở cựu lục-địa.

Câu hỏi

— Lục-địa là gì? — Diện-tích lục-địa bằng mấy phần trái đất? — Kể tên hai lục-địa? — Nước Việt-nam ở lục-địa nào?

7 — CÁC ĐẠI CHÂU

Dân bài

1— Các châu ở cự lục-địa.

2— Châu ở tân lục-địa.

3— Nam-cực châu.

Bài học

Châu Á, châu Âu, châu Phi và châu Úc ở cự lục-địa.

Châu Mỹ ở tân lục-địa.

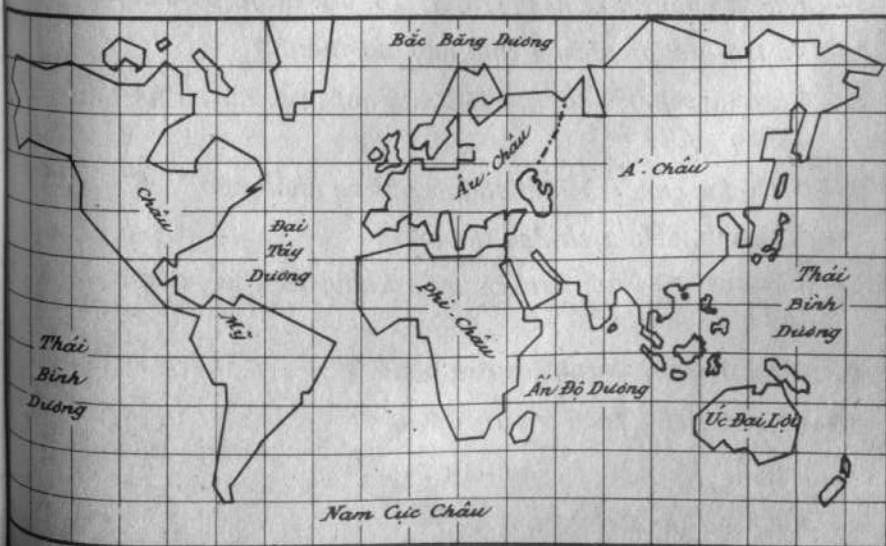
Nam cực châu là một vùng đất rộng, có băng tuyết quanh năm, không có người ở.

Nước Việt-nam ở châu Á.

Câu hỏi

— Những châu nào ở cự lục-địa ? — Châu nào ở tân lục-địa ? — Nam-cực châu là vùng đất thế nào ? — Nước Việt-nam ở châu nào ?

CÁC ĐẠI - CHÂU và CÁC ĐẠI - DƯƠNG



8— CÁC ĐẠI DƯƠNG

Dàn bài

- 1— Diện-tích các đại dương.
- 2— Các đại dương.
- 3— Việt-nam giáp Thái-bình-dương.

Bài học

Diện-tích các đại dương bằng ba phần tư diện tích trái đất.

Các đại dương là Bắc-băng-dương, Thái-bình-dương, Ấn-độ-dương và Đại-tây-dương.

Nước Việt-nam, phía đông giáp Thái-bình-dương

Câu hỏi

— Diện tích các đại dương bằng mấy phần trái đất? — Tên các đại dương? — Nước Việt-nam, phía đông giáp biển nào?

9— BÀI ÔN

- 1— Mặt trời là gì?
- 2— Mặt trời tỏa ra gì?
- 3— Tại sao những đêm có trăng, trái đất được soi-sáng?
- 4— Vỏ trái đất do những chất nào tạo thành?
- 5— Trên mặt đất, chỗ nhô lên cao gọi là gì? — Chỗ lõm xuống gọi là gì?
- 6— Xích-đạo chia trái đất thành những phần nào?
- 7— Khí-hậu miền xích-đạo thế nào?
- 8— Bắc-cực và Nam-cực có mấy tháng liền là ngày? — mấy tháng liền là đêm?
- 9— Trái đất có những lục-địa nào?
- 10— Những châu nào ở cực lục-địa?
- 11— Vùng đất rộng ở Nam-cực gọi là gì?
- 12— Kể tên các đại-dương?

10 - THỦY - TRIỀU

Dàn bài

- 1— Thủy-triều là gì ?
- 2— Ích lợi của thủy-triều.

Bài học

Hằng ngày, mực nước biển dâng lên cao rồi lại rút xuống thấp, người ta gọi là thủy-triều.

Thủy-triều đưa nước sông vào ruộng và giúp tàu, thuyền đi lại dễ-dàng.

Câu hỏi

— Hằng ngày mực nước biển thế nào ? — Nước biển dâng lên cao rồi lại rút xuống thấp gọi là gì ? — Thủy-triều giúp ích gì cho ta ?

11 - NGÀY, ĐÊM

Dàn bài

- 1— Trái đất nhận ánh mặt trời.
- 2— Ngày.
- 3— Đêm.

Bài học

Mặt trời chiếu sáng xuống trái đất, nhưng chỉ có một nửa nhận được ánh sáng.

Thời gian nửa trái đất nhận được ánh sáng mặt trời gọi là ban ngày.

Thời gian nửa trái đất không nhận được ánh sáng mặt trời gọi là ban đêm.

Câu hỏi

— Trái đất nhận được ánh sáng mặt trời như thế nào ? — Thời gian nửa trái đất nhận được ánh sáng mặt trời gọi là gì ? — Thời gian nửa trái đất không nhận được ánh sáng gọi là gì ?

12- BỐN MÙA

Dàn bài

- 1— Các mùa trong năm.
- 2— Khí-hậu từng mùa.
- 3— Nam-phần Việt-nam có hai mùa.

Bài học

Năm có bốn mùa là Xuân, Hạ, Thu và Đông.

Mùa xuân khí trời ấm áp. Mùa hạ thì nóng bức. Mùa thu mát mẻ. Mùa đông giá-lạnh.

Nam-phần Việt-nam có hai mùa là mùa nắng và mùa mưa.

Câu hỏi

— Một năm có mấy mùa? Kể ra. — Mùa xuân khí trời nào? — Mùa nào thì nóng bức? — Mùa thu khí trời ra sao? — Mùa nào giá lạnh? — Nam-phần Việt-nam có những mùa nào?



13- ÂM-LỊCH

Dàn bài

- 1— Âm-lịch là gì.
- 2— Cách tính ngày, tháng âm-lịch.
- 3— Nhiều nước ở Châu Á còn theo âm-lịch.

Bài học

Ngày, tháng tính theo thời-gian mặt trăng quanh trái đất gọi là âm-lịch.

Năm âm-lịch có 12 tháng. Tháng có 29 hoặc 30 ngày. Cứ 5 năm lại có 2 năm nhuận. Năm nhuận có 13 tháng.

Hiện nay còn nhiều nước ở châu Á theo âm lịch.

Câu hỏi

— Ngày tính theo thời gian mặt trăng quay quanh trái đất gọi là gì? — Năm âm-lịch có mấy tháng? — Mỗi tháng âm lịch có bao nhiêu ngày? — Năm nhuận có mấy tháng? — Hiện nay, còn nhiều nước thuộc châu nào theo âm-lịch?

**14- DƯƠNG - LỊCH****Dàn bài**

- 1— Dương-lịch là gì?
- 2— Cách tính ngày, tháng dương-lịch.
- 3— Hầu-hết các nước trên thế giới theo dương-lịch.

Bài học

Ngày, tháng tính theo thời gian trái đất quay quanh mặt trời gọi là dương-lịch.

Năm dương-lịch có 12 tháng. Tháng có 30 hoặc 31 ngày. Tháng hai chỉ có 28 ngày. Bốn năm lại có một năm nhuận. Tháng hai năm nhuận có 29 ngày.

Ngày nay, hầu hết các nước trên thế giới đều theo dương-lịch.

Câu hỏi

— Ngày, tháng tính theo thời gian trái đất quay quanh mặt trời gọi là gì? — Năm dương-lịch có mấy tháng? — Tháng có bao nhiêu ngày? — Theo dương lịch tháng nào chỉ có 28 ngày? — Cách mấy năm lại có một năm nhuận? — Tháng hai năm nhuận có bao nhiêu ngày?

15 BÀI ÔN

Chọn câu trả lời đúng chép vào tập.

1— Hàng ngày, mực nước biển dâng lên cao rồi lại rút xuống gọi là :

a.— Ngập-lụt

b.— Thủy-triều.

2— Mặt trời chiếu sáng xuống trái đất thì :

a.— Chỉ có một nửa trái đất nhận được ánh-sáng

b.— Cả trái đất nhận được ánh-sáng.

3— Ngày là thời gian nửa trái đất :

a.— Không nhận được ánh-sáng mặt trời.

b.— Nhận được ánh-sáng mặt trời.

4— Mùa xuân khi trời :

a.— Ấm-áp

b.— Giá-lạnh.

5— Theo dương-lịch tháng hai năm nhuận có :

a.— 28 ngày

b.— 29 ngày.



Chương II

LỚP HỌC — TRƯỜNG-HỌC — XÃ — PHỐ — THÀNH PHỐ
— QUẬN — TỈNH — TỈNH LÂN-CẬN

Trong chương này học-sinh học địa-lý địa-phương. Do đó chúng tôi chỉ nêu lên một số bài soạn điền-binh ngô-hầu quý vị giáo-chức căn-cứ vào đó mà soạn bài dạy.

16 — LỚP HỌC

Dàn bài

- 1— Vị-trí lớp học.
- 2— Giới-hạn lớp học.
- 3— Diện-tích lớp học.

Bài học

Em học lớp ba 8 trường Tiểu-học Cộng-đồng Chí-hòa. Lớp em ở dãy lầu 1 phòng số 14.

Trước cửa lớp là sân chính. Phía sau có sân phụ. Bên tay mặt là lớp Ba 7. Bên tay trái là lớp Ba 9.

Lớp em hình chữ nhật, diện tích 56 mét vuông.

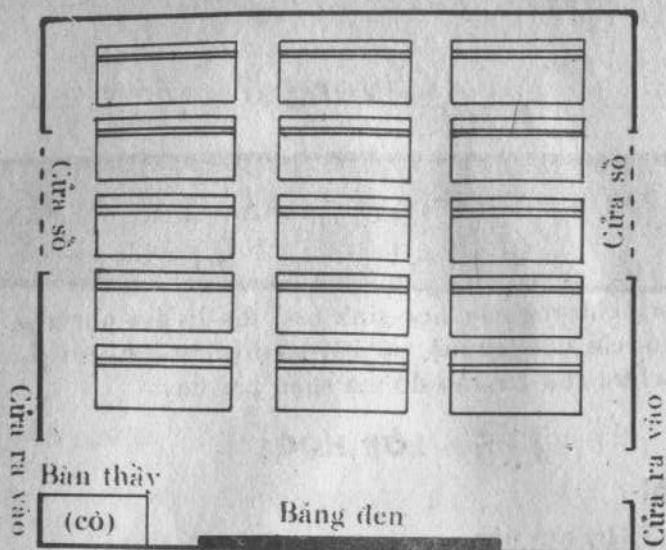
Câu hỏi

— Em học lớp mấy? trường nào? — Lớp em ở dãy nào? phòng số mấy? — Phía trước lớp em có gì? — Bên phải lớp em giáp đâu? — Bên trái lớp em là lớp nào? — Lớp em hình gì? diện tích bao nhiêu mét vuông?

17 — LỚP HỌC (tiếp theo)

Dàn bài

- 1— Tường lớp học.
- 2— Các cửa lớp học.
- 3— Đồ vật trong lớp.

**Bài học**

Tường lớp em xây bằng gạch, quét vôi màu vàng.

Lớp em có hai cửa ra vào và hai cửa sổ.

Bàn thầy giáo kê ngay đầu lớp. Kế bên là tám bàn lớn màu xanh. Ba dãy bàn ghế học-sinh kê trước mặt bàn thầy, chạy dài tận cuối lớp. Trên tường có treo tranh ảnh, bản đồ và nhiều khẩu-hiệu.

Câu hỏi

— Tường lớp em xây bằng gì? quét vôi màu gì? — Lớp em có mấy cửa ra vào? mấy cửa sổ? — Bàn thầy giáo kê đâu? — Ba dãy bàn ghế học-sinh kê như thế nào? — Trên tường có treo những gì?

18 — TRƯỜNG HỌC**Dàn bài**

- 1— Trường em đang học.
- 2— Vị-trí — Giới-hạn.
- 3— Diện-tích.

Bài học

Em học trường Tiểu-học Cộng-đồng Chí-hòa.

Trường em ở trong hẻm 493 đường Lê-văn-Duyệt, Sài-gòn. Chung quanh trường là nhà của dân chúng.

Trường em xây trên một khu đất hình chữ nhật rộng chừng 3.000 mét vuông.

Câu hỏi

— Em học ở trường nào? — Trường em ở đâu? — Chung quanh trường có gì? — Trường em xây trên khu đất hình gì? — Rộng bao nhiêu mét vuông?

19-- TRƯỜNG HỌC (tiếp theo)

Dàn bài

- 1— Cổng ra vào.
- 2— Các dãy nhà.
- 3— Hàng rào.

Bài học

Trường em có một cổng chính và hai cổng phụ.

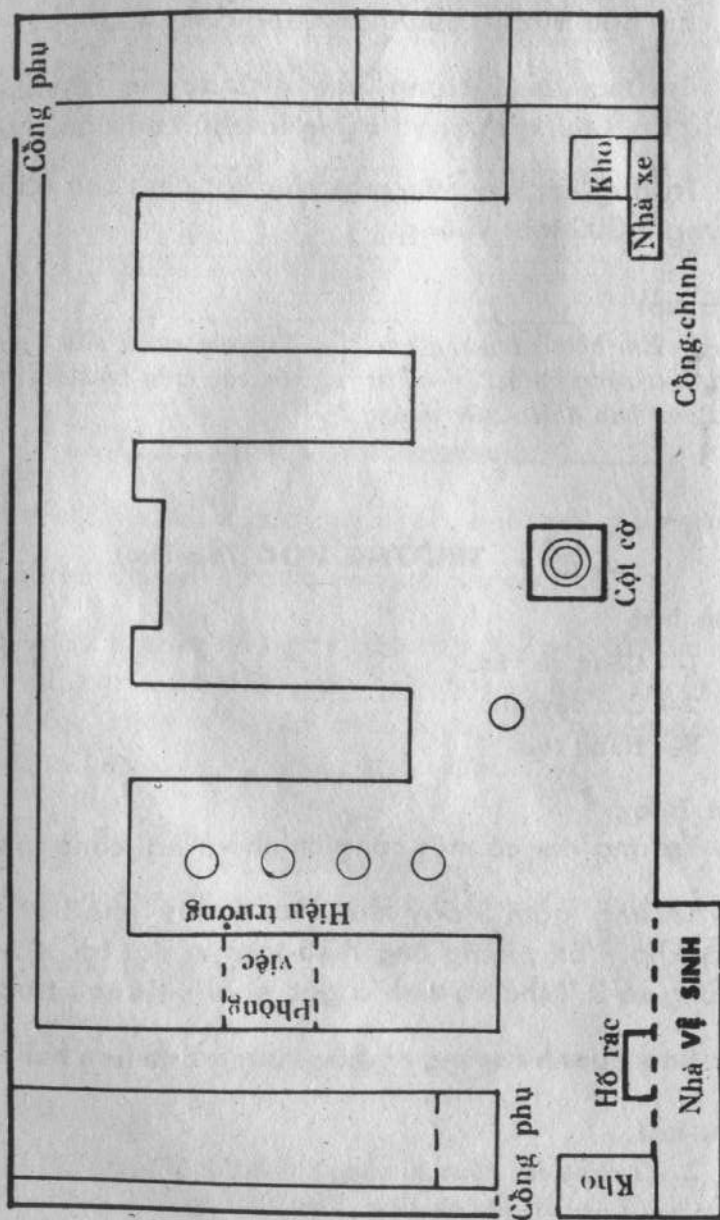
Trường gồm 3 dãy nhà lầu, 4 dãy nhà trệt và hai nhà kho. Văn phòng ông Hiệu-trưởng đặt tại dãy lầu 1 phòng số 3. Nhà vệ-sinh ở góc phải phía sau trường.

Bao quanh trường có bức tường cao hơn hai thước.

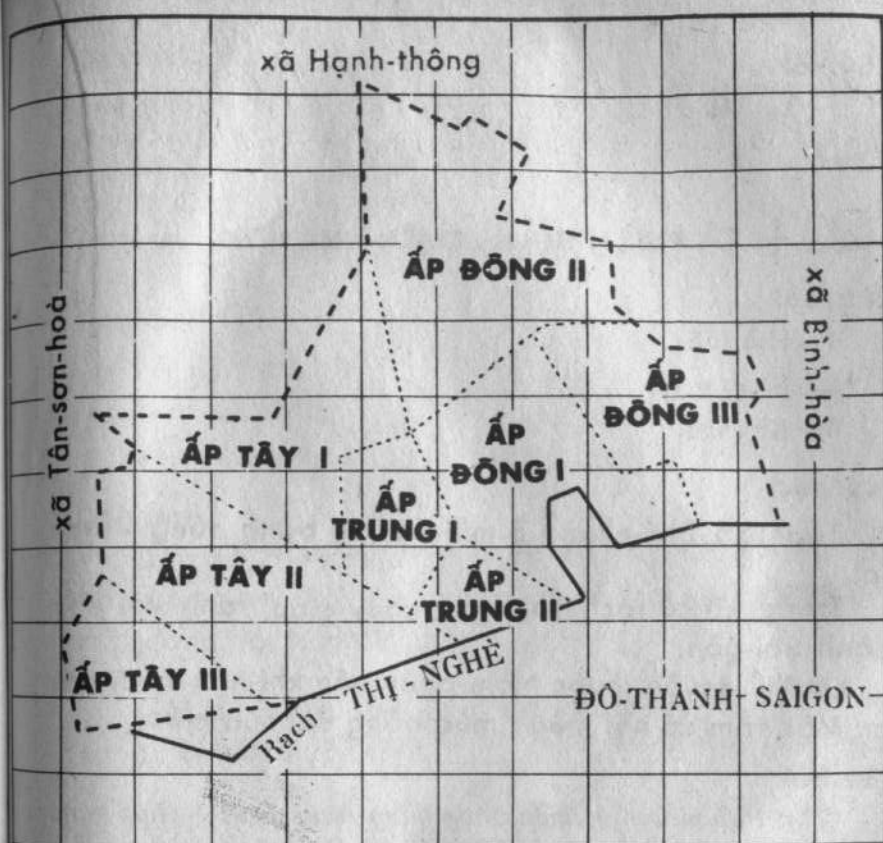
Câu hỏi

— Trường em có mấy cổng? — Mấy dãy nhà? — Có mấy nhà kho? — Văn-phòng ông Hiệu-trưởng đặt ở đâu? — Bao quanh trường có gì?

BẢN ĐỒ TRƯỜNG HỌC



BẢN ĐỒ XÃ PHÚ-NHUẬN



20 - XÃ PHÚ-NHUẬN : THIÊN-NHIÊN

Dàn bài

- 1— Vị-trí.
- 2— Giới hạn.
- 3— Diện-tích.

Bài học

Xã Phú-nhuận nằm trong quận Tân-bình, thuộc tỉnh Gia-định.

Phú-nhuận bắc giáp xã Hạnh-thông; đông giáp xã Bình-hòa nam giáp đô-thành Sài-gòn; tây giáp xã Tân-sơn-hoà.

Diện-tích xã Phú-nhuận rộng gần 5 cây số vuông.

Câu hỏi

— Xã Phú-nhuận ở đâu ? — Xã Phú-nhuận tiếp giáp những đâu ? — Diện-tích xã Phú-nhuận chừng mấy cây số vuông ?

21 — XÃ PHÚ-NHUẬN : THIÊN-NHIÊN (tiếp theo)**Dàn bài**

4 — Địa thế.

5 — Sông ngòi.

6 — Khí-hậu.

Bài học

Toàn xã Phú-nhuận ở miền đồng bằng sông Đồng Nai.

Trong xã có rạch Thị-nghè chảy giáp ranh với đô-thành Sài-gòn.

Xã Phú-nhuận thuộc Nam-phần nên khí-hậu nóng và ẩm. Một năm có hai mùa : mùa nắng và mùa mưa.

Câu hỏi

— Xã Phú-nhuận ở miền đồng bằng sông nào ? — Giáp ranh với đô-thành có rạch gì ? — Khí-hậu xã Phú-nhuận thế nào ?

22 — XÃ PHÚ - NHUẬN : NHÂN - VĂN

1 — Dân-số — Tôn-giáo.

2 — Tổ-chức hành-chánh.

Bài học

Xã Phú-nhuận có hơn 160.000 người. Dân chúng trong xã theo đạo Phật, Thiên-chúa, Cao-đài, Phật-giáo Hòa-hảo v.v..

Xã Phú-nhuận gồm 8 ấp. Đứng đầu có ông xã trưởng. Phụ giúp xã-trưởng có hội đồng Nhân-dân xã. Văn-phòng xã đặt tại đại-lộ Võ-di-Nguy.

Câu hỏi

— Xã Phú-nhuận có bao nhiêu người? — Dân chúng trong xã theo những đạo gì? — Xã Phú-nhuận có mấy ấp? — Đường đầu xã có ai? — Phụ giúp xã trưởng có gì? — Văn-phòng xã đặt tại đâu?

23 - XÃ PHÚ-NHUẬN : KINH-TẾ**Dàn bài**

- 1— Kỹ-nghệ.
- 2— Giao-thông.
- 3— Thương-mại.

Bài học

Dân xã Phú-nhuận phần nhiều hoạt động về kỹ-nghệ và buôn-bán. Rải rác trong xã có trại cưa, xưởng dệt, ráp đồng hồ, làm đồ nhôm.

Các đường giao-thông trong xã đều tráng nhựa nên sự đi lại rất thuận-tiện.

Việc thương-mại trong xã rất phồn-thịnh. Chợ Phú-nhuận suốt ngày đông người mua bán.

Câu hỏi

— Dân xã Phú-nhuận phần đông làm nghề gì? — Rải rác trong xã có những nhà máy nào? — Tại sao đường giao-thông trong xã đi lại thuận tiện? — Việc buôn-bán trong xã ra sao? — Chợ Phú-nhuận suốt ngày thế nào?

24 - QUẬN TÂN-BÌNH : THIÊN NHIÊN**Dàn bài**

- 1— Vị-trí.
- 2— Giới-hạn.
- 3— Diện-tích.

Bài học

Quận Tân-bình nằm trong tỉnh Gia-định.

Tân-bình bắc giáp Hóc-môn, Gò-vấp. Đông giáp Thủ-đức, đô-thành Sài-gòn. Nam giáp Bình-chánh, Tây giáp tỉnh Long-an.

Diện-tích quận Tân-bình chừng 100 cây số vuông.

Câu hỏi

— Quận Tân-bình nằm trong tỉnh nào ? — Quận Tân-bình tiếp giáp những đâu ? — Diện-tích quận chừng bao nhiêu cây số vuông ?



25 - QUẬN TÂN-BÌNH : THIÊN-NHIÊN (tiếp theo)

Dàn bài

4— Đ'a-thế.

5— Sông-ngòi.

6— Khí-hậu.

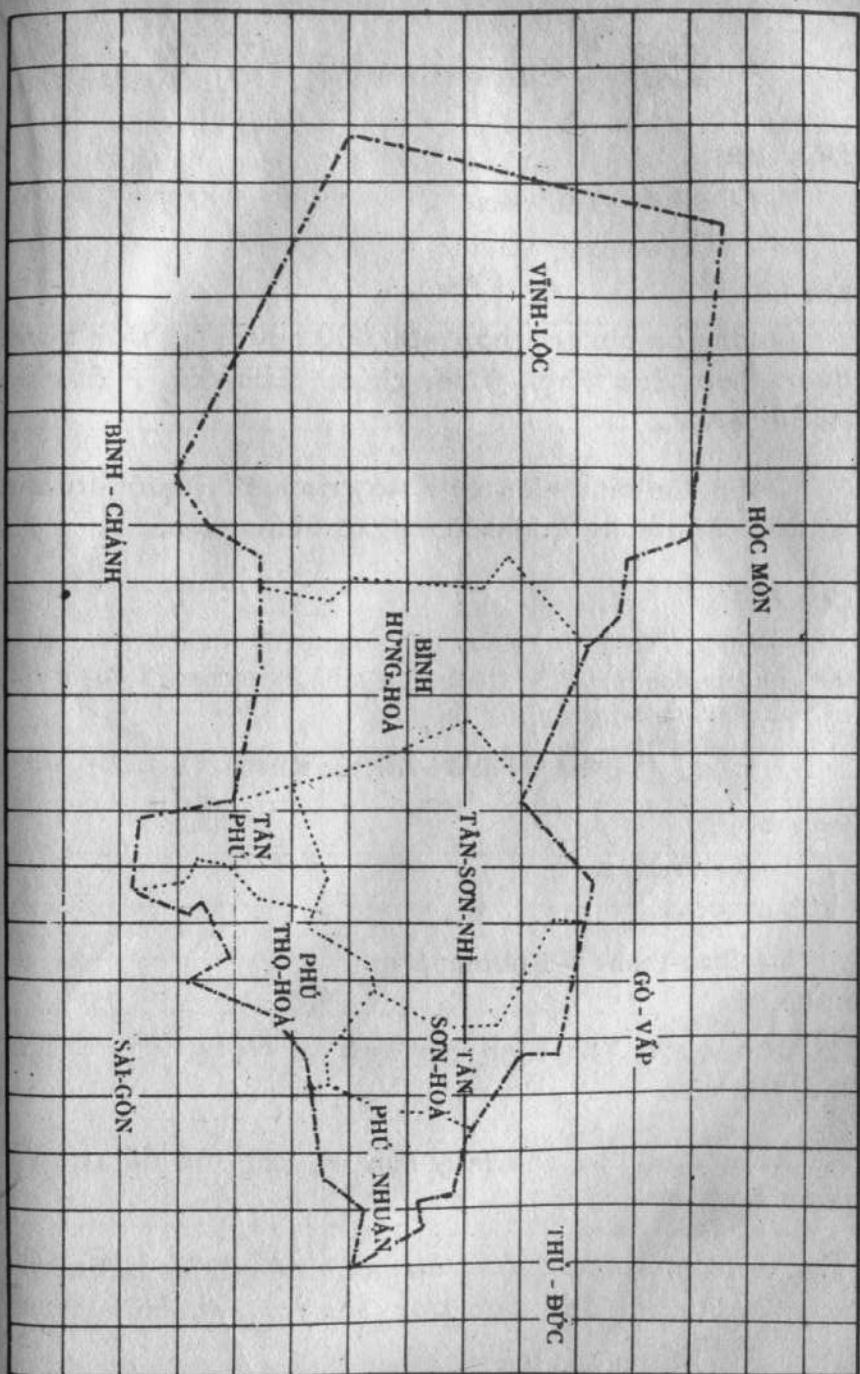
Bài học

Quận Tân-bình thuộc miền đồng-bằng sông Đồng-nai. Trong quận có rạch Thị-nghe.

Quận Tân-bình thuộc Nam-phần nên có khí - hậu nóng và ẩm. Một năm có hai mùa : mùa nắng và mùa mưa.

Câu hỏi

— Quận Tân-bình thuộc miền đồng bằng sông nào ? — Trong quận có rạch gì ? — Khí hậu quận Tân-bình ra sao ?



26 - QUẬN TÂN-BÌNH : N VĂN

Dàn bài

- 1— Dân-số — Tôn-giáo.
- 2— Tổ-chức hành-chánh.

Bài học

Quận Tân-bình có hơn 400.000 người (1). Dân trong quận theo đạo Phật, Thiên-chúa, Cao-đài, Phật-giáo Hoà-hảo v.v...

Quận Tân-bình hiện có 7 xã; do một vị quận-trưởng cai-trị. Văn-phòng quận đặt tại xã Phú-nhuận.

Câu hỏi

— Quận Tân-bình có bao nhiêu người? — Dân trong quận theo những đạo nào? — Quận Tân-bình có mấy xã? do ai cai-trị? — Văn-phòng quận đặt tại đâu?

27 - QUẬN TÂN-BÌNH : KINH TẾ

Dàn bài

- 1— Canh-nông.
- 2— Kỹ-nghệ.
- 3— Giao-thông — Thương-mại.

Bài học

Dân quận Tân-bình cây bừa ít. Nông-sản có lúa, rau, trái cây.

Trong quận có nhà máy ráp xe, chế-tạo đồ cao-su, làm đồ nhôm v.v...

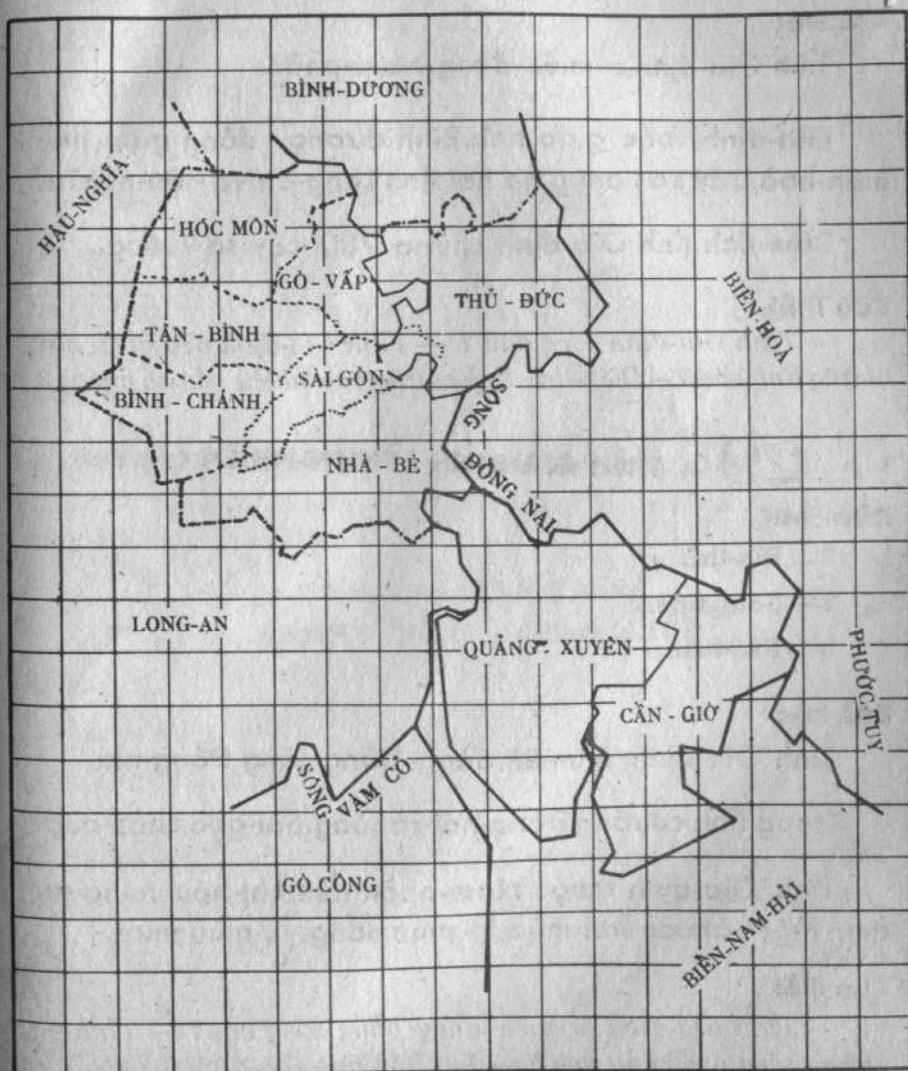
Sự đi lại trong quận rất thuận tiện. Việc buôn bán ngày một phát-đạt. Sân bay Tân-sơn-nhất nằm trong quận Tân-bình.

(1) theo viện thống kê năm 1970.

Câu hỏi

— Quận Tân-bình có những nông sản nào? — Trong quận có những nhà máy gì? — Sự đi lại trong quận ra sao? — Việc luân bán ngày một thế nào? — Trong quận có sân bay nào?

BẢN ĐỒ TỈNH GIA-ĐỊNH



28 — TỈNH GIA-ĐỊNH: THIÊN NHIÊN

Dàn bài

- 1 — Vị-trí.
- 2 — Giới-hạn.
- 3 — Diện-tích.

Bài học

Tỉnh Gia-định ở miền đông Nam-phần.

Gia-định, bắc giáp tỉnh Bình-dương; đông giáp tỉnh Biên-hoà; tây và nam giáp hai tỉnh Long-an và Hậu-ngã.

Diện-tích tỉnh Gia-định chừng 700 cây số vuông.

Câu hỏi

— Tỉnh Gia-định ở về đâu? — Tỉnh Gia-định tiếp giáp với những tỉnh nào? — Diện-tích tỉnh chừng bao nhiêu cây số vuông?

29 — TỈNH GIA-ĐỊNH: THIÊN-NHIÊN (tiếp theo)

Dàn bài

- 1 — Địa-thế.
- 2 — Sông-ngòi.
- 3 — Khí-hậu.

Bài học

Tỉnh Gia-định ở miền đồng bằng sông Đồng-nai.

Trong tỉnh có sông Đồng-nai và sông Sài-gòn chảy qua

Tỉnh Gia-định thuộc Nam-phần nên khí-hậu nóng và ẩm. Một năm có hai mùa là mùa nắng và mùa mưa.

Câu hỏi

— Tỉnh Gia-định ở miền đồng bằng sông nào? — Tỉnh có những sông nào chảy qua? — Khí hậu tỉnh Gia-định thế nào?

30- TỈNH GIA ĐỊNH NHÂN VĂN

Dàn bài

- 1— Dân-số — Tôn-giáo
- 2— Ngoại-kiều.
- 3— Tổ-chức hành-chánh.



Bài học

Tỉnh Gia-định có gần 1.300.000 người. Dân trong tỉnh theo đạo Phật, Thiên-chúa, Cao-đài, Phật-giáo Hoà-hảo.

Ngoại kiều đông nhất là người Trung-hoa.

Ngoài idô - thành Sài-gòn, tỉnh Gia-định còn có tám quận; do một vị tỉnh-trưởng cai-trị. Toà hành-chánh tỉnh đặt tại xã Bình-hoà.

Câu hỏi

— Tỉnh Gia-định có bao nhiêu người? — Dân trong tỉnh theo những đạo nào? — Ngoại kiều có đông nhất là người nước nào? — Tỉnh Gia-định có mấy quận? do ai cai-trị? — Toà hành-chánh tỉnh đặt tại đâu?

31-TỈNH GIA-ĐÌNH KINH-TẾ : CANH-NÔNG — CHĂN-NUÔI

Dàn bài

- 1— Nông-nghiệp.
- 2— Chăn-nuôi.

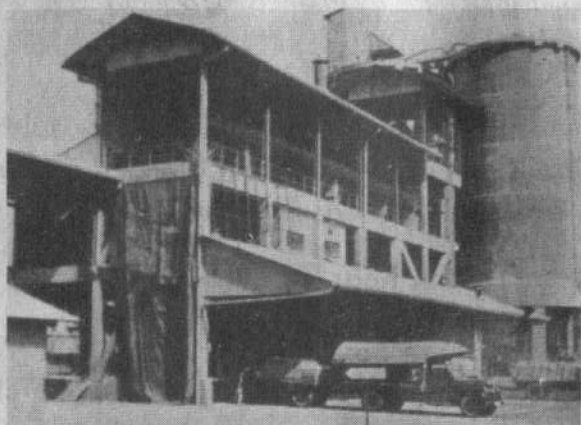
Bài học

Nền nông-nghiệp tỉnh Gia-định khá phát-triển. Ngoài nông-sản chính là lúa, dân chúng còn trồng khoai, bắp, mía, cao su, thuốc lá, trái cây v.v...

Nghề chăn nuôi cũng được phát-đạt. Trong tỉnh có nhiều trại nuôi heo, gà...

Câu hỏi

— Nền nông-nghiệp tỉnh Gia-định thế nào? — Ngoài lúa, dân chúng còn trồng được những gì? — Nghề chăn nuôi trong tỉnh ra sao? — Trong tỉnh có những trại nuôi gì?



Nhà máy xi măng ở Thủ-đức.

32— TỈNH GIA-ĐỊNH KINH-TẾ : KỸ-NGHỆ

Dàn bài

- 1— Tình hình chung.
- 2— Các nhà máy.

Bài học

Nền kỹ-nghệ tỉnh Gia-định rất phát-triển. Rải-rác trong tỉnh có nhiều nhà máy sản-xuất đủ loại đồ dùng.

Các nhà máy lớn trong tỉnh là nhà máy xi-măng, máy dệt, máy điện, xưởng lọc dầu v.v...

Câu hỏi

— Nền kỹ-nghệ tỉnh Gia-định thế nào? — Rải-rác trong tỉnh có nhiều nhà máy sản-xuất những gì? — Kể các nhà máy lớn trong tỉnh Gia-định.



Phân lực cơ lớn-nhất thế giới 747

hạ cánh tại sân bay Tân-sơn-Nhất

33- TỈNH GIA-ĐỊNH KINH-TẾ GIAO THÔNG

Dàn bài

- 1— Các phương-tiện.
- 2— Những đường giao-thông quan-trọng

Bài học

Sự đi lại trong tỉnh Gia-định rất thuận-tiện vì có đủ đường thủy, bộ và hàng-không.

Từ Gia-định có đường đi khắp mọi nơi trong nước. Quốc lộ số 1 và đường xe lửa xuyên-Việt là hai đường quan-trọng đi qua tỉnh. Tân-cảng, xa-lộ Sài-gòn, Biên-hoà và sân bay Tân-sơn-nhất đều nằm trong tỉnh Gia-định.

Câu hỏi

— Vì đâu, sự đi lại trong tỉnh Gia-định rất thuận tiện ? —
 Từ Gia-định có đường đi những đâu ? — Hai đường quan-trọng nào đi qua tỉnh ? — Trong tỉnh có cảng nào ? xa-lộ nào ? sân bay nào ?

34- TỈNH GIA-ĐỊNH KINH-TẾ THƯƠNG-MẠI

Dàn bài

- 1— Việc buôn bán trong tỉnh
- 2— Các chợ

Bài học

Tỉnh Gia-định ở sát đô-thành Sài-gòn, lại nằm giữa các trục giao-thông nên việc buôn bán trong tỉnh rất phồn-thịnh.

Trong tỉnh có nhiều chợ bán đủ loại hàng hoá. Các chợ Bà-Chiều, Phú-nhuận, Thủ-đức, Hóc-môn là những chợ lớn của tỉnh.

Câu hỏi

— Nhờ đâu việc buôn bán trong tỉnh Gia định rất phồn-thịnh? — Trong các chợ có bán những gì? — Kể tên những chợ lớn trong tỉnh Gia định?

**35 - PHƯỜNG CƯ XÁ ĐÔ-THÀNH : THIÊN-NHIÊN****Dan bài**

1— Vị trí.

2— Giới-hạn.

3— Diện-tích.

Bài học

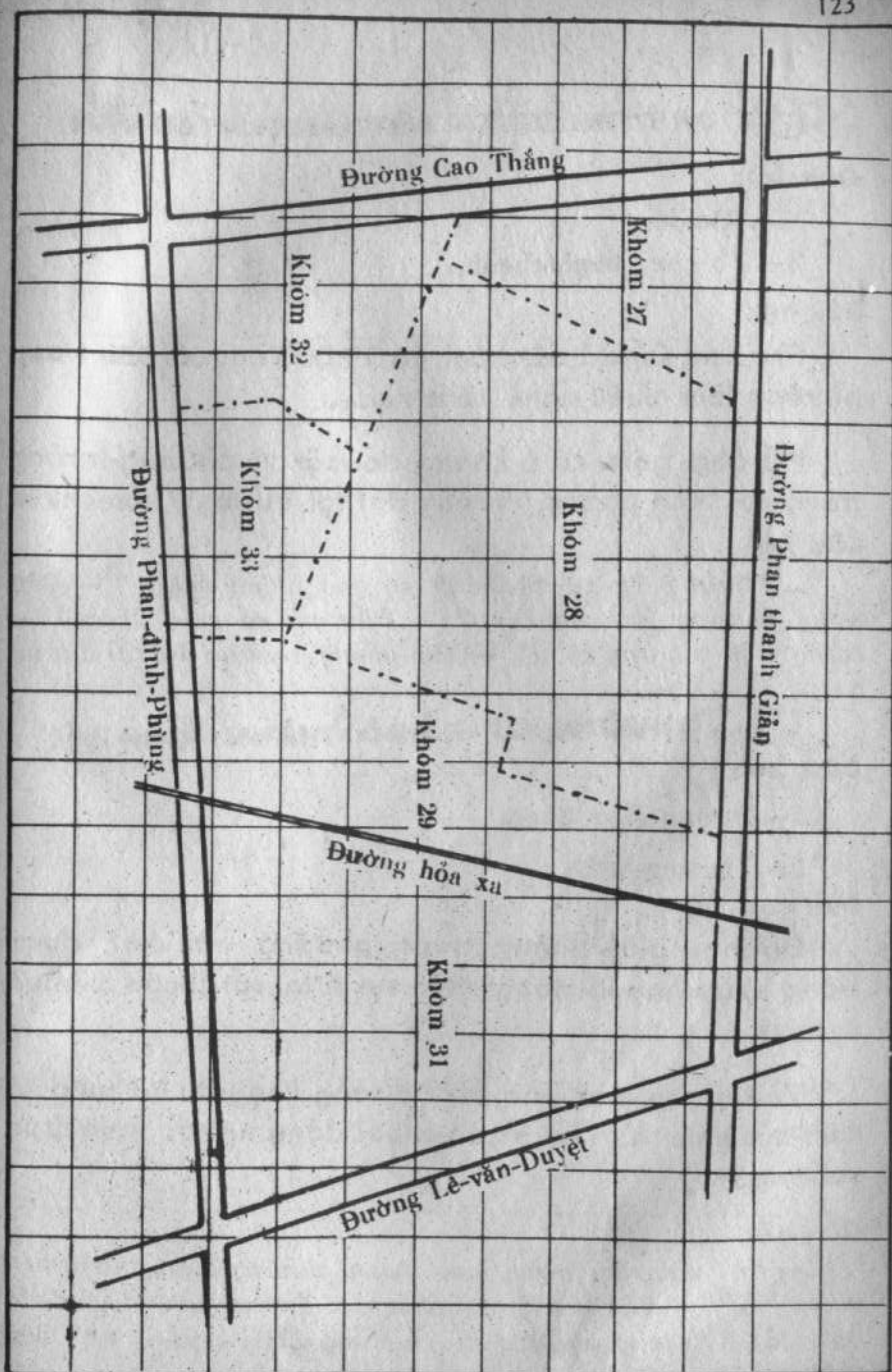
Phường Cư-xá đô-thành nằm giữa quận Ba.

Phường Cư-xá đô-thành bắc giáp đường Phan-thanh-Giản; đông giáp đường Lê-văn-Duyệt; nam giáp đường Phan-đình-Phùng; tây giáp đường Cao-thắng.

Diện-tích phường chừng 300.000 mét vuông.

Câu hỏi

— Phường Cư-xá đô-thành nằm giữa quận nào? — Phường Cư-xá đô-thành tiếp giáp với những đường nào? — Diện-tích phường bao nhiêu mét vuông?



36- PHƯỜNG CƯ-XÁ ĐÔ-THÀNH: NHÂN-VĂN

Dàn bài

- 1— Dân-số.
- 2— Tổ chức hành-chánh.

Bài học

Phường Cư-xá đô-thành có 29.000 người. Dân trong phường làm nhiều nghề khác nhau.

Phường gồm có 6 khóm; do một vị phường-trưởng trông coi. Văn phòng phường đặt tại đường Vườn-chuối.

Câu hỏi

— Phường Cư-xá đô-thành có bao nhiêu người? — Dân trong phường làm nghề gì? — Phường có mấy khóm? — Đường đầu phường có ai? — Văn phòng phường đặt tại đường nào?

37- PHƯỜNG CƯ-XÁ ĐÔ-THÀNH: KINH-TẾ

Dàn bài

- 1— Đường giao-thông.
- 2— Thương-mại.

Bài học

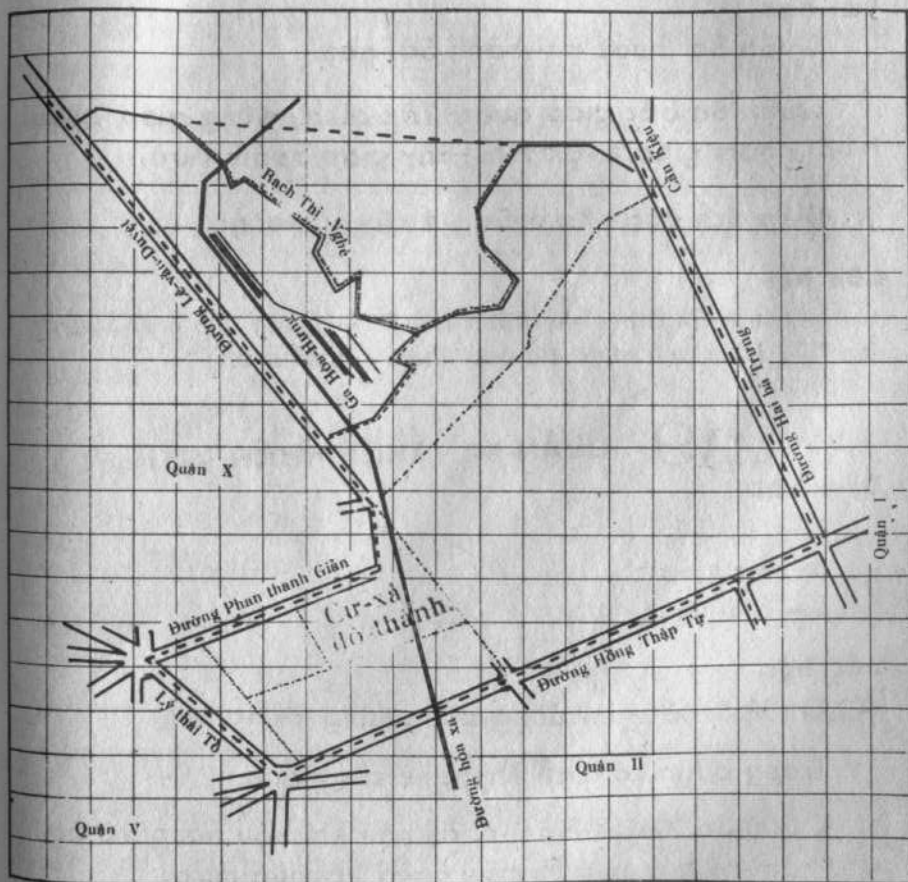
Đường - giao thông trong phường hầu hết được tráng nhựa hay xi-măng. Nên sự đi lại rất thuận tiện và sạch-sẽ.

Về thương-mại phía mặt đường Phan-dinh-Phùng là sầm-uất hơn cả. Chợ Vườn-chuối đông người mua bán suốt ngày.

Câu hỏi

— Nhờ đâu các đường giao thông phường được thuận tiện và sạch sẽ? — Về thương mại phía mặt đường nào là sầm uất hơn cả? — Trong phường có chợ nào đông người mua bán suốt ngày?

BẢN ĐỒ QUÂN BA



38— QUẬN BA : THIÊN - NHIÊN

Dàn bài :

- 1— Vị-trí.
- 2— Giới-hạn.
- 3— Diện-tích.

Bài học

Quận Ba thuộc đô-thành Sài-gòn.

Quận Ba bắc giáp quận Tân-bình ; đông giáp quận Nhất ; nam giáp quận Nhì ; tây giáp quận Mười.

Diện tích quận Ba chừng 4 cây số vuông.

Câu hỏi

— Quận Ba thuộc đô-thành nào ? — Quận tiếp giáp như thế nào ? — Diện tích quận Ba bao nhiêu cây số vuông ?

39- QUẬN-BA · THIÊN-NHIÊN (tiếp theo)

Dàn bài

- 4— Địa-thế.
- 5— Sông-ngòi.
- 6— Khí-hậu.

Bài học

Quận Ba ở miền đồng bằng sông Đồng-nai.

Trong quận có rạch Thị-nghè chảy qua.

Quận-Ba thuộc Nam-phần nên khí hậu nóng và ẩm. Một năm có hai mùa là mùa nắng và mùa mưa.

Câu hỏi

— Quận Ba ở miền đồng bằng sông nào ? — Trong quận có rạch nào chảy qua ? — Khí hậu quận Ba thế nào ? — Một năm có những mùa nào ?

40- QUẬN BA : NHÂN VĂN

Dàn bài

- 1— Dân-số.
- 2— Tổ chức hành-chánh.

Bài học

Quận Ba có hơn 250.000 người sinh-hoạt nhiều nghề khác nhau. Ngoại kiều có người Trung-hoa là nhiều hơn cả

Quận Ba gồm 8 phường; đứng đầu có quận-trưởng. Toà hành-chánh quận đặt tại đường Phan-thanh-Giản.

Câu hỏi

— Dân số quận Ba có bao nhiêu ? — Dân trong quận sinh-hoạt thế nào ? — Quận Ba gồm mấy phường ? — Đứng đầu quận có ai ? — Toà hành-chánh quận Ba đặt tại đường nào ?

41- QUẬN BA : KINH-TẾ

Dàn bài

- 1— Giao-thông.
- 2— Thương-mại.

Bài học

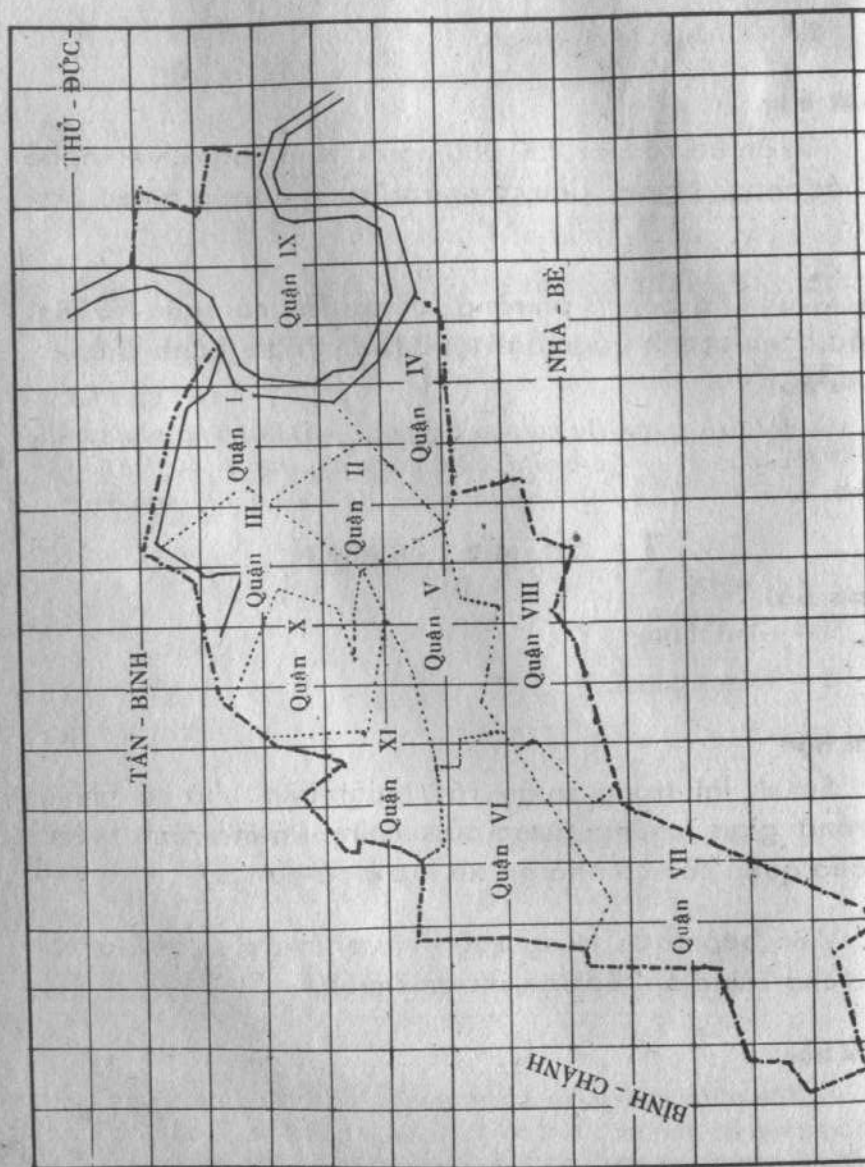
Sự đi lại trong quận rất thuận-tiện nhờ có nhiều đường giao - thông được sửa chữa và mở rộng thêm. Trong quận còn có nhà ga xe lửa Hoà-hưng.

Việc buôn bán trong quận rất phát-đạt; nhất là tại các chợ Tân-định, Bàn-cờ, Vườn-chuối.

Câu hỏi

— Nhờ đâu sự đi lại trong quận Ba được thuận tiện ? — Trong quận có nhà ga nào ? — Việc buôn bán trong quận ra sao ? — Quận có những chợ nào quan trọng ?

BẢN ĐỒ SAIGON



42. — ĐÔ-THÀNH SÀI-GÒN : THIÊN-NHIÊN

Dàn bài

- 1— Vị-trí.
- 2— Giới-hạn.
- 3— Diện-tích.

Bài học

Đô-thành Sài-gòn ở giữa tỉnh Gia-định.

Sài-gòn bắc giáp quận Tân-bình, Gò-vấp. Đông giáp Thủ-đức và Nhà-bè. Tây và Nam giáp quận Bình-chánh.

Diện-tích đô-thành Sài-gòn chừng 75 cây số vuông (1)

Câu hỏi

— Đô-thành Sài-gòn nằm giữa tỉnh nào? — Đô-thành Sài-gòn tiếp giáp những đâu? — Diện-tích Sài-gòn chừng bao nhiêu cây số vuông?

43. — ĐÔ-THÀNH SÀI-GÒN THIÊN-NHIÊN (tiếp theo)

Dàn bài

- 1— Địa-thể.
- 2— Sông-ngòi.
- 3— Khí-hậu.

Bài học

Đô-thành Sài-gòn thuộc miền đồng bằng sông Đồng-nai.

Trong đô-thành có các sông Sài-gòn, sông Thị-nghè, sông Cầu-ông-Lãnh và các kinh Đới, kinh Tẻ, kinh Lò gổm...

Khí-hậu Sài-gòn nóng và ẩm. Một năm có hai mùa là mùa nắng và mùa mưa.

(1) Theo phòng học đo Toà đ- chánh thì diện tích đô thành hiện giờ là : 74 km² 441

Câu hỏi

— Đô-thành Sài-gòn thuộc miền đồng bằng sông nào ?
 Trong đô thành có những sông nào ? những kênh nào ? —
 hậu đô thành Sài-gòn ra sao ?

44. — ĐÔ-THÀNH SÀI-GÒN : NHÂN-VĂN**Dàn bài**

- 1— Dân-số — Tôn-giáo.
- 2— Ngoại-kiều.
- 3— Tổ-chức hành-chánh.

Bài học

Dân số đô-thành Sài-gòn có trên 1.700.000 người theo nhiều tôn-giáo khác nhau.

Ngoại kiều nhiều nhất là người Trung-hoa rồi đến Ấn-độ, Pháp, Nhật, Hoa-kỳ, Đức, Anh, Ý, Đại-hàn v.v...

Đô - thành Sài-gòn gồm 11 quận. Mỗi quận có nhiều phường, khóm. Đứng đầu đô-thành là Đô-trưởng.

Câu hỏi

— Dân số đô-thành Sài-gòn có bao nhiêu người ? — Ngoại-kiều có nhiều nhất là người nước nào ? — Ngoài ra còn những người nước nào nữa ? — Đô-thành Sài-gòn gồm mấy quận ? — Mỗi quận chia thành gì ? — Đứng đầu đô-thành Sài-gòn là ai ?

**45. — ĐÔ-THÀNH SÀI-GÒN KINH-TẾ :
KỸ-NGHỆ GIAO-THÔNG.****Dàn bài**

- 1— Kỹ-nghệ.
- 2— Giao-thông.

1) Theo Viện thống kê dân số Sài-gòn năm 1967 có : 1.736.886 người.

Bài học

Nền kỹ-nghệ ở Sài-gòn rất phát-triển. Khắp trong đô-thành có nhiều nhà máy; sản-xuất đủ loại hàng-hoá cho dân chúng trong nước dùng.

Sự đi lại trong đô-thành rất thuận-tiện. Các đường-sá đều được sửa chữa và mở rộng thêm ra. Hàng ngày có tới hàng trăm ngàn xe-cộ đủ các loại lưu-thông. Rải-rác trong đô-thành có nhiều bến xe đò, xe-lam v.v...

Câu hỏi

— Nền kỹ-nghệ ở đô-thành thế nào? — Khắp trong đô-thành có nhiều nhà máy sản-xuất gì? — Sự đi lại trong đô-thành thế nào? — Các đường xá đều được làm gì? — Rải-rác trong đô-thành có nhiều bến xe gì?

46.— ĐÔ-THÀNH SÀI-GÒN KINH-TẾ: THƯƠNG-MẠI**Dàn bài**

1— Việc thương mại.

2— Các chợ lớn.

Bài học

Việc buôn bán ở Đô-thành rất sầm-uất. Tại các khu phố đông dân đều có chợ và các tiệm buôn lớn. Thương-cảng Sài-gòn, Bến bạch-đăng hằng ngày tàu thuyền ngoại quốc ra vào tấp-nập để buôn bán.

Các chợ Bến-thành, chợ Bình-tây, chợ Cầu ông Lãnh là những chợ lớn ở Sài-gòn.

Câu hỏi

— Việc buôn bán ở đô-thành ra sao? — Tại các khu phố đông dân đều có gì? — Hằng ngày tàu thuyền ngoại quốc ra vào tấp nập buôn bán tại bến nào? — Sài-gòn có những chợ nào lớn?



47. — BÀI ÔN

Trả lời những câu hỏi sau đây :

- 1— Tỉnh Gia-định ở miền nào Nam-phần?
- 2— Trong tỉnh có sông lớn nào chảy qua?
- 3— Tỉnh Gia-định có bao nhiêu dân?
- 4— Tỉnh Gia-định chia làm mấy quận?
- 5— Trong tỉnh Gia-định có những trại chăn nuôi gì?
- 6— Diện-tích-đô-thành Sài-gòn chừng bao nhiêu cây số vuông?
- 7— Đứng đầu đô-thành có ai?
- 8— Kể tên những chợ lớn trong đô-thành.

Dàn bài

- 1— Vị-trí.
- 2— Giới-hạn.
- 3— Diện-tích.

Bài học

Nước Việt-nam ở trong vùng Đông-nam Châu Á.

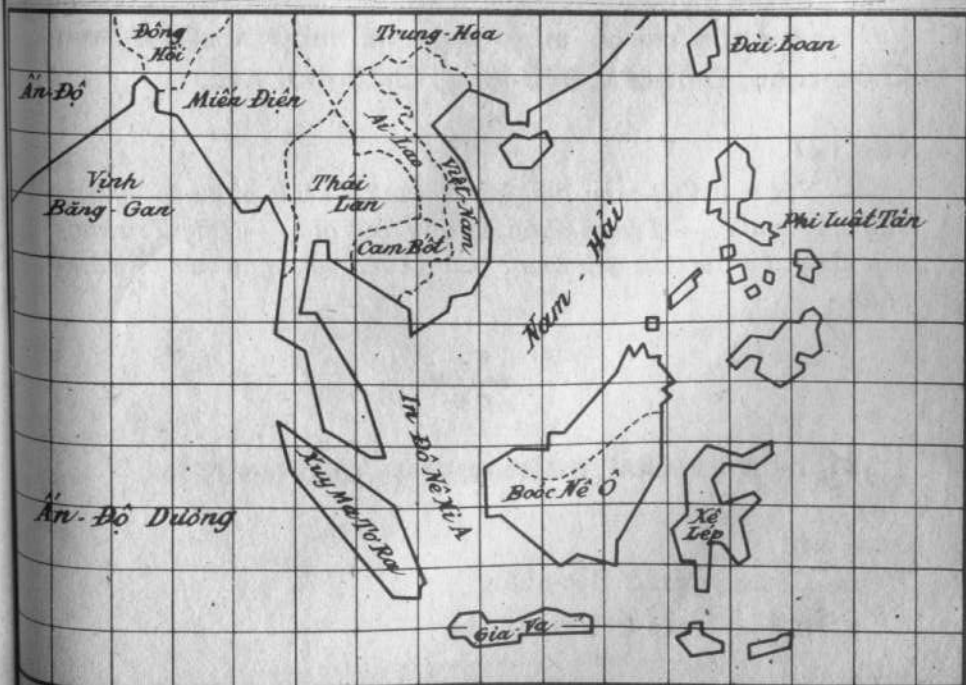
Việt-nam Bắc giáp Trung-hoa; Đông và Nam giáp biển Nam-hải; Tây giáp Ai-lao và Cam-bốt.

Diện-tích Việt-nam chừng 326.000 cây số vuông.

Câu hỏi

— Việt-nam ở trong vùng nào Châu Á? — Việt-nam tiếp giáp những đâu? — Diện tích Việt-nam chừng bao nhiêu cây số vuông?

VIỆT - NAM trong vùng Đông-Nam-Á



49. — VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN : NÚI

Dàn bài

- 1— Việt-nam có nhiều núi.
- 2— Các dãy núi.

Bài học

Việt-nam có nhiều núi, hầu hết đều ở Bắc-phần và Trung-phần.

Bắc-phần có các dãy núi Nhị-Đà, sông Gầm, Ngân-sơn, Bắc-sơn và Đông-triều.

Trung-phần có dãy Trường-sơn chạy dài từ Bắc xuống Nam.

Nam-phần chỉ có mấy ngọn núi thấp như Bà-Đen, Chứa-chan, Thất-sơn, Bửu-long, Châu-thới v.v...

Câu hỏi

— Núi non Việt-nam hầu hết ở đâu? — Bắc-phần có những dãy núi nào? — Trung-phần có dãy núi gì? — Dãy Trường-sơn chạy dài từ đâu đến đâu? — Kể tên vài ngọn núi ở Nam-phần.



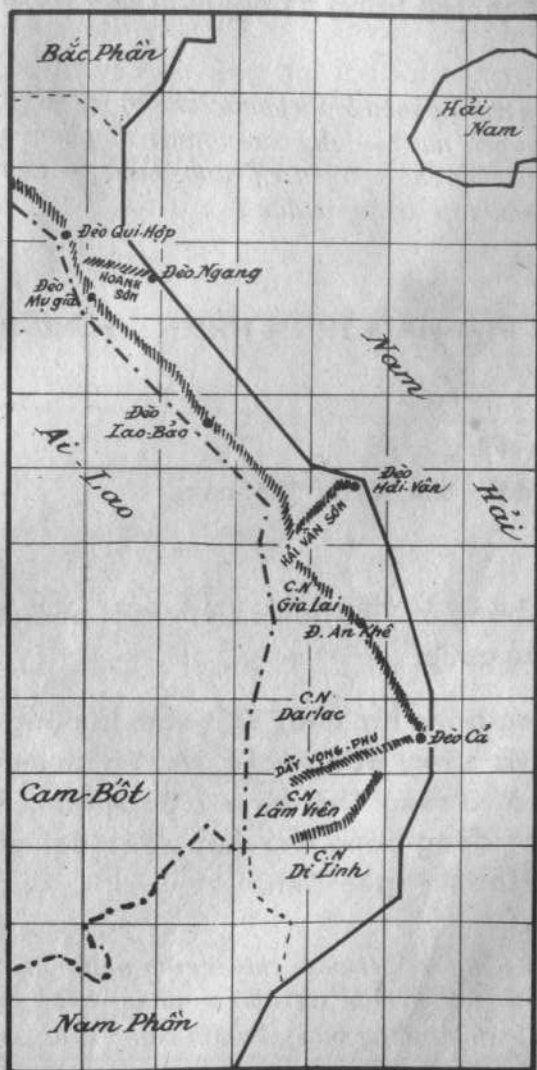
50. — VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN : CAO-NGUYÊN

Dàn bài

- 1— Cao-nguyên ở Bắc-phần.
- 2— Cao-nguyên ở Trung-phần.

TRUNG - PHẦN

Núi và Cao-nguyên



Bài học

Ở Bắc-phần và Trung-phần Việt-nam có nhiều cao nguyên. Bắc-phần có hai cao nguyên Sơn-la và Mộc-chà nằm giữa hai sông Đà và sông Mã.

Trung-phần có bốn cao nguyên Gia-lai, Đắc-lắc Lâm-viên và Di-linh, tập trung ở phía nam dãy Trường-sơn.

Câu hỏi

— Những cao nguyên ở Việt-nam chỉ có ở đâu? — Bắc-phần có hai cao nguyên nào? — Hai cao nguyên này nằm giữa hai sông nào? — Kể tên các cao nguyên ở Trung-phần. — Các cao nguyên ở Trung phần tập trung ở đâu?

51. — VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN : ĐỒNG-BẰNG**Dàn bài**

1— Diện-tích.

2— Các đồng-bằng lớn ở Việt-nam.

Bài học

Đồng - bằng ở Việt-nam chiếm một phần tư diện-tích đất đai toàn quốc.

Hai đồng-bằng lớn nhất Việt-nam là đồng bằng sông Cửu-long và sông Đồng-nai ở Nam-phần; đồng - bằng sông Nhị-hà và sông Thái-bình ở Bắc-phần. Trung-phần chỉ có những đồng-bằng nhỏ hẹp, đất đai cằn cỗi, đồng bằng Thanh-Nghệ-Tĩnh.

Câu hỏi

— Đồng bằng ở Việt-nam chiếm mấy phần diện-tích đất toàn quốc? — Ở Việt-nam có những đồng bằng lớn nào? — Trung-phần, ngoài đồng bằng Thanh-Nghệ-Tĩnh, các đồng bằng khác đều thế nào?

Dàn bài

1—Việt-nam có nhiều sông.

2- Các sông ở ba Phần.

Bãi học

Nước Việt-nam ta có nhiều sông-ngòi.

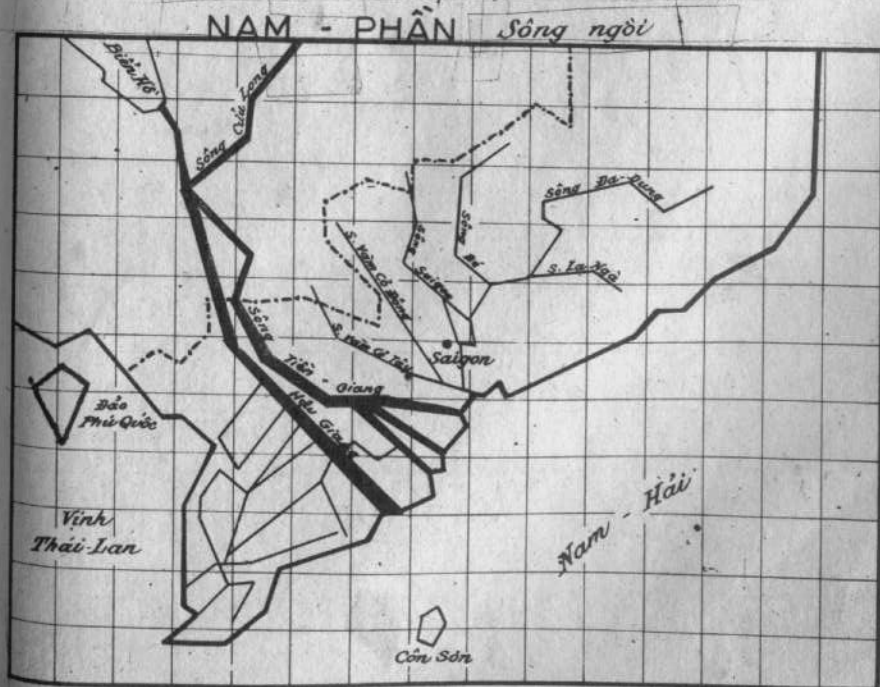
Bắc-phần có hai sông lớn là Nhi-hà và Thái-bình.

Sông Cửu-long và Đồng-nai là hai sông quan-trọng nhất ở Nam-phần.

Các sông ngòi ở Trung-phần đều ngắn trừ sông Cả và sông Mã.

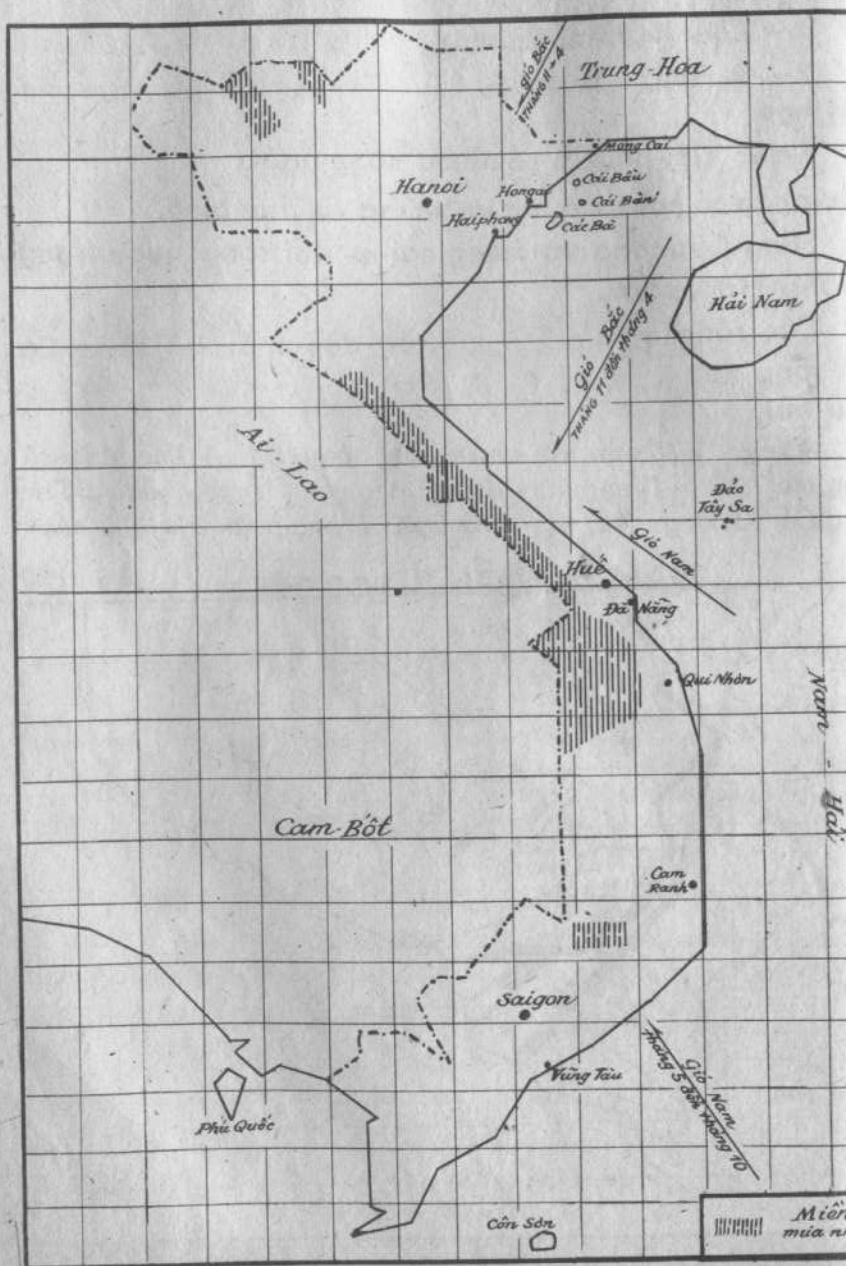
Câu hỏi

—Nước Việt-nam có nhiều sông hay ít? — Bắc-phần có sông nào lớn? — Nam-phần có sông nào quan trọng nhất? — Trừ sông Cả và sông Mã, các sông-ngòi Trung-phần đều thế nào?



VIỆT - NAM

Biên - Bồ biên - Khí hậu



53. — VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN : KHÍ-HẬU**Dàn bài**

- 1— Khí-hậu Việt-nam.
- 2— Khí-hậu từng miền.
- 3— Mùa gió ở Việt-nam.

Bài học

Khí-hậu Việt-nam nóng và ẩm. Miền Nam nóng hơn miền Bắc vì ở gần xích-đạo.

Miền Bắc có hai mùa nóng và lạnh. Miền Nam nóng quanh năm có mùa mưa và mùa nắng.

Việt-nam có hai mùa gió. Gió Bắc lạnh, ít mưa. Gió Nam mát, mưa nhiều.

Câu hỏi

— Khí-hậu Việt-nam thế nào? — Vì sao miền Nam nóng hơn miền Bắc? — Miền Bắc có những mùa nào? — Miền Nam có những mùa nào? — Việt-nam có mấy mùa gió? — Gió Bắc thế nào? — Gió Nam ra sao?

54. — VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN : BIỂN VÀ BỜ BIỂN**Dàn bài**

- 1— Biển.
- 2— Bờ biển.
- 3— Ích lợi.

Bài học

Phía Đông và Nam nước ta giáp biển Nam-hải.

Bờ biển Việt-nam hình cong như chữ S. Dài hơn hai ngàn cây số; chia thành từng đoạn; đoạn thì lồi lõm, đoạn thì bằng phẳng.

Biển cho ta cá, tôm, muối... Biển còn giúp tàu thuyền đi lại dễ dàng và điều hoà khí-hậu các vùng ven biển.

Câu hỏi

— Phía Đông và Nam nước ta giáp biển nào ? — Bờ biển Việt-nam giống hình chữ gì ? dài bao nhiêu cây số ? — Biển cho ta gì ? — Biển còn giúp ích gì cho ta ?

55. — VIỆT-NAM NHÂN-VĂN : NGƯỜI VIỆT**Dàn bài**

- 1— Dân-số.
- 2— Sinh-hoạt.
- 3— Tôn-giáo.

Bài học

Dân số Việt-nam trên 30 triệu người. Việt-nam Cộng-hoà có hơn 17 triệu (1).

Người Việt-nam phần nhiều sống về nghề làm ruộng và chài lưới.

Người Việt theo các đạo Phật, Thiên-chúa, Cao-đài, Phật-giáo Hoà-hảo v.v...

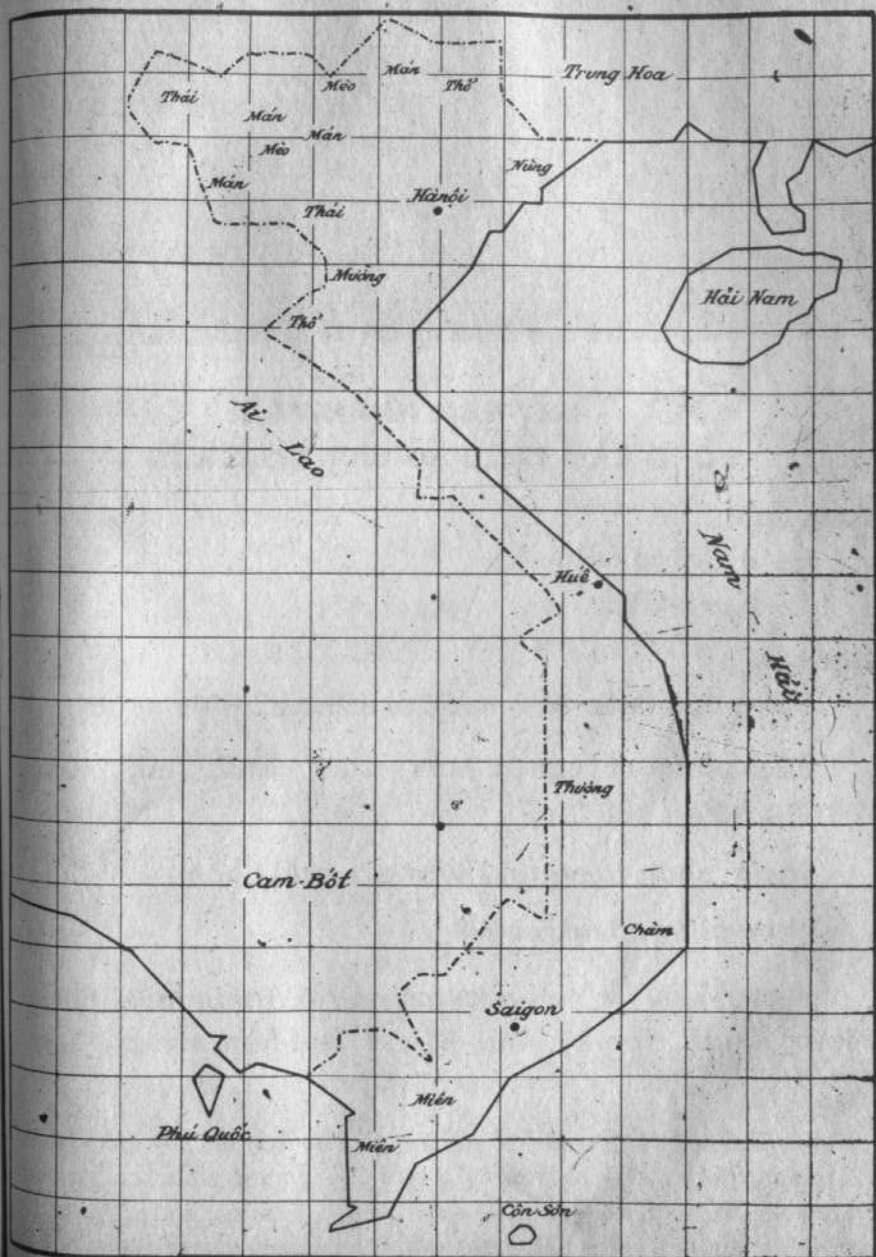
Câu hỏi

— Dân số Việt-nam có bao nhiêu người ? — Việt-nam Cộng-hoà có mấy triệu ? — Người Việt-nam phần nhiều sống về nghề gì ? — Người Việt theo các đạo nào ?

(1) Theo Viện thống kê dân số V.N.C.H. năm 1970 có 17.333.880 người.

VIỆT - NAM NHÂN - VẤN

Các sắc-dân thiểu-số





56. — VIỆT-NAM NHÂN-VĂN : ĐỒNG-BÀO THIẾU SỐ VÀ NGOẠI-KIỀU

Dân bài

- 1— Đồng-bào thiếu-số.
- 2— Ngoại-kiều.

Bài học

Đồng-bào thiếu-số ở nước ta có hơn 2 triệu người.

Bắc - phần có người Mán, Mèo, Thái, Thổ, Nùng, Mường v.v...

Trung phần có người Thượng, người Chăm.

Nam-phần có người Miên.

Ngoại-kiều ở Việt-nam có người Trung-hoa, Nhật, Ấn-độ, Hoa-kỳ, Anh, Đức, Ý, Đại-hàn. v.v. ...

Câu hỏi

— Đồng bào thiếu số ở Việt-nam có bao nhiêu ? — Bắc-phần có những giống người thiếu-số nào ? — Trung-phần có những giống người thiếu số nào ? — Nam-phần có những giống người thiếu số nào ? — Ngoại kiều ở Việt-nam gồm có những người nước nào ?

57. — VIỆT-NAM NHÂN-VÂN : TỔ-CHỨC HÀNH-CHÁNH

Dàn bài

- 1— Sự qua phân đất nước.
- 2— Chính-quyền Quốc-gia.

Bài học

Theo hiệp-định Giơ-neo năm 1954, Việt-nam chia làm hai miền, lấy vĩ-tuyến 17 làm ranh-giới.

Miền Nam theo chính-thề Cộng-hoà. Lãnh-đạo chính-quyền Quốc-gia có Tổng-thống và Chính-phủ. Thủ-đô là Sài-gòn.

Câu hỏi

- Theo hiệp-định Giơ-neo, Việt-nam chia làm mấy miền ?
— Vĩ-tuyến nào được chọn làm ranh-giới hai miền ? — Miền Nam theo chính thề gì ? — Lãnh đạo chính-quyền Quốc-gia có ai ? — Thủ-đô miền Nam là gì ?

58. — VIỆT-NAM NHÂN-VÂN : TỔ-CHỨC HÀNH-CHÁNH (tiếp theo)

Dàn bài

- 1— Số tỉnh và thị-xã.
- 2— Tổ-chức hành-chánh địa-phương.

Bài học

Việt-nam Cộng-hoà hiện có 45 tỉnh, 10 thị-xã (1)

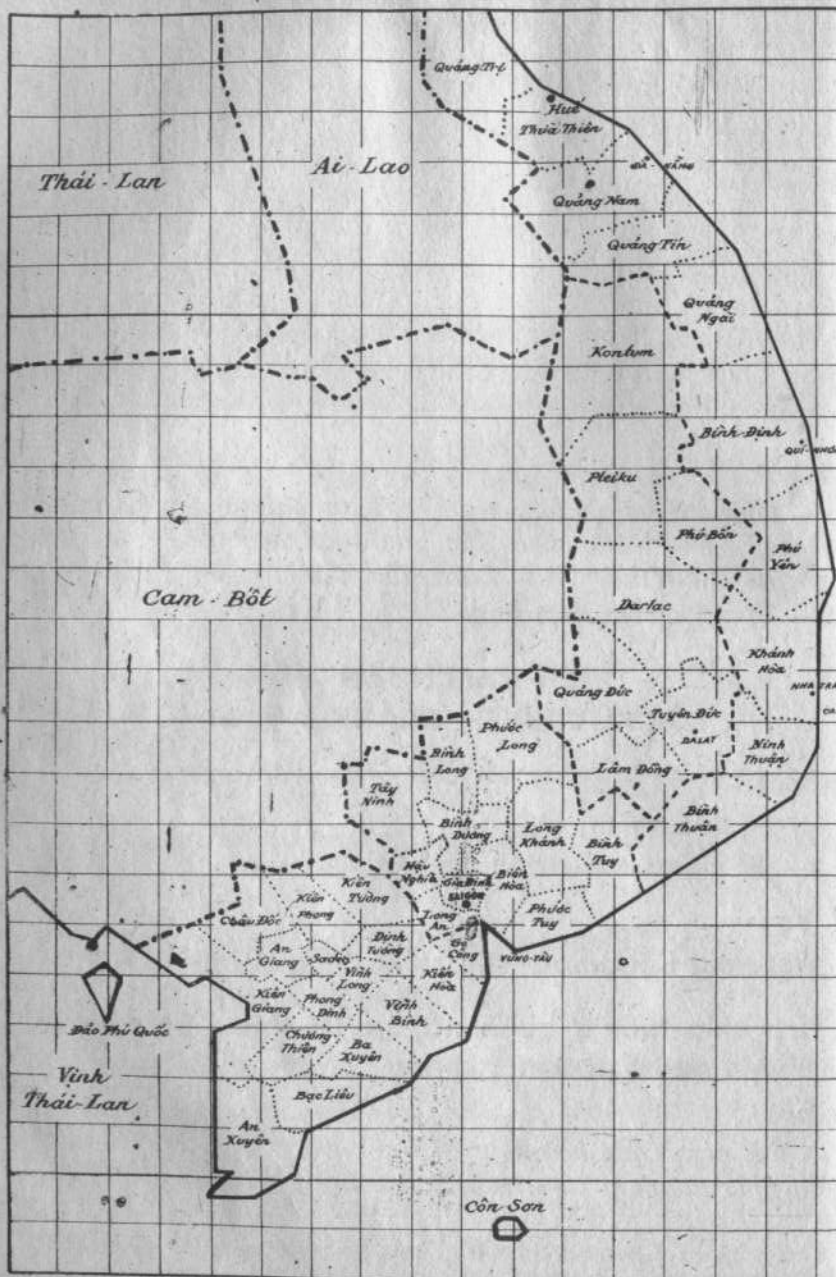
Tỉnh chia thành, quận, xã, ấp. Đô-thành Sài-gòn lại chia thành quận, phường, khóm.

Câu hỏi

- Việt-nam Cộng-hoà hiện có bao nhiêu tỉnh ? mấy thị-xã ?
— Tỉnh chia thành gì ? — Đô-thành Sài-gòn chia thành gì ?

Chú thích (1) theo tài liệu của bộ Nội vụ năm 1971. Việt-nam Cộng-hoà có 10 thị-xã : Huế, Đà-nẵng, Quy-nhon, Nha-trang, Cam-ranh, Đà-lạt, Vũng-tàu, Định-tường, Cần-thơ, và Rạch-giá.

CÁC THÀNH-PHỐ VÀ CÁC TỈNH VIỆT NAM CỘNG HÒA



59.- BÀI ÔN

Trả lời các câu hỏi sau đây :

- 1— Dân-số Việt-nam tất cả 3 miền có bao nhiêu ?
- 2— Việt-nam Cộng-hòa có mấy triệu người ?
- 3— Đồng bào thiểu-số ở Trung-phần có giống người nào ?
- 4— Ngoại kiều ở nước ta có người nước nào ?
- 5— Lãnh đạo chính-quyền quốc-gia có ai ?
- 6— Thủ-đô Việt-nam Cộng-hòa là gì ?
- 7— Việt-nam Cộng-hòa có bao nhiêu tỉnh ?
- 8— Tỉnh chia thành gì ?



60.— VIỆT-NAM KINH-TẾ : NÔNG-NGIỆP

Dàn bài

- 1— Việt-nam là nước nông-nghiệp.
- 2— Nông-sản.

Bài học

Việt-nam là nước chuyên nghề làm ruộng. Số lúa gạo thu được ít vì cách thức trồng-trọt chưa được cải-tiến.

Nông sản chính là lúa. Ngoài ra, ta còn trồng được nhiều loại cây dùng để ăn hoặc dùng trong kỹ-nghệ.

Câu hỏi

— Việt-nam là nước chuyên về nghề gì? — Vì sao số lúa gạo lại thu được ít? — Nông-sản chính của ta là gì? — Ngoài ra ta còn trồng được những loại cây nào?

61.— VIỆT-NAM KINH-TẾ : CHĂN-NUÔI — CHÀI-LƯỚI

Dàn bài

- 1— Chăn-nuôi.
- 2— Chài-lưới.

Bài học

Nghề chăn-nuôi ở nước ta chưa được phát-triển. Tại thôn-quê dân-chúng nuôi gà, vịt, heo, trâu, bò v.v...

Nghề chài-lưới ở nước ta khá phát-đạt. Cá đánh được để ăn tươi, phơi khô, làm nước mắm hoặc đóng hộp.

Câu hỏi

— Nghề chăn-nuôi ở nước ta thế nào? — Tại thôn-quê dân chúng nuôi gì? — Nghề chài - lưới ở nước ta thế nào? — Cá đánh được dùng để làm gì?



62. — VIỆT-NAM KINH-TẾ : LÂM SẢN

Dàn bài

- 1— Việt-nam có nhiều rừng.
- 2— Lâm-sản.

Bài học

Việt-nam khí-hậu nóng, mưa nhiều nên có nhiều rừng.

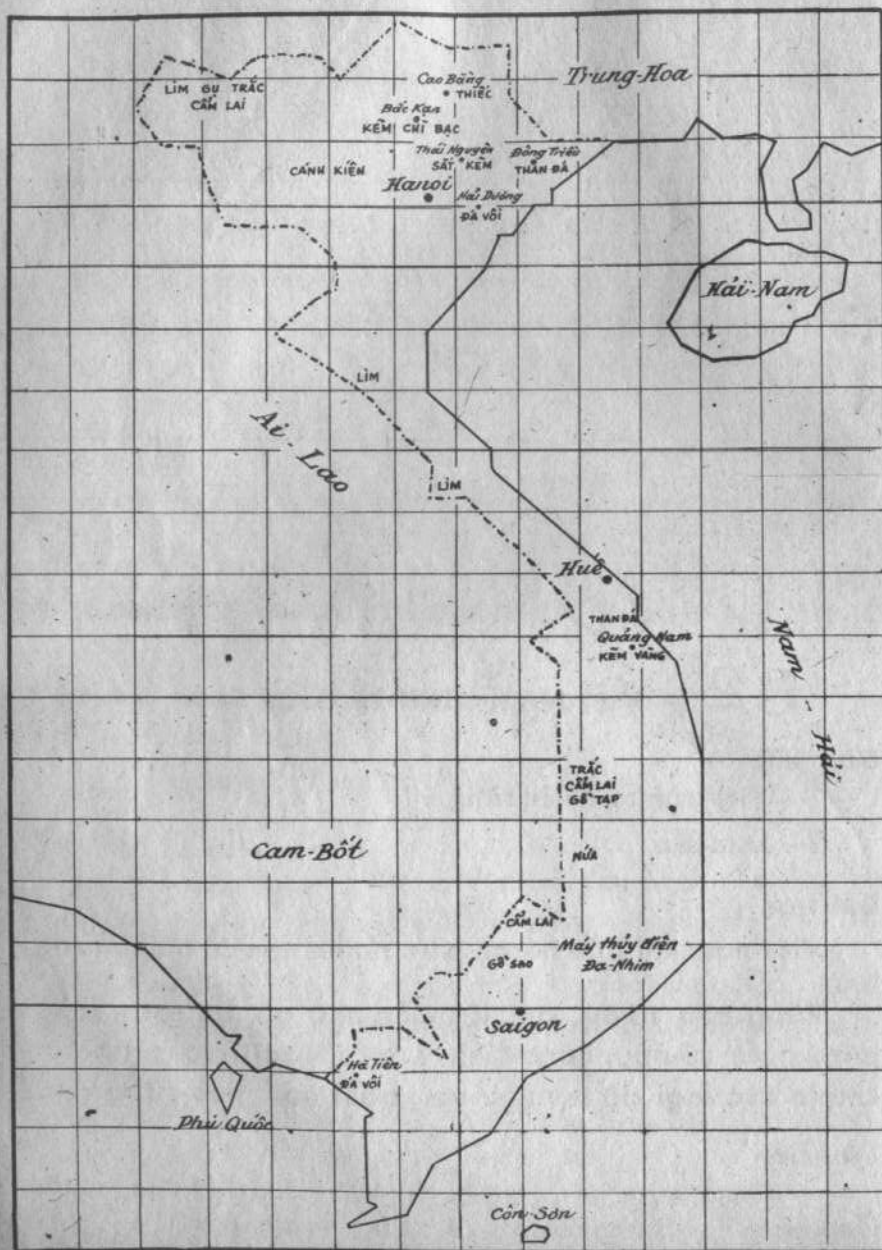
Rừng cho ta đủ loại lâm-sản như gỗ, tre, mía, song, mây, quế, củ-nâu, cánh-kiến v. v. . . Ngoài ra rừng còn cho ta các loại dã thú như voi, báo, nai, heo-rừng v.v...

Câu hỏi

— Vì sao nước ta có nhiều rừng ? — Rừng cho ta những lâm-sản gì ? — Rừng còn cho ta những dã thú-nào ?

VIỆT-NAM KINH-TẾ

Làm sản - Khoáng sản



63. — VIỆT-NAM KINH-TẾ : KHOÁNG-SẢN

Dàn bài

- 1— Bắc-phần có nhiều mỏ.
- 2— Các loại mỏ.

Bài học

Việt-nam có nhiều mỏ, phần lớn đều ở Bắc-phần.

Nước ta có mỏ sắt, kẽm, thiếc, đồng, vàng v.v... Quan trọng hơn cả là mỏ than-đá. Miền ven biển có nhiều ruộng muối. Ở Biên-hoà có đá hoa, Hà-tiên có đá vôi.

Câu hỏi

— Phần lớn các mỏ của Việt-nam đều ở đâu ? — Nước ta có những mỏ gì ? — Quan-trọng nhất là mỏ gì ? — Miền ven biển có nhiều ruộng gì ? — Ở Biên-hoà có đá gì ? — Hà-tiên có đá gì ?

64. — VIỆT-NAM KINH-TẾ : TIÊU-CÔNG-NGHỆ

Dàn bài

- 1— Tiêu công-ngệ cũ.
- 2— Tiêu công-ngệ mới.

Bài học

Nền tiêu công-ngệ ở nước ta rất phát-triển. Tiêu công-ngệ cũ có nghề dệt tơ, lụa, chiếu, đan, thêu, chạm, khảm, làm đồ kim-hoàn v.v...

Tiêu công-ngệ mới có nghề may, đóng giày dép, làm đồ nhôm, đồ nhựa, cao-su, sửa chữa các loại máy móc.

Câu hỏi

— Nền tiêu công-ngệ ở nước ta thế nào ? — Tiêu công-ngệ cũ có những nghề gì ? — Tiêu công-ngệ mới có những nghề nào ?



65. — VIỆT-NAM KINH-TẾ : KỸ-NGHỆ

Dàn bài

- 1— Tình-hình nền kỹ-nghệ.
- 2— Các nhà máy.

Bài học

Nền kỹ-nghệ Việt-nam đang đà phát-triển mạnh-mẽ. Phần lớn các nhà máy quan-trọng được xây cất tại vùng Biên-hoà.

Nước ta có nhiều nhà máy điện, nước, dệt vải, xay lúa, làm thủy tinh, lọc đường, làm xi-măng, ráp xe, sửa chữa tàu thủy v.v...

Câu hỏi

— Nền kỹ-nghệ Việt-nam thế nào ? — Phần lớn các nhà máy được xây cất ở đâu ? — Việt-nam hiện có những nhà máy gì ?

66. — VIỆT-NAM KINH-TẾ : GIAO-THÔNG

Dàn bài

- 1— Đường bộ.
- 2— Đường thủy.
- 3— Đường hàng-không.



Bài học

Đường giao thông ở nước ta đã được mở-mang rất nhiều. Về đường bộ quan trọng nhất là quốc-lộ số 1 và đường xe lửa xuyên Việt.

Sự đi lại bằng đường thủy ở Bắc-phần, Nam-phần và miền ven biển rất thuận-tiện.

Đường hàng-không mỗi ngày một mở-mang. Tân-sơn-nhat là một phi-trường lớn nhất vùng Đông-nam châu Á.

Câu hỏi

— Đường giao-thông ở nước ta thế nào? — Về đường bộ đáng kể là những đường nào? — Sự đi lại bằng đường thủy ở Bắc-phần, Nam-phần và miền ven biển ra sao? — Đường hàng không ngày một thế nào? — Phi trường lớn nhất ở nước ta là phi-trường nào?

67. — VIỆT-NAM KINH-TẾ : THƯƠNG-MẠI**Dàn bài**

- 1— Việc buôn bán trong nước.
- 2— Việc buôn bán với nước ngoài.

Bài học

Việc buôn bán ở nước ta rất thịnh-vượng. Tại các thành-thị có nhiều chợ, tiệm buôn lớn có bán đủ loại hàng-hóa.

Việc buôn bán với nước ngoài ngày một phát-đạt. Hằng ngày các tàu buôn ngoại quốc ra vào tấp-nập tại các hải cảng Sài-gòn, Đà-nẵng v.v...

Câu hỏi

— Việc buôn bán ở nước ta thế nào? — Ở chợ và các tiệm buôn lớn có bán những gì? — Việc buôn bán với nước ngoài ra sao? — Hằng ngày, các tàu buôn ngoại-quốc ra vào tấp-nập tại các hải-cảng nào?

68. — BÀI ÔN

Trả lời các câu hỏi sau:

- 1— Việt-nam là nước chuyên về nghề gì?
- 2— Nông-sản chính của ta có gì?
- 3— Tại thôn-quê dân chúng thường nuôi gì?
- 4— Cá đánh được người ta đem làm gì?
- 5— Rừng cho ta những lâm-sản nào?
- 6— Việt-nam có mỏ nào quan-trọng hơn cả?
- 7— Tiêu công-nghệ cũ của ta có những nghề nào?
- 8— Phần lớn các nhà máy quan trọng ở nước ta đang được xây cất tại đâu?
- 9— Về đường bộ Việt-nam có đường nào quan-trọng?
- 10— Hằng-ngày các tàu buôn ngoại quốc ra vào tấp nập tại hải-cảng nào?

MỤC-LỤC

Khoa-học

Chương I : HỌC ÔN CHƯƠNG-TRÌNH LỚP HAI

- 1 — Cây cỏ — Loài vật — Thân thể người ta
- 2 — Trời — Không khí
- 3 — Tiếng động
- 4 — Nước

Chương II : LOÀI - VẬT

- 5 — Con mèo
- 6 — Con trâu
- 7 — Con gà
- 8 — Quả trứng gà
- 9 — Con rắn
- 10 — Con ếch
- 11 — Ếch biến hình
- 12 — Con cá
- 13 — Con ong mật
- 14 — Con châu-chấu
- 15 — Bài ôn

Chương III : CÂY CỎ

- 16 — Thân cây
- 17 — Thân cây để làm gì ?
- 18 — Lá cây
- 19 — Lá cây để làm gì ?
- 20 — Rễ cây
- 21 — Rễ cây dùng làm gì ?

- 22 — Hoa
- 23 — Hoa dùng để làm gì ?
- 24 — Trái cây
- 25 — Trái cây dùng để làm gì ?
- 26 — Bài ôn

Chương IV : THÂN THỂ NGƯỜI TA

- 27 — Các phần của xương
- 28 — Các loại xương
- 29 — Khớp xương — Gân
- 20 — Bắp thịt
- 31 — Cách làm cho bắp thịt này nở
- 32 — Bài ôn

Chương V CÁCH GIỮ CHO THỨC ĂN KHỎI HƯ

- 33 — Phơi khô
- 34 — Nướng
- 35 — Ướp muối — Ngâm nước mắm
- 36 — Làm nước mắm
- 37 — Ướp lạnh
- 38 — Đóng hộp
- 39 — Ngăn cách không-khí để giữ thức ăn ru
- 40 — Có đường
- 41 — Bài ôn

Chương VI : KHÔNG-KHÍ VÀ NƯỚC

- 42 — Nước
- 43 — Hơi nước
- 44 — Mây
- 45 — Mưa
- 46 — Nước cần cho sinh-vật

- 47 — Nước rất quan-trọng trong nghề nông
(Dẫn thủy nhập điền)
- 48 — Cách chứa nước : lu, hồ
- 49 — Cách chứa nước : ao, đập
- 50 — Bài ôn

Chương VII : TRỜI

- 51 — Ánh sáng mặt trời và màu sắc
(Cầu vồng)
- 52 — Trái đất
- 53 — Các cách du-lịch
- 54 — Bài ôn

Chương VIII : NHỮNG KHOÁNG-CHẤT THƯỜNG THƯỜNG

- 55 — Đất
- 56 — Đá
- 57 — Cát
- 58 — Thủy tinh
- 59 — Đất sét
- 60 — Gạch — Ngói
- 61 — Đồ gốm
- 62 — Cải-thiện đồ gốm địa-phương
- 63 — Bài ôn



Chương I

HỌC ÔN CHƯƠNG - TRÌNH LỚP HAI

1. - BÀI ÔN

CÂY CỎ - LOÀI VẬT - THÂN-THỂ NGƯỜI TA

Trả lời những câu hỏi :

- 1— Hạt vùi dưới đất ẩm, nảy mầm rồi thành gì ?
- 2— Khoai tây trồng bằng gì ?
- 3— Khoai lang trồng bằng gì ?
- 4— Cây nào được trồng bằng ngọn ?
- 5— Chó cái đẻ ra gì ? — Chó mẹ nuôi con cách nào ?
- 6— Gà mái đẻ ra gì ? — Gà mẹ nuôi con cách nào ?
- 7— Gà sống ở đâu ? — Cá đẻ ra gì ?
- 8— Thân-thể người ta gồm mấy phần chính ? Kể ra.
- 9— Người ta có những giác-quan nào ?
- 10— Giác-quan nào dùng để trông ?

2. - BÀI ÔN

TRỜI - KHÔNG-KHÍ

Trả lời những câu hỏi :

- 1— Mặt trời thế nào ? — Mặt trời toả gì xuống trái đất ?
- 2— Trái đất quay tròn thế nào ? — Khi nửa phần trái đất quở về mặt trời gọi là gì ?
- 3— So sánh với trái đất, mặt trăng lớn hay nhỏ hơn ? — Mặt trăng nhận ánh sáng ở đâu để phản chiếu xuống trái đất ?

- 4— Úp cái ly không vào chậu nước, tại sao nước không vào trong ly ?
- 5— Nhốt con chim trong lọ kín, tại sao sau một thời-gian nó chết ?
- 6— Úp cái ly lên một cây nhỏ, sau một thời gian cây sẽ thế nào ?
- 7— Không-khi chuyển động sinh ra gì ?

3 — BÀI ÔN TIẾNG ĐỘNG

Trả lời những câu hỏi :

- 1— Ở thôn-quê, em thường nghe thấy những tiếng động nào ?
- 2— Kể những tiếng động thường nghe thấy ở thành thị ?
- 3— Khi vào rừng hay ra biển, em nghe thấy những tiếng động nào ?
- 4— Khi ta gảy đàn, dây đàn sẽ thế nào ?
- 5— Khi nào màng nhĩ rung động ?
- 6— Kể vài tiếng động giúp ích ta.

4 . — BÀI ÔN NƯỚC

Trả lời những câu hỏi :

- 1— Nước mưa rơi xuống đất chảy đi đâu ?
- 2— Muốn có nước mưa tinh-khiết, ta phải làm thế nào ?
- 3— Nước mạch thế nào ? — Muốn lấy nước mạch, ta làm gì ?
- 4— Nước suối, nước khe thường có nhiễm những chất gì ?
- 5— Sông có những ích-lợi nào ?
- 6— Nước biển màu gì ? vị gì ?
- 7— Biển có những ích-lợi nào ?

Chương II

LOÀI VẬT



5. — CON MÈO

Dàn bài

- 1— Điểm đặc-sắc.
- 2— Cách sinh-sản.
- 3— Giống ăn thịt sống.

Bài học

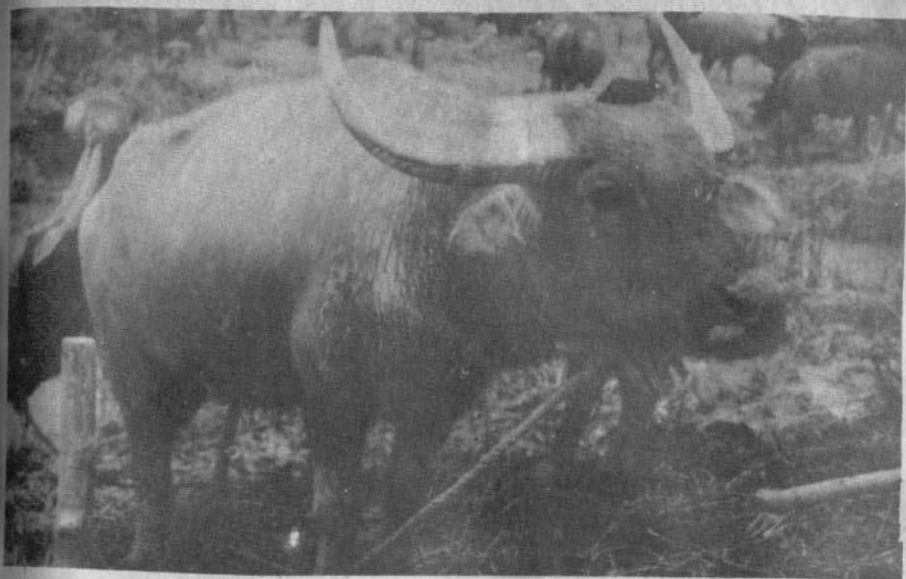
× Mèo mình thon và dài, mắt tinh, tai thính, răng nhọn, chân có vuốt sắc. Mèo đi rất êm, leo trèo giỏi. Mèo ưa ăn thịt sống, thích bắt chuột.

Mèo đẻ con và cho con bú.

Hồ, báo, sư-tử... đều ăn thịt sống như mèo. +

Câu hỏi

— Mình mèo thế nào ? — Mắt mèo ra sao ? — Chân mèo có gì ? — Mèo đi và leo trèo thế nào ? — Mèo ưa ăn gì ? — Mèo sinh sản ra sao ? — Kể vài con vật ăn thịt sống như mèo.



6.— CON TRÂU

Dàn bài

- 1— Điểm đặc-sắc.
- 2— Trâu có ích.
- 3— Giống nhai lại.

Câu hỏi

✕ Trâu mình to, lông cứng, đầu có sừng cong về đằng sau, chân có móng đề. Dạ dày trâu có bốn túi. Khi ăn, trâu nhai lại.

Trâu rất khỏe. Người ta nuôi trâu để kéo cày, kéo gỗ...

Bò, cừu, dê... khi ăn đều nhai lại như trâu. ✕

Câu hỏi

— Mình trâu thế nào? — Sừng ra sao? — Trâu có móng gì? — Dạ dày trâu thế nào? — Khi ăn, trâu nhai thế nào? — Người ta nuôi trâu để làm gì? — Kể vài con vật khi ăn nhai lại như trâu.

— CON GÀ

Dàn bài

- 1— Điểm đặc-sắc.
- 2— Bộ tiêu-hoá của gà.
- 3— Cách sinh-sản và ích-lợi.
- 4— Các con vật cùng loại.

Bài học

Gà có cánh, mỏ, mình phủ lông vũ, chân có bốn ngón.

Bộ tiêu-hoá của gà gồm có: điều, dạ dày, mề và ruột.

Gà mái đẻ trứng, rồi ấp trứng nở thành gà con. Người ta nuôi gà để ăn thịt và lấy trứng.

Gà tây, công, chim trĩ... đều thuộc loại chim như gà.

Câu hỏi

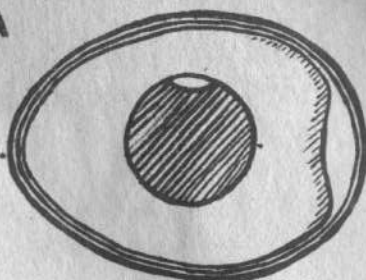
— 'Tả sơ-lược' con gà. — Bộ tiêu-hoá của gà gồm những phần nào? — Gà sinh-sản ra sao? — Người ta nuôi gà để làm gì? — Kể vài con vật thuộc loại chim như gà.



8. — QUẢ TRỨNG GÀ

Dàn bài

- 1— Mô-tả quả trứng gà.
- 2— Trứng gà ấp nở thành gà con.
- 3— Trứng gà rất bổ.



Bài học

Quả trứng gà hình bầu-dục, một đầu lớn, một đầu nhỏ. Ngoài có vỏ cứng, trong có màng mỏng bọc tròn trắng. Giữa tròn trắng là tròn đỏ. Trong tròn đỏ có một mầm nhỏ.

Trứng gà ấp trong ba tuần-lễ thì nở thành gà con.

Trứng gà ăn rất bổ.

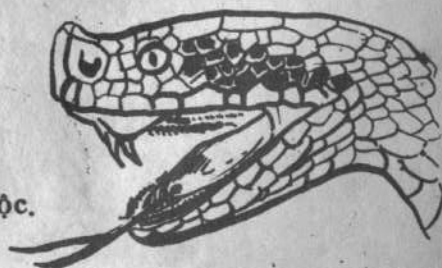
Câu hỏi

— Quả trứng gà hình gì ? — Vỏ trứng gà thế nào ? — Trong quả trứng gà có những phần nào ? — Trứng gà ấp trong bao lâu thì nở thành gà con ? — Trứng gà ăn thế nào ?

9. — CON RẪN

Dàn bài

- 1— Diêm độc-sắc.
- 2— Rắn độc và rắn không độc.



Bài học

Rắn mình dài và tròn, da có vảy giả. Miệng rắn rộng có răng bén nhọn. Hằng năm rắn thường lột da đề lớn. Khi bò, rắn vận mình trườn đi, bụng lê sát mặt đất.

Có hai loại rắn : rắn có nọc độc như rắn lục, rắn hổ mang, rắn hổ lửa... ; rắn không có nọc độc như rắn nước, rắn hòa cò ...

Câu hỏi

— Minh rắn ra sao? — Da rắn có gì? — Rắn bò như thế nào? — Kề vài con rắn có nọc độc, — Kề vài con rắn không có nọc độc.

10 — CON ẾCH**Dàn bài**

- 1— Điểm đặc-sắc.
- 2— Cách sinh-hoạt.
- 3— Các con vật cùng giống

**Bài học**

Ếch da trơn và ướt, miệng rộng, mắt lồi. Ếch có hai chân, sau dài và khoẻ, ngón có màng bọc.

Trên cạn ếch thở bằng phổi, dưới nước ếch thở bằng da. Ếch ăn sâu-bọ.

Cóc, nhái, ễnh- ương ... là những con vật cùng giống với ếch.

Câu hỏi

Da ếch thế nào? — Miệng và mắt ếch ra sao? — Ếch có hai chân sau thế nào? — Trên cạn ếch thở bằng gì? — Dưới nước ếch thở bằng gì? — Kề vài con vật cùng giống với ếch?

11. — ẾCH BIẾN HÌNH**Dàn bài**

- 1— Trứng ếch nở thành nòng-nọc.
- 2— Nòng-nọc biến hình thành ếch.

Bài học

Ếch đẻ ra trứng, trứng nở thành nòng-nọc. Nòng-nọc sống dưới nước, bơi bằng đuôi, thở bằng go.

Nòng-nọc lớn dần, chân mọc ra, đuôi ngắn lại, rồi biến hình thành ếch. Lúc đó nó thường sống trên cạn và thở bằng phổi.

Câu hỏi

— Trứng ếch nở ra con gì ? — Nòng-nọc sống ở đâu ? thở bằng gì ? — Nòng-nọc biến hình thành ếch cách nào ? — Lúc biến hình thành ếch, nó thở bằng gì ?

12.— CON CÁ

Dàn bài

- 1— Đặc-đặc-sắc.
- 2— Cách sinh-sản.
- 3— Cá nước ngọt và cá nước mặn.

Bài học

Cá sống dưới nước, mình thon, dài, thường có vây. Cá bơi bằng vây, thở bằng go.

Cá đẻ rất nhiều trứng. Trứng nở thành cá con.

Có hai loại cá: cá nước ngọt như cá lóc, cá rô, cá chép...; cá nước mặn như cá thu, cá chim, cá đuối...

Cá dùng để ăn tươi, phơi khô, làm nước mắm...

Câu hỏi

— Mình cá thế nào ? — Cá dùng vây và go để làm gì ? — Cá sinh-sản ra sao ? — Kể vài con cá sống ở nước ngọt. — Kể vài con cá sống ở nước mặn. — Cá dùng để làm gì ?



13.- CON ONG MẬT

Dàn bài

- 1— Điểm đặc-sắc.
- 2— Cách sinh-hoạt.
- 3— Ong cho mật và sáp.



Bài học

Ong mật mình có vỏ cứng, gồm đầu, ức và bụng. Đầu có hai râu. Miệng có vòi. Ức có bốn cánh, sáu chân. Bụng chia làm nhiều đốt và có ngòi đẻ châm nọc.

Ong mật sống thành đàn, hút nhụy hoa để làm mật.

Người ta nuôi ong mật để lấy mật và sáp,

Câu hỏi

— Mình ong mật có vỏ thế nào? — Đầu ong có gì? — Ức có mấy cánh, mấy chân? — Bụng ong có ngòi đẻ làm gì? — Ong mật sống thế nào? — Ong hút nhụy hoa để làm gì? — Người ta nuôi ong mật để lấy gì?

14.- CON CHÂU-CHẤU

- 1— Điểm đặc-sắc.
- 2— Cách sinh-sản.
- 3— Châu-chấu có hại.



Bài học

Châu-chấu mình dài, đầu có râu, mắt to. Ức có bốn cánh, sáu chân. Hai chân sau dài và khỏe.

Châu-chấu đẻ trứng. Trứng nở thành châu-chấu non.

Châu-chấu phá-hại mùa màng, ta phải diệt-trừ.

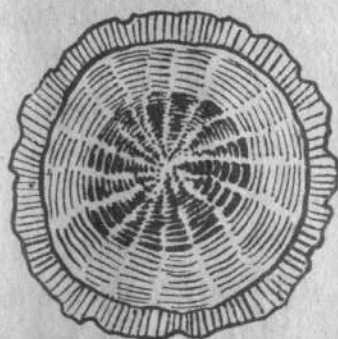
Câu hỏi

— Mình châu-chấu thế nào? — Đầu có gì? — Ức có mấy cánh, mấy chân? — Hai chân sau châu-chấu thế nào? — Châu-chấu sinh sản ra sao? — Tại sao ta phải diệt trừ châu-chấu?

Chương III

CÂY CỎ

16.- THÂN CÂY



Dàn bài

- 1— Thân cây mọc thế nào ?
- 2— Thân gỗ và thân cỏ.

Bài học

Thân cây thường mọc thẳng lên trời. Ngoài ra còn có loại thân leo và thân bò. Thân bò nằm dưới đất gọi là thân củ. Trên ngọn cây có chồi non hay búp.

Thân gỗ cứng có vỏ, dác, lõi và ruột. Thân cỏ mềm, ruột thường xốp hay rỗng.

Câu hỏi

— Thân cây thường mọc thế nào ? — Ngoài ra còn loại thân nào nữa ? — Thân cây bò nằm dưới đất gọi là gì ? — Thân gỗ có những phần nào ? — Thân cỏ thế nào ?

17.- THÂN CÂY DÙNG LÀM GÌ ?

Dàn bài

- 1— Thân cây dùng làm thực-phẩm, làm thuốc.
- 2— Thân cây dùng trong kỹ-nghệ.
- 3— Thân cây dùng để đóng đồ-đặc.

Bài học

Thân cây mía, rau muống... dùng để ăn. Thân cây cam-thảo, vỏ cây quế... dùng làm thuốc.

Thân cây cao-su, thông... cho nhựa để dùng trong kỹ-nghệ.

Thân cây cẩm-lai, gỗ, dầu... dùng để đóng đồ-đặc.

Câu hỏi

— Những thân cây nào dùng để ăn? — Thân cây cam-thả quả dùng làm gì? — Kề vài thân cây cho nhựa. — Thân cây cải lai, gỗ dùng làm gì?

18.— LÁ CÂY**Dàn bài**

- 1— Các phần của lá.
- 2— Hình-dáng các thứ lá.
- 3— Lá đơn, lá kép.

**Bài học**

Lá cây gồm có bẹ, cuống và thân. Thân lá thường màu xanh và có gân.

Theo hình-dáng, lá có thứ trơn như lá cam; có răng cưa như lá trà; có thứ khuyết như lá đu-đu.

Lá chia làm hai loại: lá đơn như lá chuối; lá kép như lá me.

Câu hỏi

— Lá cây gồm những phần nào? — Kề vài lá trơn, lá răng cưa. — Lá đu-đu là lá thế nào? — Lá chia làm những loại nào?

19.— LÁ CÂY DÙNG ĐỂ LÀM GÌ?**Dàn bài**

- 1— Lá cây dùng làm thực-phẩm, làm thuốc.
- 2— Các công-dụng khác của lá cây.

Bài học

Lá bắp cải, lá trà... dùng làm thực-phẩm. Lá tía tô, ngải-cứu ... dùng làm thuốc.

Ngoài ra, lá còn dùng để nhuộm như lá bàng; nhà như lá gồi; làm nón như lá nón; gói bánh như dong v.v..

Câu hỏi

— Những lá nào dùng để ăn? — Kẽ vôi thứ lá dùng làm thuốc. — Lá cây gì dùng để nhuộm? — Nhà tranh thường lợp bằng lá gì? — Lá dong dùng làm gì?

20 — RỄ CÂY**Dàn bài**

- 1— Các phần của rễ.
- 2— Các thứ rễ.

**Bài học**

Rễ cây mọc đâm xuống đất. Cây thường có rễ cọc (rễ cái) rễ con, lông hút. Đầu rễ có chóp cứng.

Có bốn thứ rễ. Rễ cọc như rễ bưởi. Rễ củ như cà-rốt. Rễ chùm như rễ lúa. Rễ phụ như rễ đa.

Câu hỏi

— Rễ cây mọc thế nào? — Rễ cây gồm những phần nào? Đầu rễ có gì? — Có mấy thứ rễ? Kể ra.

21 — RỄ CÂY DÙNG LÀM GÌ?**Dàn bài**

- Rễ cây dùng làm thực phẩm, làm thuốc.
- Rễ cây dùng để nhuộm.

Bài học

Rễ cây dùng được nhiều việc. Củ cà-rốt, củ sắn, củ khoai ... dùng để ăn. Rễ sâm, cam-thảo, quế ... dùng làm thuốc.

Củ nghệ, củ nâu, rễ lựu ... dùng để nhuộm.

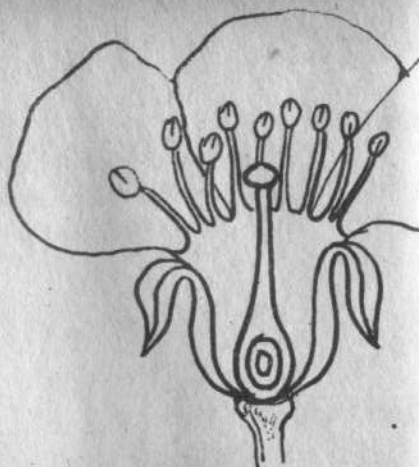
Câu hỏi

— Những rễ cây nào dùng làm thực phẩm? — Rễ sâm, cam thảo dùng làm gì? — Kẽ vôi thứ rễ cây dùng để nhuộm?

22.— HOA

Dàn bài

- 1— Các phần của hoa.
- 2— Hoa kết thành trái.



Bài học

Hoa gồm có cuống hoa, đài hoa, tràng hoa, nhụy đực và nhụy cái. Nhụy đực có phần vàng. Nhụy cái có bầu chứa hạt non.

Khi phần hoa ở nhụy đực dính vào đầu nhụy cái, thì bầu hoa lớn dần rồi kết thành trái.

Câu hỏi

— Hoa gồm những phần nào? — Nhụy nào có phần vàng? — Nhụy cái có gì? — Khi nào hoa kết thành trái.

23.— HOA DÙNG LÀM GÌ?

Dàn bài

- 1— Hoa dùng làm thực phẩm, làm thuốc.
- 2— Hoa dùng để ướp trà, cất nước hoa.
- 3— Hoa dùng để cúng lễ, trang-trí.

Bài học

Hoa bí, hoa mướp, hoa thiên-lý... dùng để ăn. Hoa cúc, hoa hồng bạch... dùng làm thuốc.

Hoa sen, hoa sồi... dùng để ướp trà. Hoa lan, hoa nhài... dùng để cất nước hoa.

Người ta còn dùng hoa vào việc cúng lễ và trang-trí.

Câu hỏi

— Hoa bí dùng làm gì? — Hoa nào dùng làm thuốc? — Hoa sen, hoa sồi dùng làm gì? — Người ta thường cất nước hoa bằng hoa nào? — Hoa còn dùng làm gì nữa?

Đàn bài

24. — TRÁI CÂY



1— Các phần của trái thịt.

2— Các thứ trái.

Bài học

Trái thịt có vỏ bọc ngoài, giữa là thịt, trong là hạt... có trái một hạt như soài, mận. Có trái nhiều hạt như cam, măng-cầu... Trái khô không có thịt như đậu phụng, bồ-kết...

Câu hỏi

— Trái thịt có những phần nào? — Những trái nào có một hạt? — Kể vài trái có nhiều hạt. — Đậu phụng là loại trái thế nào?

25. — TRÁI CÂY DÙNG LÀM GÌ?

Đàn bài

1— Trái cây dùng làm thực-phẩm.

2— Trái cây còn dùng vào nhiều việc khác.

Bài học

Trái cây dùng để ăn như cam, xoài, mít..., làm mứt như măng-cầu, thơm..., làm đồ gia-vị như chanh, ớt... Các trái cây đóng hộp giữ được lâu hư.

Trái cây còn dùng vào việc cúng lễ, làm thuốc, ép dầu, nhuộm vải, sợi...

Câu hỏi

— Những trái cây nào dùng để ăn? — Những trái cây nào dùng làm mứt? — Kể vài trái cây dùng làm đồ gia-vị. — Trái cây đóng hộp có lợi gì? — Trái cây còn dùng vào những việc gì nữa?

26. — ÔN CHƯƠNG III

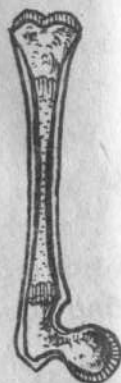
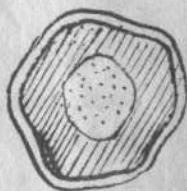
Chương IV

THÂN-THỂ NGƯỜI TA

27.- CÁC PHẦN CỦA XƯƠNG

Dàn bài

- 1— Màng xương.
- 2— Chất xương.
- 3— Tủy.



Bài học

Cắt dọc một cái xương ống, ta thấy: màng xương, chất xương và tủy.

Màng xương cứng và láng, bao-bọc chất xương.

Chất xương cứng, màu trắng. Hai đầu xương có sụn.

Chính giữa xương là tủy mềm, màu vàng. Tủy ở hai đầu xương màu đỏ.

Câu hỏi

— Xương gồm những phần nào? — Màng xương thể nào? — Chất xương thể nào? — Hai đầu xương có gì? — Chính giữa xương là gì? — Tủy ở hai đầu xương màu gì?

28.- CÁC LOẠI XƯƠNG

Dàn bài

- 1— Các phần chính của bộ xương người.
- 2— Hình dáng các xương.
- 3— Công dụng của bộ xương.

Bài học

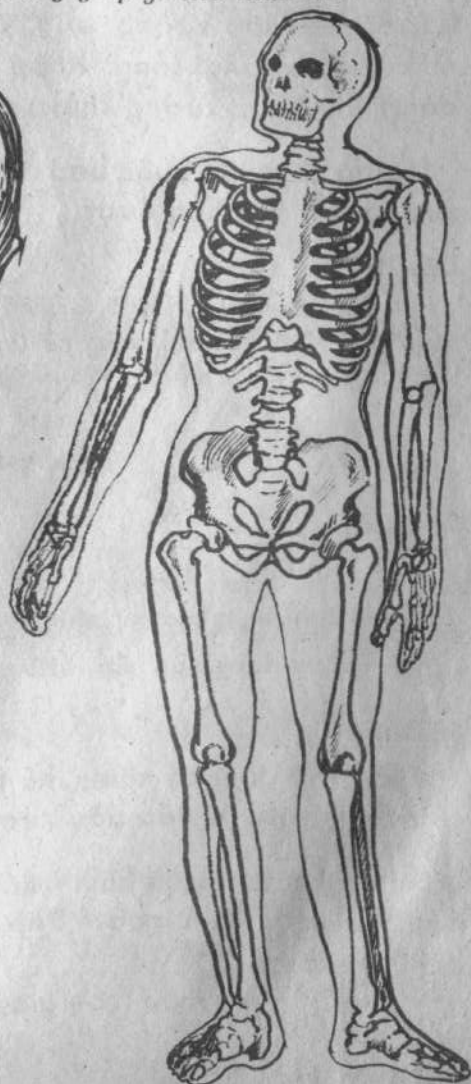
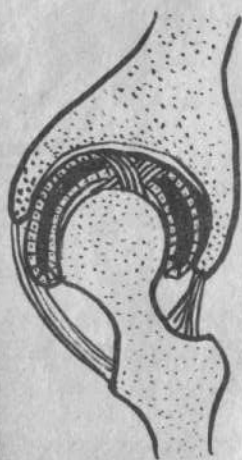
Bộ xương người gồm có: xương đầu, xương mình, xương tay chân.

Xương có cái dài như xương cánh tay, cái ngắn như xương ngón chân, cái tròn như xương sọ, cái giẹp như xương bánh chề.

Bộ xương chống đỡ thân-thể và che chở các bôp-hận bên trong.

Câu hỏi

— Bộ xương người gồm những xương nào? — Xương cánh tay thế nào? — Xương ngón chân ra sao? — Xương nào giẹp? — Xương nào tròn? — Bộ xương giúp gì cho thân-thể?



29. — KHỚP XƯƠNG GÂN .

Dàn bài

- 1— Khớp xương.
- 2— Các loại khớp xương.
- 3— Gân.

Khớp xương là chỗ hai đầu xương nối với nhau.

Có ba loại khớp xương. Khớp xương không cử-động được như khớp xương sọ. Khớp xương cử-động được như khớp xương sống. Khớp xương cử-động được dễ dàng như khớp xương khuỷu tay.

Nhờ dây gân buộc bắp thịt vào xương nên khớp xương mới cử-động được.

Câu hỏi

—Khớp xương là gì ? — Khớp xương nào không cử-động được ? — Khớp xương sống cử-động thế nào ? — Khớp xương nào cử-động được dễ-dàng ? — Nhờ đâu khớp xương cử-động được ?

30. — BẮP THỊT

Dàn bài

- 1— Bắp thịt.
- 2— Hình-dáng các bắp thịt.
- 3— Công-dụng của bắp thịt.



Bài học

Bắp thịt gồm có nhiều thớ thịt màu đỏ hồng, hai đầu có dây gân buộc vào đầu xương.

Bắp thịt có nhiều hình - dáng. Bắp thịt tay hình thoi. Bắp thịt ngực hình quạt. Bắp thịt môi hình tròn. Tim bắp thịt rỗng.

Nhờ bắp thịt thun (co), giãn mà khớp xương cử-động được.

**Câu hỏi**

— Bắp thịt gồm có những gì? — Hai đầu bắp thịt có dây gân để làm gì? — Bắp thịt hình-dạng ra sao? — Bắp thịt thun, giãn có công-dụng gì?

31 — CÁCH LÀM CHO BẮP THỊT NÀY-NỞ**Dàn bài**

- 1— Ăn uống đầy-đủ.
- 2— Năng vận-động.

Bài học

Bắp thịt có nở-nang thì thân-thể mới khoẻ-mạnh. Muốn cho bắp thịt nở-nang, ta phải ăn uống đầy-đủ. Thức ăn cần có nhiều chất bổ-dưỡng.

Ngoài ra, ta phải năng vận-động để bắp thịt được dần chắc.

Câu hỏi

— Bắp thịt nở-nang thì thân-thể thế nào? — Muốn cho bắp thịt nở-nang, ta phải ăn uống ra sao? — Thức ăn cần thế nào? — Người năng vận-động, bắp thịt thế nào?

32 — ÔN CHƯƠNG IV

Chương V

CÁCH GIỮ CHO THỨC ĂN KHỎI HƯ

33. PHƠI KHÔ

Dàn bài

- 1— Thực-phẩm phơi khô giữ lâu hư.
- 2— Những loại thực-phẩm phơi khô.

Bài học

Thực phẩm phơi khô có thể giữ lâu hư.

Ta có thể phơi khô nhiều loại thực-phẩm như: cá khô, tôm khô, lạp-xưởng...

Chuối, ớt, hành, tỏi, hạt lúa, mè... phơi khô cũng dễ dàng được lâu.

Câu hỏi

— Thực-phẩm phơi khô có công-dụng gì? — Những loại thực-phẩm nào thường được phơi khô? — Kể vài trái cây phơi khô. — Kể vài loại hạt thường phơi khô.

34. NƯỚNG

Dàn bài

- 1— Thực-phẩm nướng giữ lâu hư.
- 2— Những loại thực-phẩm nướng.

Bài học

Một vài loại thực-phẩm đem nướng cũng có thể giữ lâu hư.

Bánh bít-cốt, bánh bít-qui, bánh quế... giữ lâu không hư vì đã được nướng kỹ. Người ta còn sấy tằm, cá, chuối, cau... rồi để dành ăn dần.

Câu hỏi

— Thực-phẩm đem nướng có công-dụng gì? — Tại sao bánh bít-cốt, bánh bít-qui giữ được lâu không hư? — Người ta thường sấy những loại thực-phẩm nào để ăn dần?

35.— ƯỚP MUỐI — NGÂM NƯỚC MẮM

Dàn bài

- 1— Muối giữ thịt, cá lâu hư.
- 2— Cách ướp muối.
- 3— Thực-phẩm ngâm nước mắm.

Bài học

Muối sát trùng nên được dùng để ướp thịt, cá cho lâu hư.

Trước khi ướp muối, thịt hay cá phải xẻ lằn (khứa) để dễ thấm muối.

Trong nước mắm có nhiều muối, nên người ta thường lấy đu-đu, cà-rốt, tỏi, ớt ngâm nước mắm, pha thêm chút giấm, đường để làm đồ gia-vị.

Câu hỏi

— Muối có tính chất gì? — Người ta dùng muối ướp thịt, cá để làm gì? — Trước khi ướp muối, thịt hay cá phải làm thế nào? — Đu-đu, cà-rốt, tỏi, ớt thường được làm thế nào để thành đồ gia-vị?

36.— LÀM NƯỚC MẮM

Dàn bài

- 1— Cách làm nước mắm.
- 2— Các thứ nước mắm.

Bài học

Muốn làm nước mắm, người ta sắp cá vào thùng, cứ một lớp muối lại một lớp cá. Sau vài ngày, cá thấm muối. nước bổi rỉ ra, ta hứng nước bổi đổ vào thùng.

Đúng kỳ hạn, ta có nước mắm nhĩ (1). Kế đó là nước nhất, rồi nước nhì. Nước mắm dùng làm gia vị.

(1) loại nước mắm ngon nhất,

Câu hỏi

— Muốn làm nước mắm, người ta làm thế nào? — Khi nào nước bỗng chảy ra? — Đúng kỳ hạn, người ta lấy được loại nước mắm nào? — Kể đó là những loại nước mắm nào? — Nước mắm dùng làm gì?

37 — ƯỚP LẠNH**Dàn bài**

- 1— Sức lạnh giữ thực-phẩm lâu hư.
- 2— Tôm, cá ướp nước đá lâu hơn.

Bài học

Sức lạnh dưới không độ có thể ngăn cản được sự sinh-sản của vi-trùng. Vì vậy người ta thường dùng tủ lạnh để giữ thức ăn cho lâu hư...

Cá, tôm tươi đánh được ở sông, biển thường được ướp nước đá để khỏi ươn trước khi chở đi các nơi bán.

Câu hỏi

— Sức lạnh dưới không độ có công-dụng gì? — Người ta dùng tủ lạnh để làm gì? — Trước khi chở cá, tôm tươi đi xa, người ta phải làm thế nào?

**38 — ĐÓNG HỘP****Dàn bài**

- 1— Thực-phẩm đóng hộp giữ lâu hư.
- 2— Cách đóng hộp thịt cá.
- 3— Những thực-phẩm đóng hộp.

Bài học

Thực-phẩm đóng hộp giữ được lâu hư.

Trước khi đóng hộp, thịt hay cá phải làm cho sạch, ướp muối rồi đem hấp chín. Sau đó sắp thịt hay cá vào hộp, đổ thêm dầu ăn hay sốt cà tô-mát, đóng nắp lại rồi hấp để giết vi-trùng.

Những thực-phẩm thường đóng hộp là: thịt, cá, rau, trái cây, sữa bò...

Câu hỏi

— Thực-phẩm đóng hộp có công-dụng gì? — Trước khi đóng hộp, thịt hay cá phải làm thế nào? — Sau khi hấp chín thịt hay cá, người ta còn phải làm gì nữa? — Những loại thực-phẩm nào thường được đóng hộp?

39.— NGĂN CÁCH KHÔNG-KHÍ ĐỂ GIỮ THỨC ĂN, RƯỢU

Dàn bài

1— Ngăn cách không-khí để giữ thức ăn.

2— Ngăn cách không-khí để giữ rượu.

Bài học

Không-khí làm thức ăn mau hư. Muốn giữ thịt, cá lâu hư, người ta đổ một lớp dầu hay mỡ lên để ngăn cách không-khí.

Muốn giữ rượu còn thừa, ta đóng đầy ra chai nhỏ rồi đậy nút kín. Như vậy rượu sẽ lâu chua vì trong chai không còn không-khí.

Câu hỏi

— Không-khí làm thức ăn thế nào? — Người ta làm thế nào để ngăn cách không-khí với thức ăn? — Muốn giữ rượu còn thừa, ta làm thế nào? — Tại sao rượu đóng đầy chai sẽ lâu chua?



40.- CÔ ĐƯỜNG

Dàn bài

- 1— Đường giữ cho thức ăn lâu hư.
- 2— Cách làm mứt.

Bài học

Đường có thể giữ cho thức ăn lâu hư. Vì vậy, kho thịt, rimm tôm người ta thường cho chút đường.

Người ta còn cô đường để làm mứt. Muốn làm mứt, ta hoà tan đường trong nước. Đun sôi nước đường với ngọn lửa nhỏ, rồi cho trái cây vào. Đun tiếp cho tới khi nước đường đặc lại. Lúc đó ta có mứt ngon và ngọt.

Câu hỏi

— Đường có thể giữ cho thức ăn được thế nào? — Kho thịt, rimm tôm người ta thường cho chút đường để làm gì? — Người ta còn cô đường để làm gì? — Nói cách làm mứt.



41.- ÔN CHƯƠNG V

Chương VI

KHÔNG-KHÍ VÀ NƯỚC

42.- NƯỚC

Dàn bài

- 1— Tính-chất của nước.
- 2— Nước hoà tan nhiều chất.

Bài học

Nước là một chất lỏng. Nước trong không có màu sắc. Dưới một lớp dày như sông, biển, nước có màu xanh. Nước không có mùi, vị. Nước không có hình-dáng riêng. Hình-dáng của nó tùy thuộc vào vật chứa nó.

Nước hoà tan đường, muối, xà-bông.

Câu hỏi

— Nước trong có màu sắc thế nào ? — Nước sông, biển màu gì ? — Nước có mùi, vị ra sao ? — Hình-dáng của nước tùy thuộc vào đâu ? — Nước hoà tan được những chất nào ?

43.- HƠI NƯỚC

Dàn bài

- 1— Sự bốc hơi.
- 2— Sự bay hơi.
- 3— Sự ngưng hơi.

Bài học

Khi đun nước sôi, ta thấy hơi nước bốc lên.

Sức nóng của mặt trời cũng làm cho nước hồ, ao, sông biển bay hơi.

Hơi nước gặp lạnh đọng lại thành nước.

Câu hỏi

— Khi đun sôi nước, ta thấy thế nào ? — Khi nào nước hồ, ao, sông, biển bay hơi ? — Khi nào hơi nước đọng lại thành nước ?



44 - MÂY

Dàn bài

- 1— Hơi nước tụ lại thành mây.
- 2— Các thứ mây.

Bài học

Hơi nước hồ, ao, sông, biển bay lên cao, tụ lại thành những giọt nhỏ li-ti gọi là mây.

Mây trắng thường ở trên cao. Mây đen bay thấp, làm cho bầu trời u ám.

Câu hỏi

—Hơi nước hồ, ao, sông, biển bay lên cao thành gì?—Mây nào thường ở trên cao? — Mây nào bay thấp? — Mây đen làm cho bầu trời thế nào?

45 - MƯA

Dàn bài

- 1— Mây gặp lạnh thành mưa.
- 2— Các thứ mưa.

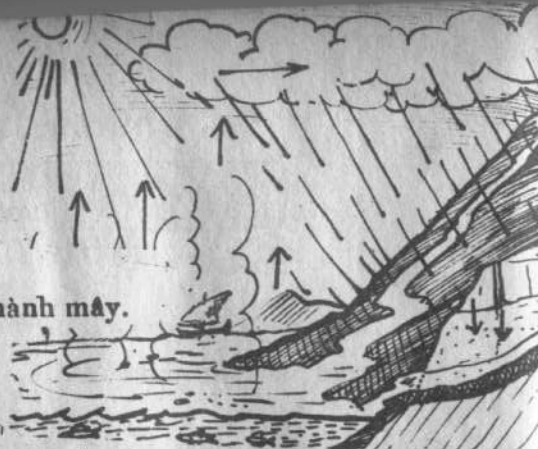
Bài học

Trên trời, mây gặp lạnh động lại rơi xuống thành mưa.

Mưa to gọi là mưa rào. Khi giọt nước mưa nhỏ như hạt bụi thì gọi là mưa phùn. xứ lạnh thường có mưa tuyết và mưa đá.

Câu hỏi

— Khi nào mây rơi xuống thành mưa? — Mưa to còn gọi là gì? — Thế nào là mưa phùn? — Nơi nào có mưa tuyết và mưa đá?



46 — NƯỚC CẦN CHO CÁC SINH-VẬT

Dàn bài

- 1— Nước rất cần cho người và vật.
- 2— Nước rất cần cho cây cỏ.
- 3— Công-dụng của nước.

Bài học

Nước rất cần cho đời sống của mọi sinh-vật trên trái đất. Không có nước, người và vật không thể sống được.

Nước hòa tan chất bở dưới đất. Nhờ đó rễ cây hút được chất bở trong nước để nuôi cây. Thiếu nước, cây sẽ khô héo mà chết.

Ta dùng nước để uống, nấu ăn, tắm rửa, giặt-giũ...

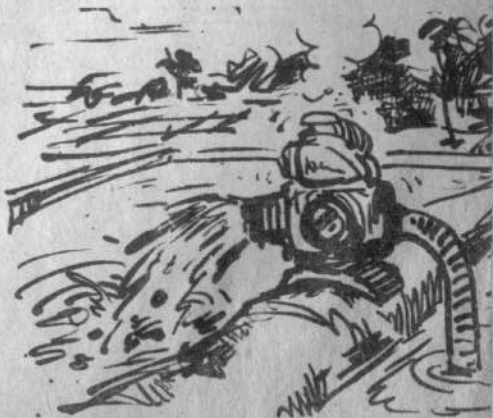
Câu hỏi

- Không có nước, người và vật sẽ thế nào ? — Nước hòa tan chất gì ở dưới đất ? — Rễ cây hút chất bở để làm gì ?
— Tại sao thiếu nước cây sẽ chết ? — Ta dùng nước để làm gì ?

47.— NƯỚC RẤT QUAN-TRỌNG TRONG NGHỀ NÔNG : DẪN THỦY NHẬP - ĐIỆN

Dàn bài

- 1— Dẫn thủy nhập điện là gì ?
- 2— Các cách đưa nước vào ruộng.



Bài học

Nước rất cần cho thảo-mộc. Nơi nào đất ruộng thiếu nước, nhà nông tìm cách đưa nước sông vào ruộng, gọi là dẫn thủy nhập điền.

Người ta đào kênh, khai mương, xẻ rãnh để dẫn nước. Có khi dùng gàu, xe đạp nước hoặc máy bơm để lấy nước vào ruộng.

Câu hỏi

— Đem nước vào ruộng gọi là gì? — Người ta dẫn nước vào ruộng bằng cách nào? — Người ta dùng những dụng-cụ nào để tát nước? — Ngày nay người ta hút nước vào ruộng bằng cách-nào?

Dàn bài**48.— CÁCH CHỨA NƯỚC : LU, HỒ**

1— Chứa nước trong lu, hồ.

2— Giữ vệ-sinh lu, hồ.

Bài học

Người ta thường dùng lu hay hồ để chứa nước.

Lu hay hồ phải có nắp đậy kín để tránh bụi bặm và muỗi bay vào đẻ. Thỉnh-thoảng ta phải súc lu cho hết cặn, thay nước và rửa hồ cho sạch-sẽ.



Câu hỏi

— Người ta dùng lu, hồ để làm gì ? — Tại sao lu, hồ phải có nắp đậy kín ? — Thỉnh-thoảng phải súc lu để làm gì ? — Muốn cho hồ nước sạch, ta phải làm gì ?

49.— CÁCH CHỨA NƯỚC: AO, ĐẬP**Dàn bài**

- 1— Đào ao giữ nước.
- 2— Xây đập chặn nước.

Bài học

Ở những nơi gần biển, mạch nước thường mặn, người ta phải đào ao lớn để giữ nước mưa dùng quanh năm. Nước, ao không hợp vệ-sinh trước khi dùng phải lọc hay lóng phèn.

Những vùng cao-nguyên không có sông, rạch, người ta phải xây đập để chặn nước mưa lại. Nước trong đập thường dùng để cày-cấy và trồng-trọt.

Câu hỏi

— Ở những nơi nào người ta đào ao để giữ nước mưa ? — Trước khi dùng nước ao, ta phải làm gì ? — Những vùng cao-nguyên không có sông, rạch, người ta chặn giữ nước mưa cách nào ? — Nước trong đập dùng để làm gì ?



Chương VII

TRỜI

51—ÁNH SÁNG MẶT TRỜI VÀ MÀU SẮC - CẦU VỒNG

Dàn bài

- 1— Màu sắc ánh sáng mặt trời.
- 2— Hiện-tượng cầu vồng.

Bài học

Bình thường ta thấy ánh sáng mặt trời màu trắng. Thật ra ánh sáng mặt trời có bảy màu là đỏ, da cam, vàng, xanh lá cây, xanh da trời, chàm và tím.

Nếu ánh sáng mặt trời rọi qua những giọt nước ở trên không, mà gặp đám mây chắn ngang, ánh sáng sẽ tủa ra bảy màu kẻ trên gọi là cầu vồng.

Câu hỏi

— Bình thường ánh sáng mặt trời màu gì ? — Thật ra ánh sáng mặt trời có những màu nào ? — Khi nào có cầu vồng.

52—TRÁI ĐẤT: BIỂN, NÚI, RỪNG, ĐỒNG-BẰNG

Dàn bài

- 1— Hình thè trái đất.
- 2— Biển, núi, rừng, đồng-bằng.

Bài học

Trái đất hình tròn, hai đầu hơi gập.

Những nơi trên mặt đất không bằng-phẳng như nhau. Chỗ nào trũng sâu xuống là biển và đại dương. Vùng nào nhô cao là đồi, núi. Miền nào bằng-phẳng là đồng-bằng. Nơi nào cây cối mọc rậm-rạp là rừng.

Câu hỏi

— Trái đất hình gì ? — Hai đầu trái đất thế nào ? — Trên mặt trái đất, chỗ trũng sâu là gì ? — Đồi, núi là những vùng đất thế nào ? — Những miền bằng-phẳng là gì ? — Những nơi cây cối mọc rậm-rap gọi là gì ?

53.— CÁC CÁCH DU-LỊCH**Đền bài**

- 1— Du-lịch bằng đường bộ.
- 2— Du-lịch bằng đường thủy.
- 3— Du-lịch bằng đường hàng-không.

Bài học

Muốn đi du-lịch người ta có nhiều cách.

Nếu dùng đường bộ, ta có thể đi chân, cưỡi ngựa, đi xe hơi, xe lửa.

Trên đường sông, biển, ta dùng tàu, thuyền.

Muốn cho cuộc du-lịch được mau chóng và thoải-mái, ta đi máy bay.

Câu hỏi

— Du-lịch bằng đường bộ, ta có những cách nào ? — Khi nào người ta đi du-lịch bằng tàu, thuyền ? — Đi du-lịch bằng máy bay có những tiện-nghĩ nào ?

**54.— ÔN CHƯƠNG VII**

Chương VIII

NHỮNG KHOẢNG-CHẤT THÔNG-THƯỜNG

55. — ĐẤT



Dàn bài

- 1— Lớp đất màu.
- 2— Lớp đá sàng.

Bài học

Trên mặt vỏ trái đất có một lớp đất mỏng gọi là đất màu. Lớp đất màu gồm có đất mùn, cát, sỏi, mùn đá, mùn đất sét v.v...

Dưới lớp đất màu là lớp đá sàng. Lớp đá sàng rất dày, gồm có nhiều thứ đá, các thứ quặng, than đá v.v...

Câu hỏi

— Trên mặt vỏ trái đất có một lớp đất mỏng gọi là gì ? —
Lớp đất này gồm những gì ? — Dưới lớp đất màu là gì ? —
Lớp này gồm những gì ?

56. — ĐÁ

Dàn bài

- 1— Những nơi có đá.
- 2— Đá thông-dụng.
- 3— Đá quý.

Bài học

Trên mặt đất, đá thường tụ thành núi. Dưới lòng đất, đá xếp thành từng lớp.

Những loại đá thông-dụng như đá xanh, đá sỏi, đá ong, đá vôi... được dùng để rải đường, xây nhà, nung vôi...

Ngoài ra còn có loại đá quý như cẩm-thạch được dùng để làm nữ trang.

Câu hỏi

— Trên mặt đất, đá tụ thành gì ? — Dưới lòng đất, đá xếp thành gì ? — Kể vài loại đá thông-dụng. — Đá thông-dụng được dùng làm gì ? — Cẩm-thạch là loại đá thể nào ? — Cẩm-thạch được dùng làm gì ?

57.- CÁT

Dàn bài

- 1— Tính-chất của cát.
- 2— Công-dụng của cát.

Bài học

Cát là do những mảnh vụn của đá vỡ ra từ lâu đời mà thành. Cát hạt nhỏ, cứng, màu vàng hoặc trắng-trắng. Cát không thấm nước. Ở biển và lòng sông có nhiều cát.

Cát trắng dùng để chế thủy tinh. Cát vàng trộn với xi-măng thành hồ để xây tường. trộn với đất sét để nung gạch, ngói cho khỏi nứt, bể.

Câu hỏi

— Cát do đâu mà có ? — Cát có tính-chất thể nào ? — Cát trắng dùng để làm gì ? — Cát vàng dùng để làm gì ?

58.- THỦY TINH

Dàn bài

- 1— Nguyên-liệu để chế thủy tinh.
- 2— Tính-chất của thủy tinh.
- 3— Công-dụng của thủy tinh.



Bài học

Thủy tinh được chế bằng cát trắng, vôi và bồ-tát.

Thủy tinh trong suốt, cứng, giòn và dễ vỡ. Pha-lê là loại thủy tinh rất tốt.

Thủy tinh dùng để chế ly, chai, lọ, làm mặt kính, gương soi...

Câu hỏi

— Thủy tinh được chế bằng những chất gì? — Thủy tinh có những tính chất nào? — Pha-lê là gì? — Kể các đồ dùng thường làm bằng thủy tinh?

59. — ĐẤT SÉT**Dàn bài**

- 1— Tính-chất của đất sét.
- 2— Các loại đất sét.
- 3— Công-dụng của đất sét.

**Bài học**

Đất sét mềm, nước không thấm qua được. Đất sét nhào với nước trở nên dẻo và dễ nặn, đem nung thì rắn lại.

Đất sét nguyên-chất màu trắng gọi là cao-lanh. Đất sét xấu màu nâu, vàng, xám hoặc hung-hung.

Cao-lanh được dùng làm đồ sứ. Đất sét xấu được dùng làm gạch, ngói, đồ gốm...

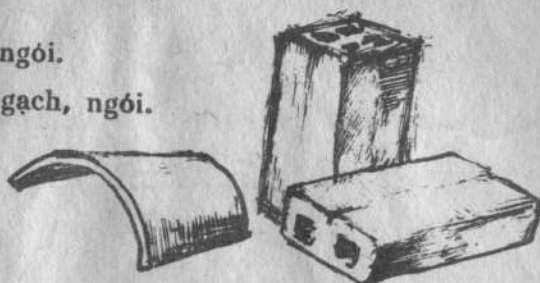
Câu hỏi

— Đất sét có những tính-chất gì? — Đất sét nguyên-chất thế nào? — Đất sét xấu màu gì? — Cao-lanh được dùng làm gì? — Đất sét xấu được dùng làm gì?

60. — GẠCH — NGÓI

Dàn bài

- 1— Cách làm gạch, ngói.
- 2— Công-dụng của gạch, ngói.



Bài học

Gạch, ngói thường làm bằng đất sét, trộn với ít cát cho khỏi nứt, bể. Người ta đóng đất sét đã trộn vào khuôn, đem phơi khô rồi cho vào lò nung. Muốn có gạch lỗ, người ta lấy xi-măng trộn với cát, đổ khuôn rồi phơi khô.

Gạch dùng để xây tường, lát sân... Ngói dùng để lợp nhà.

Câu hỏi

— Gạch, ngói thường làm bằng gì? — Người ta làm gạch, ngói cách nào? — Nói cách làm gạch lỗ. — Gạch, ngói dùng làm gì?

61. — ĐỒ GỐM

Dàn bài

- 1— Đồ gốm là gì?
- 2— Cách làm đồ gốm.

Bài học

Những đồ gốm như nồi đất, hoả lò, chậu cây... đều làm bằng đất sét.

Muốn làm đồ gốm, trước hết người ta lựa đất sét tốt, trộn với chút ít cát rồi nhào với nước cho thật nhuyễn. Sau đó dùng bàn xoay để nặn. Nặn xong đem phơi khô rồi cho vào lò nung.

**Câu hỏi**

— Đồ gốm làm bằng gì? — Muốn làm đồ gốm, trước hết người ta làm thế nào? — Sau khi nhào đất sét nhuyễn, người ta làm gì? — Nặn xong, người ta còn phải làm gì nữa?

62. — CẢI TIẾN ĐỒ GỐM ĐỊA PHƯƠNG**Dàn bài**

- 1— Phẩm-chất của đồ gốm, đồ sành, đồ sứ.
- 2— Nghề làm đồ gốm đã được cải-tiến.

Bài học

Đồ gốm, đồ sành làm bằng đất sét. Đồ sành được tráng men. Đồ sứ làm bằng đất sét trắng, được tráng loại men tốt và có hình vẽ rất đẹp.

Ngày nay, nghề làm đồ gốm nước ta đã được cải-tiến. Đồ sứ Thiên-thanh và Vĩnh-tường tốt và đẹp như đồ sứ ngoại quốc.

Câu hỏi

— Đồ gốm làm bằng gì? — Đồ sành khác đồ-gốm thế nào?
— Tại sao đồ sứ tốt và đẹp hơn đồ sành? — Ngày nay, nghề làm đồ gốm nước ta ra sao? — Đồ sứ Thiên-thanh và Vĩnh-tường thế nào?

63 — ÔN CHƯƠNG VIII

MỤC-LỤC

Vệ-sinh

Chương I : ÔN LẠI CHƯƠNG-TRÌNH LỚP DƯỚI

- 1 — Sạch-vở sạch-sẽ
- 2 — Lớp học sạch-sẽ
- 3 — Tập quét bụi
- 4 — Giữ-gìn sạch-sẽ ở sân-trường
- 5 — Giữ tay sạch, mặt sạch

Chương II : PHÒNG NGỪA BỆNH

- 6 — Phòng ngừa bệnh truyền nhiễm
- 7 — Không nhò khạc bậy
- 8 — Trừ ruồi
- 9 — Trừ muỗi
- 10 — Trừ chấy
- 11 — Trừ rận
- 12 — Sờ mũi
- 13 — Đau bụng
- 14 — Bệnh đi rửa
- 15 — Bệnh cảm
- 16 — Tránh nơi ẩm thấp
- 17 — Bệnh nhức đầu
- 18 — Học ôn

Chương III : VỆ SINH CÁ NHÂN

- 19 — Vệ-sinh về mắt
- 20 — Vệ-sinh về tai
- 21 — Vệ sinh về sự hô-hấp

- 22 — Vệ-sinh về sự tiêu-hóa
- 23 — Vệ sinh về răng
- 24 — Vệ sinh về sự tuần-hoàn
- 25 — Vệ sinh về sự bài-liết
- 26 — Vệ sinh về sự bài-liết nước tiểu
- 27 — Học ôn

Chương IV : BỆNH HAY LẦY

- 28 — Bệnh đau mắt
- 29 — Bệnh đau mắt hột
- 30 — Bệnh đau mắt mù
- 31 — Bệnh ghẻ
- 32 — Bệnh chốc đầu



Chương I

ÔN LẠI CHƯƠNG TRÌNH LỚP DƯỚI

1. — SÁCH VỎ SẠCH-SẼ.

Câu hỏi

— Nhìn vào sách vở dơ-bẩn em thấy thế nào? — Làm thế nào cho sách vở được sạch-sẽ? — Em bao tập sách bằng gì? — Vì sao phải dán nhãn? — Em giữ sách vở thế nào? — Đến lớp, em để sách vở ở đâu? — Về nhà em để sách vở ở chỗ nào? Sách vở nên đựng vào đâu?

Ca-dao đề ghi nhớ. — *Hỡi em trò nhỏ kia ơi!*

Sách vở sạch-sẽ mọi người đều khen.

Thực hành

Dạy cho học-sinh cách bao tập sách, dán nhãn, đề tên và số danh-bộ.

2. — LỚP HỌC SẠCH-SẼ

Câu hỏi

— Lớp học đầy rác và dơ-bẩn em thấy thế nào? — Làm thế nào để lớp học luôn luôn sạch-sẽ? — Khi quét lớp em phải làm thế nào để bụi khỏi bay lên? — Lau bảng thế nào mới hợp vệ-sinh? — Có rác ta phải bỏ vào đâu? — Vì sao phải phân toán trực-nhật hàng ngày?

Ca-dao đề ghi nhớ. — *Lớp em sạch-sẽ nhất trường.*

Ghế bàn bóng lộn như gương nhẵn lỳ.

Thực hành

Chia lớp ra làm 6 toán trực. Mỗi toán trông coi vệ-sinh lớp học một ngày.

3. — TẬP QUÉT BỤI

Câu hỏi

— Muốn cho lớp học sạch-sẽ ta phải làm thế nào? — Vì sao trước khi quét ta lại phải vẩy nước? — Trong bụi có gì? — Muốn bụi khỏi bay lên khi quét ta phải quét cách nào? — Khi quét ta nên dùng vật gì để che miệng? — Tại sao phải che miệng khi quét?

Cá-dao đề ghi nhớ. — Vẩy nước rồi hãy quét nhà,
Nhà nào bị ô-bị-m thì ta chớ gần.

Thực hành

Dạy cho học sinh cách quét lớp học đúng cách.

4. — GIỮ GÌN SẠCH-SẼ Ở SÂN TRƯỜNG

Câu hỏi

Trông sân trường đầy rác-rưởi em thấy thế nào? — Khi thấy rác, giấy vụn ở sân trường em phải làm sao? — Sân trường sạch-sẽ giúp ích gì cho học-sinh? — Muốn sân trường luôn luôn sạch-sẽ ta phải làm gì?

Quyết định. — Mắt thấy rác, tay lược liền.

Thực hành

Dạy cho học-sinh có thói quen khi thấy rác nên nhặt bỏ vào thùng rác.

5. — GIỮ TAY SẠCH, MẶT SẠCH

Câu hỏi

Tay bẩn, mặt bẩn có hại thế nào? — Muốn tay sạch, mặt sạch em phải làm gì? — Em rửa tay bằng gì? — Vì sao trước khi ăn cơm phải rửa tay? — Em rửa mặt cách nào? — Vì sao phải có khăn riêng để rửa mặt?

Quyết định. — Trước khi ăn cơm, em phải rửa tay bằng xà-bông cho sạch-sẽ.

Thực hành

— Kiểm soát và dạy cho các em giữ tay sạch-sẽ.

— Khuyến các em nên cắt móng tay luôn.

Chương II

PHÒNG NGỪA BỆNH

6.— PHÒNG NGỪA BỆNH TRUYỀN-NHIỄM

Dân bài

- 1— Bệnh truyền-nhiễm và đường xâm-nhập của vi-trùng.
- 2— Phòng-ngừa bệnh truyền-nhiễm.

Bài học

Bệnh truyền-nhiễm rất hay lây do vi-trùng gây ra. Vi-trùng lọt vào cơ-thể ta qua miệng, mũi và vết thương.

Muốn đề-phòng bệnh truyền-nhiễm, ta phải diệt-trừ ruồi, muỗi, chuột, bọ. Phải giữ-gìn sức khoẻ. Nếu trong nhà có người mắc bệnh truyền-nhiễm ta phải đề năm riêng. Hằng năm, ta nên chích ngừa các bệnh dịch-tả, dịch-hạch, đậu-mùa v.v...

Câu hỏi

— Thế nào là bệnh truyền-nhiễm? — Nguyên-nhân của bệnh truyền-nhiễm là gì? — Vi-trùng lọt vào cơ-thể ta qua những đường lối nào? — Ta đề phòng bệnh truyền-nhiễm cách nào?

7.— KHÔNG KHẠC NHỎ BẬY

Dân bài

- 1— Nguy-hiểm của sự khạc nhỏ bậy.
- 2— Phải khạc nhỏ vào ống nhỏ có nắp đậy.

Bài học

Ta không nên khạc nhỏ bậy. Khạc nhỏ bậy, ta có thể truyền bệnh cho người khác.

Ta phải khạc nhỏ vào ống nhỏ có thuốc sát-trùng và nắp đậy. Ở ngoài đường, ta phải khạc nhỏ vào khăn tay hoặc khăn giấy.

Câu hỏi

— Khạc nhờ bầy nguy hiểm như thế nào? — Ông nhờ cần phải thế nào? — Khi đi đường ta khạc nhờ vào đâu?

8.— TRỪ RUỒI**Dàn bài**

- 1— Ruồi mang vi-trùng.
- 2— Phải trừ ruồi.

Bài học

Ruồi thường sinh sống ở những nơi dơ-bẩn như rác-rưởi, đồ thừa, phân người và xác súc-vật. Ruồi mang vi-trùng và truyền nhiều bệnh nguy-hiểm như : dịch-tả, dịch-hạch v.v...

Muốn không có ruồi, ta phải bỏ rác-rưởi vào thùng có nắp đậy. Ta nên dùng thuốc DDT để diệt trừ ruồi.

Câu hỏi

— Ruồi thường sinh sống ở đâu? — Ruồi truyền những bệnh nguy-hiểm nào? — Muốn trừ ruồi ta phải làm thế nào?

9.— TRỪ MUỖI**Dàn bài**

- 1— Nơi muỗi sinh sống — Muỗi đùn sóc.
- 2— Phải trừ muỗi.

Bài học

Muỗi thường sinh sống ở những nơi ẩm thấp, dơ-bẩn như cống rãnh. Muỗi đùn sóc truyền bệnh sốt rét cho ta.

Muốn diệt trừ muỗi ta phải giữ cống rãnh sạch-sẽ và thông-thoảng phải phun thuốc DDT. Nhà cửa phải sáng-sủa. Đêm ngủ ta phải nằm màn cho muỗi khỏi đốt.

Câu hỏi

— Muỗi sinh sống ở đâu? — Muỗi đùn sóc truyền bệnh gì? — Muốn trừ muỗi ta phải làm gì? — Vì sao đêm ngủ ta phải nằm màn?

10.— TRỪ CHẤY

Dàn bài

- 1— Nơi chấy sinh sống và sự tai hại của chấy.
- 2— Diệt trừ chấy.

Bài học

Đầu tóc dài và dơ-bẩn thường hay có chấy. Chấy sống bám vào da đầu để hút máu. Chấy còn truyền bệnh cho ta nữa.

Muốn trừ chấy, ta phải hớt tóc ngắn và năng gội đầu.

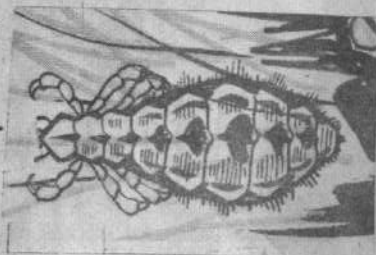
Câu hỏi

— Vì sao ta có chấy? — Chấy sống bám vào đâu? — Chấy truyền bệnh gì cho ta? — Muốn diệt trừ chấy ta phải làm gì?

11.— TRỪ RẬN

Dàn bài

- 1— Nơi rận sinh sống và sự tai hại.
- 2— Diệt trừ rận.



Bài học

Thân-thề và quần áo dơ bẩn thì hay có rận. Rận hút máu, làm ta ngứa ngáy khó chịu. Đôi khi rận truyền bệnh cho ta nữa.

Muốn trừ rận, ta phải năng thay quần áo và hằng ngày phải tắm rửa bằng xà-bông.

Câu hỏi

— Vì sao ta có rận? — Rận gây hại gì cho ta? — Muốn diệt trừ rận ta phải làm gì?

12.— SỞ MŨI

Dàn bài

- 1— Nguyên nhân.
- 2— Cách phòng ngừa.

Bài học

Khi bị lạnh bất-thần hoặc khi màng mũi bị kích-thích thì nước mũi chảy ra. Như thế là bị sổ mũi.

Muốn cho khỏi sổ mũi, về mùa lạnh ta nên mặc áo ấm. Khi ra ngoài, ta nên dùng khăn tay che mũi. Ta cũng nên tránh những nơi có gió lùa.

Câu hỏi

— Vì sao ta bị sổ mũi ? — Muốn cho khỏi bị sổ mũi ta phải làm thế nào ?

13 — ĐAU BỤNG**Dàn bài**

- 1— Nguyên-nhân — Sự sẵn sóc.
- 2— Cách phòng ngừa.

Bài học

Đau bụng là do bị nhiễm lạnh, ăn phải thức ăn khó tiêu hay bị ngộ-độc. Khi đau bụng phải nhịn cơm, xoa dầu bạc-hà và đắp bụng cho ấm.

Muốn phòng ngừa chứng đau bụng, ta phải ăn uống điều-độ, hợp vệ-sinh, đừng để bị nhiễm lạnh.

Câu hỏi

— Vì sao ta bị đau bụng ? — Khi đau bụng ta phải làm thế nào ? — Ta phòng ngừa chứng đau bụng cách nào ?

14 — BỆNH ĐI RỬA (TIÊU CHẢY)**Dàn bài**

- 1.— Nguyên nhân — Sự sẵn-sóc.
- 2.— Phòng ngừa.

Bài học

Đi rửa là tại đề lạnh bụng, hay ăn phải thức ăn thiêu hoặc khó tiêu. Khi đi rửa, ta phải đắp bụng cho ấm, xoa dầu bạc hà vào bụng và chỉ ăn những thức ăn nhẹ.

Muốn phòng ngừa chứng đi rửa, ta phải ăn uống cho hợp vệ-sinh và đừng đề nhiễm lạnh.

Câu hỏi

— Vì sao ta mắc chứng đi rửa ? — Khi đi rửa ta phải làm gì ? — Muốn phòng ngừa chứng đi rửa ta phải làm thế nào ?

15 — BỆNH CẢM**Dàn bài**

1— Nguyên-nhân — Sự sẵn-sóc.

2— Phòng ngừa.

Bài học

Ta thường bị cảm khi trúng nắng, trúng gió hoặc bị nhiễm lạnh. Khi bị cảm, ta phải nằm nghỉ ngơi, uống thuốc cảm giữ người cho ấm và chỉ nên ăn cháo.

Muốn tránh bệnh cảm, ta phải giữ-gìn sức-khoẻ. Khi ra nắng phải đội mũ; khi trời lạnh, phải mặc cho đủ ấm.

Câu hỏi

— Vì sao ta bị cảm ? — Khi bị cảm ta phải làm thế nào ? — Muốn tránh bệnh cảm ta phải làm thế nào ?

16 — TRÁNH NƠI ẨM THẤP**Dàn bài**

1— Nơi ẩm thấp không hợp vệ-sinh.

2— Phải tránh nơi ẩm thấp.

Bài học

Nơi ẩm thấp thường có bùn lầy, nước đọng, ít ánh sáng. Ở những nơi này, có ruồi, muỗi, chuột bọ và các thứ vi-trùng sinh sống.

Ta nên tránh nơi ẩm thấp vì ở đó dễ mắc bệnh sốt-rét, thương-hàn, kiết-lỵ v.v...

Câu hỏi

— Thế nào là nơi ẩm thấp? — Ở những nơi này có những giống vật nào sinh sống? — Tại sao ta nên tránh những nơi ẩm thấp?

17.— BỆNH NHỨC ĐẦU**Đàn bài**

- 1— Nguyên-nhân.
- 2— Cách phòng ngừa.

Bài học

Ra nắng lâu, bị trúng lạnh, thức khuya, làm việc bằng trí óc nhiều, ta thường bị nhức đầu.

Muốn phòng ngừa chứng nhức đầu, ta không được thức khuya, đứng chỗ có gió lùa. Ta phải mang mũ, nón khi ra nắng và mặc áo ấm khi trời lạnh.

Câu hỏi

— Khi nào ta bị nhức đầu? — Muốn để phòng chứng nhức đầu ta phải làm thế nào?

18.— BÀI ÔN**Câu hỏi**

- 1— Thế nào là bệnh truyền-nhiễm? Nguyên nhân của bệnh truyền-nhiễm là gì?
- 2— Khạc nhổ bậy nguy-hiểm như thế nào?
- 3— Ruồi sinh sống ở đâu? Muốn trừ ruồi muỗi ta phải làm thế nào?

Chương III

VỆ-SINH CÁ-NHÂN

19.- VỆ-SINH VỀ MẮT

Dàn bài

- 1— Không đưa tay dơ, khăn dơ lên mắt.
- 2— Cách đọc sách cho khỏi hại.

Bài học

Khi dụi tay bẩn lên mắt, ta thường bị đau mắt. Ta chỉ rửa mặt bằng nước sạch và khăn mặt riêng.

Muốn cho khỏi hại mắt, đọc sách ta phải để sách vừa tầm mắt. Ta không nên đọc sách ở chỗ tối hoặc chỗ ánh sáng chói quá.

Câu hỏi

— Thường khi nào ta bị đau mắt ? — Tại sao ta không nên dùng chung khăn với người khác ? — Khi đọc sách, ta phải để sách thế nào ? — Ta không nên đọc sách ở những chỗ như thế nào ?

20.- VỆ SINH VỀ TAI

Dàn bài

- 1— Không giữ-gìn tai có thể bị thối hoặc bị điếc.
- 2— Cách giữ-gìn tai.

Bài học

Không giữ-gìn sạch-sẽ, tai dễ bị thối. Màng nhĩ rất mỏng, nếu bị rách thì ta sẽ điếc.

Vậy hàng ngày, ta nên dùng khăn mặt sạch để rửa tai cho thực sạch-sẽ. Ta chớ nên dùng vật nhọn để ngoáy tai. Nếu tai nhiều ráy, ta dùng tăm quần bông gòn mà ngoáy lỗ tai.

Câu hỏi

— Không giữ-gìn sạch-sẽ, tai sẽ ra sao ? — Khi nào ta bị điếc ? — Muốn giữ tai cho sạch ta phải làm thế nào ? — Ta ngoáy lỗ tai cách nào ?

22. — VỆ-SINH VỀ SỰ HÔ-HẤP**Dàn bài**

- 1— Tập thở-dục.
- 2— Giữ-gìn hai lá phổi.
- 3— Không mặc áo chật.

Bài học

Ta phải năng tập-thở-dục cho phổi được nở-nang.
Muốn tránh những chứng bệnh về phổi, ta chỉ nên thở bằng mũi, giữ ngực cho ấm và tránh xa người bị lao phổi.

Quần áo ta mặc phải vừa rộng để sự hô-hấp được dễ-dàng.

Câu hỏi

— Ta phải năng tập thở-dục để cho phổi được thế nào ? — Muốn tránh bệnh về phổi ta phải làm thế nào ? — Tại sao ta nên mặc quần áo rộng ?

21. — VỆ-SINH VỀ SỰ TIÊU-HÓA**Dàn bài**

- 1— Ăn uống điều-độ.
- 2— Giữ-gìn dạ-dày và ruột.

Bài học

Muốn cho sự tiêu-hoá dễ-dàng, ta nên ăn uống chừng mực và đúng giờ.

Khi ăn ta cần nhai kỹ thức ăn. Ta không nên ăn đồ cay, chua quá và nhất là không được uống rượu.

Câu hỏi

— Muốn cho sự tiêu hoá dễ-dàng, ta phải làm thế nào ? —
Ta nên cứ ăn những loại đồ ăn nào ? — Tại sao ?

23.— VỆ SINH VỀ RĂNG

Dàn bài

1— Răng tốt giúp cho sự tiêu-hóa được dễ-dàng.

2— Giữ-gìn răng

Bài học

Răng tốt thì nhai thức ăn mới kỹ, nhờ đó sự tiêu-hóa được dễ-dàng.

Ta phải giữ-gìn răng. Hằng ngày ta đánh răng và xỉa răng, súc miệng sau mỗi bữa ăn. Ta không nên ăn nhiều kẹo và chất chua. Ta cũng không nên uống nước nóng quá hoặc lạnh quá.

Câu hỏi

— Răng dùng để làm gì ? — Răng tốt có lợi gì cho ta ?
— Ta phải giữ-gìn bộ răng ra sao ? — Ta không nên ăn uống những thức gì để giữ cho răng được tốt.



24 — VỆ-SINH VỀ SỰ TUẦN-HOÀN.

Dàn bài

- 1— Giữ cho máu lưu thông dễ-dàng.
- 2— Giữ cho tim khỏi đập mạnh.

Bài học

Muốn cho máu lưu thông dễ-dàng, ta chớ nên mặc quần-áo chật, đi giày chật. Ta cũng không nên đứng quá lâu một chỗ. Lúc ngủ, ta phải nằm cho thoải-mái, đầu để hơi cao.

Ta phải giữ cho tim khỏi đập mạnh. Muốn thế, ta không nên chạy, nhảy quá độ và nhất là không được uống rượu, cà phê hay hút thuốc.

Câu hỏi

— Tại sao ta không nên mặc quần áo chật? — Lúc ngủ ta phải nằm thế nào? — Muốn cho tim khỏi đập mạnh, ta giữ những điều gì?

25.— VỆ SINH VỀ SỰ BÀI-TIẾT

Dàn bài

- 1— Các chất độc cần được tống ra ngoài.
- 2— Vệ-sinh về sự bài-tiết.

Bài học

Trong cơ-thể ta có nhiều chất độc như thán-khí, mồ hôi, phân và nước tiểu. Các chất độc này cần được tống ra ngoài.

Vậy ta phải thở cho đều và nên thở bằng mũi. Ta cần tập thói quen đi tiêu đúng giờ, nhất là vào buổi sáng. Ta tắm gội hàng ngày để cho da-dẻ được sạch-sẽ, mồ hôi dễ thoát ra ngoài.

VỆ SINH

Câu hỏi

— Các chất độc nào cần phải tống ra ngoài ? — Ta nên thở như thế nào ? — Ta nên đi tiêu ra sao ? — Tại sao ta cần phải tắm gội luôn ?

26 VỆ SINH VỀ SỰ BÀI-TIẾT : NƯỚC TIÊU

Dàn bài

- 1— Không đi tiêu được rất nguy-hiêm.
- 2— Phòng ngừa bí tiêu-tiền.

Bài học

Nước tiêu rất nhiều chất độc. Nếu không đi tiêu được, ta sẽ bị bệnh.

Muốn cho tiêu-tiền được điều-hoà, ta nên ăn nhiều rau, tránh uống trà đặc, cà phê và không nên thức khuya.

Câu hỏi

— Nước tiêu chứa chất gì ? — Không đi tiêu được sẽ có hại gì ? — Muốn cho tiêu-tiền được điều-hoà ta phải làm thế nào ?

27— HỌC ÔN

- 1— Thường khi nào ta bị đau mắt ? — Tại sao ta không nên dùng chung khăn với người khác ?
- 2— Không giữ-gìn sạch-sẽ, tai sẽ ra sao ? — Khi nào ta bị điếc ?
- 3— Ta phải năng tập thể-dục để cho phổi được thế nào ?
- 4— Muốn tránh bệnh về phổi ta phải làm thế nào ?
- 5— Muốn cho sự tiêu hoá dễ-dàng, ta phải làm thế nào ?
- 6— Răng tốt có lợi gì cho ta ? — Ta phải giữ-gìn bộ răng ra sao ?

28.— BỆNH ĐAU MẮT

Dàn bài

- 1— Nguyên nhân.
- 2— Phòng ngừa.
- 3— Cách chữa.

Bài học

Ta thường bị bệnh đau mắt vì dụi tay dơ vào mắt hoặc rửa mặt bằng nước dơ, khăn mặt dơ.

Muốn tránh bệnh đau mắt, ta phải giữ vệ-sinh về mắt, nhất là không nên dùng khăn chung với người bệnh.

Khi bị đau mắt, ta tra thuốc. Nếu bệnh nặng, ta phải nhờ bác-sĩ chữa trị.

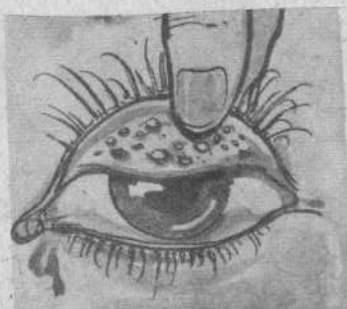
Câu hỏi

— Tại sao ta bị đau mắt? — Muốn tránh đau mắt ta phải làm thế nào? — Khi bị đau mắt, ta làm gì? .

29.— BỆNH ĐAU MẮT HỘT

Dàn bài

- 1— Nguyên nhân.
- 2— Bệnh trạng.
- 3— Phòng ngừa.



Bài học

Bệnh đau mắt hột hay lây, do một vi-trùng cực nhỏ gây ra. Khi đau mắt hột thì ngứa-ngáy, trong mí mắt có hột nhỏ mọc chi-chít. Lâu ngày hột đỏ vỡ và thành sẹo. Nếu không chữa đúng phép có thể bị mù.

Muốn tránh bệnh đau mắt hột, ta phải giữ-gìn mắt cho sạch- sẽ và phải rửa mặt bằng khăn riêng.

Câu hỏi

Vì sao ta bị bệnh đau mắt hột? — Khi đau mắt hột ta thấy thế nào? — Bệnh đau mắt hột nguy hiểm ra sao? — Muốn tránh bệnh đau mắt hột ta phải làm thế nào?

30. — BỆNH ĐAU MẮT MỦ

Dàn bài

- 1— Nguyên nhân.
- 2— Bệnh trạng.
- 3— phòng ngừa.

Bài học

Ta mắc bệnh đau mắt mù vì sờ phải vi-trùng bệnh lở, bệnh lậu rồi dụi tay lên mắt.

Khi bị bệnh đau mắt mù thì mắt đỏ, sưng lên, có mủ vàng chảy ra. Nếu không chữa kịp ta có thể bị mù.

Muốn tránh bệnh đau mắt có mủ ta không được dụi tay bẩn vào mắt, phải rửa mắt bằng nước sạch và khăn riêng.

Câu hỏi

— Vì sao ta mắc bệnh đau mắt có mủ? — Khi bị bệnh đau mắt có mủ ta thấy thế nào? — Muốn tránh bệnh đau mắt có mủ ta phải làm gì?

31. — BỆNH GHỀ

Dàn bài

- 1— Nguyên nhân.
- 2— Bệnh trạng.
- 3— Phòng ngừa.



Bài học

Bệnh ghẻ do con cái ghẻ gây ra. Khi bị ghẻ, ta thấy mụn nổi lên ở kẽ tay, nách, háng, ngứa-ngáy khó chịu.

Muốn tránh bệnh ghẻ, ta nên tắm gội và thay quần áo. Ta cũng không nên ngủ chung với người bệnh.

Câu hỏi

— Bệnh ghẻ do con gì gây ra? — Khi bị ghẻ ta thấy thế nào? — Muốn tránh bệnh ghẻ, ta phải làm thế nào?

32.— BỆNH CHỐC ĐẦU**Dàn bài**

- 1— Nguyên nhân.
- 2— Bệnh trạng.
- 3— Phòng ngừa.

Bài học

Đề tóc dài và không năng gội đầu, ta có thể bị bệnh chốc đầu.

Khi bị bệnh chốc đầu, ta thấy mụn mọc trên da đầu chi-chít, mụn vỡ mủ chảy ra hôi tanh khó chịu.

Muốn tránh bệnh chốc đầu, ta phải hớt tóc ngắn và phải năng gội đầu bằng xà-bông.

Câu hỏi

— Vì sao ta bị bệnh chốc đầu? — Khi bị bệnh chốc đầu ta thấy thế nào? — Ta tránh bệnh chốc đầu cách nào?



